

Luận Đại Trí Độ

Tập IV

Cuốn 71 - 75

(Mahàprajñàparamitàsatra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Luận Đại Trí Độ

Tập IV

Cuốn 71 - 75

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Cuốn 71	3
GIẢI THÍCH: PHẪM THÍ DỤ THỨ 51.....	3
GIẢI THÍCH: PHẪM TRI THỨC THỨ 52.	8
GIẢI THÍCH: PHẪM THÚ TRÍ THỨ 53.	19
Cuốn 72	24
GIẢI THÍCH: PHẪM ĐẠI NHƯ THỨ 54.	24
Cuốn 73	47
GIẢI THÍCH: PHẪM CHẴNG THOÁI CHUYỂN THỨ 55.....	47
GIẢI THÍCH: PHẪM CHUYỂN BÁNH XE BẤT THOÁI THỨ 56	59
Cuốn 74	67
GIẢI THÍCH: PHẪM THÂM ÁO THỨ 57.	75
Cuốn 75	88

Cuốn 71

GIẢI THÍCH: PHẨM THÍ DỤ THỨ 51.

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: "Thí như trong biển lớn, thuyền bị vỡ, người trong thuyền, nếu không dùng đồ vật, không dùng phao nổi, không dùng cây chết. Tu bồ đề, nên biết người ấy không đến được bờ kia, bị chết chìm trong biển. Tu bồ đề, nếu khi thuyền vỡ, người trong thuyền dùng cây, dùng đồ vật, phao nổi, cây chết, nên biết người ấy trọn không bị chết chìm, an ổn, vô ngại, đến được bờ kia.

Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ như cầu Phật đạo cũng như vậy. Nếu chỉ có tâm tin vui, mà không nương Bát nhã ba la mật thâm sâu, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng; không nương Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng, cho đến không nương trí Nhất thiết chủng, không chép, không đọc tụng, không nhớ nghĩ đúng. Nên biết thiện nam tử ấy, giữa đường bị suy hao, chưa đến được trí Nhất thiết chủng, chỉ thủ chứng Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Tu bồ đề, nếu có thiện nam tử, thiện nữ như cầu Phật đạo vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có ham muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn, người ấy nương Bát nhã ba la mật thâm sâu, giữ gìn, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, ham muốn, hiểu biết, buông bỏ, tinh tấn, vì được Bát nhã ba la mật thâm sâu thủ hộ cho đến được trí Nhất thiết chủng thủ hộ. Vì được Bát nhã ba la mật thâm sâu thủ hộ cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ nên trọn không bị suy hao giữa đường, vượt quá Thanh văn địa, Bích chi Phật địa, hay làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, thí như nam tử, nữ như cầm bình đất lấy nước, nên biết bình ấy không bao lâu tan rã, vì có sáo. Vì bình ấy chưa nung chín nên trở lại về với đất. Cũng như vậy, Tu bồ đề! Thiện nam tử, thiện nữ như tuy có vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có an ổn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn mà không được Bát nhã ba la mật phương tiện lực thủ hộ. Không được Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật thủ hộ, không được nội không, cho đến vô

pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, mười trí lực của Phật, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ. Tu bồ đề, nên biết người ấy bị suy hao giữa đường, rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Tu bồ đề, thí như nam tử, nữ nhơn cầm chiếc bình đã nung chín lầy nước ở sông, giếng, ao, suối, nên biết chiếc bình ấy giữ nước rất an ổn, vì có sao? Vì chiếc bình ấy đã nung chín. Cũng như vậy Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tinh tâm, thâm tâm, ham muốn, hiểu biết, buông bỏ, tinh tấn, lại được Bát nhã ba la mật, phương tiện thủ hộ, được thiên định, tinh tấn, nhẫn, giới, thí, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ. Tu bồ đề, nên biết người ấy không bị suy hao giữa đường, vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, thí như bên bờ biển lớn, thuyền chưa trang bị liền đem đồ vật chất lên trên. Nên biết thuyền ấy bị vỡ chìm giữa đường, thuyền cùng đồ vật ở chung một chỗ, đó là vì khách buôn không có lực phương tiện nên nó mất hết của cải. Cũng như vậy Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy cầu Phật đạo tuy có tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tinh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, tinh tấn, nhưng không được Bát nhã ba la mật, phương tiện lực thủ hộ, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ, nên biết người ấy bị suy hao giữa đường, mất hết trân bảo lớn. Trân bảo lớn là trí Nhất thiết chủng; suy hao là rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Tu bồ đề, thí như có người có trí phương tiện, ở tại bờ biển trang bị thuyền lớn, sau mới đẩy xuống nước, đem tài vật chất lên mà đi. Nên biết thuyền ấy không bị giữa đường vỡ chìm, chắc chắn được an ổn, đi đến nơi chốn. Cũng như vậy Tu bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tinh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, tinh tấn, nhẫn nhục, giới, thí, cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ; nên biết Bồ tát ấy đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bị rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa.

Tu bồ đề, thí như có người 120 tuổi, tuổi già, các căn suy yếu, lại có các bệnh gió, lạnh, nóng, hoả 7841?c tạp bệnh. Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao, người ấy có thể từ giữa đường đứng dậy chăng?

Tu bồ đề thưa: Không thể.

Phật dạy: Người ấy hoặc có thể đứng dậy thì thế nào?

Tu Bồ đề thừa: Người ấy tuy đứng dậy mà không thể đi xa, hoặc 10 dặm, hoặc 20 dặm, vì già bệnh.

Phật dạy: Cũng như vậy, Tu Bồ đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn tuy có tâm vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, tinh tấn, nhưng không được Bát nhã ba la mật thủ hộ; nên biết người ấy giữa đường rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, vì có sao? Vì không được Bát nhã ba la mật thủ hộ.

Tu Bồ đề, thí như người già 120 tuổi trước kia, tuổi già, các căn suy yếu, lại có các bệnh gió, lạnh, nóng, hoặc tạp bệnh. Người ấy muốn đứng dậy đi có hai người mạnh dìu hai nách nói với người già rằng: Đừng có sợ khó, muốn đi đến đâu hai người chúng tôi trọn không rời bỏ. Cũng như vậy, Tu Bồ đề, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có tín, nhẫn, tịnh tâm, thâm tâm, dục, giải, xả, tinh tấn, nhờ được Bát nhã ba la mật phương tiện được thủ hộ, cho đến nhờ có trí Nhất thiết chủng thủ hộ, nên biết người ấy không giữa đường rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, có thể đi đến nơi chốn là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bồ tát có hai hạng: 1. Hạng ngộ được thật tướng các pháp. 2. Hạng tuy chưa ngộ được thật tướng nhưng đối với trong Phật đạo có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có ham muốn, có hiểu biết, có buông bỏ, có tinh tấn. *Tín* là tin nghiệp tội phước, quả báo; tin và tu sáu Ba la mật thời được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có người tuy tin Phật đạo nhưng tư duy, từ lượng tâm không thể nhẫn chịu, còn ở đây nhẫn được nên nói có *nhẫn*. Có người tuy nhẫn, nhưng vì tà kiến, nghi ngờ chưa dứt, tâm ô trược không thanh tịnh, còn ở đây thanh tịnh nên nói có *tịnh*. Có người tuy có tín, nhẫn, tịnh tâm, nhưng có cạn có sâu, còn ở đây sâu nên nói *thâm tâm*. Có đủ nhân duyên của bốn thứ trên nên nhất tâm muốn được Vô thượng đạo, không muốn việc gì khác, thế nên nói có *dục*. Rõ ràng quyết định, biết vô thượng đạo là lớn, các việc thế gian là nhỏ, thế nên nói có *giải*. Vì có tâm dục giải quyết định, nên buông bỏ của cải và buông bỏ các ác tâm, phiền não, xan lạn, sân hận v.v... thế nên nói *xả*. Vì xả nên thường hay *tinh tấn*. Có các công đức như vậy, nếu không được Bát nhã ba la mật, hoặc khi thân hoại mạng chung, hoặc bị ác tri thức làm trở ngại thời mất Bồ tát đạo. Vì có công đức của thế gian nên hưởng thọ quả báo thế gian nhưng về sau rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, không thể đạt đến vô thượng đạo.

Trong đây Phật tự nói năm ví dụ: Chiếc thuyền là dụ thân hành giả; phao nổi v.v... là dụ Bát nhã phương tiện; chiếc bình là dụ Bồ tát đạo. Bát nhã phương

tiện là lừa, vì chưa cùng Bát nhã phương tiện hoà hợp nên không thể giữ gìn nước công đức của sáu Ba la mật đạt đến vô thượng đạo; không sửa sang chiếc thuyền là Bồ tát không có phương tiện; vật báu về các công đức tín, nhẫn v.v... là năm chiếc thuyền thiện pháp Ba la mật. Thuyền và báu ở riêng rẽ là ví trái với bốn nguyện, hoặc hưởng thọ cái vui cõi trời, cõi người, hoặc rơi vào Nhị thừa. Lợi lớn là chỉ cho Phật pháp bảo và Nhất thiết trí v.v... người già bệnh là ví Bồ tát có các công đức tín, nhẫn v.v... nhưng không dứt 62 tà kiến, nên gọi là già, không dứt 108 phiền não nên gọi là bệnh. Từ giường đứng dậy là ví từ giường "tam giới" đứng dậy, ta sẽ thành Phật. Vì nhân duyên tà kiến phiền não, nên không thể thành Bồ tát đạo. Hai người mạnh là ví *Bát nhã và phương tiện*. Bát nhã ba la mật hay dứt các phiền não tà kiến, lý luận đưa đến trong rất ráo không, còn phương tiện đưa ra khỏi rất ráo không.

KINH: Bấy giờ, Phật nói với Tu bồ đề: "Lành thay, ông vì các Bồ tát mà hỏi các việc ấy. Tu bồ đề, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn cầu Phật đạo, từ khi mới phát tâm lại đây, đem tâm chấp ta, và của ta, làm việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khi bố thí nghĩ rằng: Ta là thí chủ, ta thí cho người ấy, ta thí vật ấy; ta tu trì giới, ta tu nhẫn, ta tinh tấn, ta nhập định, ta tu trí tuệ. Thiện nam tử, thiện nữ nơn ấy nghĩ là thí, ấy là ta thí, cho đến ấy là trí tuệ, vì có sao? Vì trong Thí ba la mật, không có sự phân biệt như vậy, xa lìa bờ này, bờ kia, đó là tướng trạng của Thí ba la mật. Trong Giới ba la mật; Nhẫn ba la mật; Tấn ba la mật; Thiền ba la mật; Bát nhã ba la mật không có sự phân biệt như vậy, vì có sao? Vì xa lìa bờ này, bờ kia, là tướng trạng của Bát nhã ba la mật. Người ấy không biết bờ này, không biết bờ kia; vì người ấy không được Thí ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ nên rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, không thể đạt đến Nhất thiết trí.

Này Tu bồ đề, người cầu Phật đạo không có phương tiện thế nào?

Tu bồ đề, người cầu Phật đạo từ khi mới phát tâm lại đây, không có phương tiện tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; người ấy nghĩ như vậy: Ta bố thí, thí cho người ấy, lấy vật ấy là thí; ta trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhập định, tu trí tuệ, tu trí tuệ như vậy; người ấy nghĩ ấy là bố thí, ấy là ta bố thí, lấy việc bố thí mà tự cao, nghĩ ấy là giới, ấy là ta trì giới, lấy việc trì giới mà tự cao; nghĩ ấy là nhẫn, ấy là ta nhẫn, lấy việc nhẫn nhục mà tự cao; nghĩ ấy là tinh tấn, ấy là ta tinh tấn, lấy việc ta tinh tấn mà tự cao, nghĩ ấy là thiền định, ấy là ta thiền định, lấy việc thiền định mà tự cao, nghĩ ấy là tuệ, ấy là ta trí tuệ, lấy việc trí tuệ mà tự cao, vì có sao? Vì trong Thí ba la mật không có sự phân biệt như vậy, xa lìa bờ này bờ kia, là tướng trạng của Thí ba la mật; xa lìa bờ này bờ kia là tướng

trạng của Giới ba la mật; xa lia bờ này bờ kia , là tướng trạng của Nhẫn ba la mật. Xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Tinh tấn ba la mật. Xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Thiên ba la mật. Xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có sự nghĩ nhớ phân biệt như vậy. Thiện nam tử, thiện nữ nơn cầu Phật đạo, không biết bờ này bờ kia, vì người ấy không được Thí ba la mật thủ hộ, không được Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật thủ hộ, cho đến không được trí Nhất thiết chủng thủ hộ, nên rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo, không thể đến được Nhất thiết trí. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát vì không được Bát nhã ba la mật và sức phương tiện thủ hộ, nên rơi vào Thanh văn và Bích chi Phật đạo.

Này Tu bồ đề, thế nào là Bồ tát ma ha tát được Bát nhã và sức phương tiện thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn và Bích chi Phật đạo, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu bồ đề, Bồ tát từ khi mới phát tâm lại đây, do sức phương tiện, bố thí không có tâm chấp ta và của ta mà bố thí, cho đến không có tâm chấp ta và của ta mà tu trí tuệ; người ấy không nghĩ rằng ta có đây là thí, đây là ta thí, không lấy việc bố thí để tự cao, cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Bồ tát ấy không nghĩ rằng ta thí, không nghĩ rằng ta thí cho người ấy, dùng vật ấy thí, không nghĩ rằng ta trì giới, có trì giới ấy; không nghĩ rằng ta nhẫn nhục, có nhẫn nhục ấy; không nghĩ rằng ta tinh tấn, có tinh tấn ấy; không nghĩ rằng ta thiên định, có thiên định ấy; không nghĩ rằng ta tu trí tuệ, có trí tuệ ấy, vì có sao? Vì trong Thí ba la mật. Không có sự phân biệt như vậy. Xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Thí ba la mật; xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Giới ba la mật; xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Nhẫn nhục ba la mật; xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Tinh tấn ba la mật; xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Thiên ba la mật; xa lia bờ này bờ kia là tướng trạng của Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có sự phân biệt như vậy. Bồ tát ấy biết bờ này, bờ kia, vì Bồ tát ấy được Thí ba la mật thủ hộ; Giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật thủ hộ cho đến được trí Nhất thiết chủng thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, đến được Nhất thiết trí. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát được Bát nhã ba la mật và lực phương tiện thủ hộ nên không rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, mau được vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Bây giờ, Phật chấp thuận ý Tu bồ đề, lại nói nhân duyên làm mất kết quả tu hành. Bồ tát tuy tu hành thiện pháp, tín, nhẫn v.v... cũng không được vô

thượng đạo, đó là vì đem tâm chấp ta, và của ta, tu sáu Ba la mật. Trong đây nói không phân biệt bờ này bờ kia vì tướng xa lìa là tướng của Bát nhã ba la mật mà lại phân biệt chấp trước tu hành, thế là mất.

Trên đây, tuy Phật nói nghĩa không có phương tiện nhưng không nói cái danh không có phương tiện, vì muốn khiến việc ấy rõ ràng nên bảo Tu bồ đề: Thế nào là có phương tiện, không phương tiện? Bên trong không có tâm chấp ta và của ta, bên ngoài quán hết thấy pháp không, không thủ tướng, Bát nhã phương tiện cho đến trí Nhất thiết chủng thủ hộ Bồ tát nên gọi là có phương tiện.

Thủ hộ ở phía năm Ba la mật được lực công đức, ở phía Bát nhã ba la mật được lực trí tuệ, do hai nhân duyên ấy nên không mất đạo.

GIẢI THÍCH: PHẨM TRI THỨC THỨ 52.

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Thiện Tri Thức)

KINH: Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, hàng Bồ tát tân học, nên học Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Trì giới ba la mật, Thí ba la mật như thế nào?"

Phật bảo Tu bồ đề: Hàng Bồ tát tân học, nếu muốn học Bát nhã ba la mật, Thiền, Tinh tấn, Nhẫn, Giới, Thí ba la mật. Trước tiên nên thân cận cúng dường thiện tri thức, người có thể thuyết giảng Bát nhã ba la mật thâm sâu. Người ấy dạy rằng: Thiện nam tử, người có bố thí gì, tất cả hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, tất cả hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người chớ cho sắc là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho thọ, tưởng, hành, thức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Thí ba la mật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Bát nhã ba la mật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho nội không cho đến vô pháp, hữu pháp không là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo phần là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chớ cho mười trí lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì có sao? Vì không chấp thủ sắc liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không chấp thủ thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không chấp thủ nội không cho đến vô

pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, khi tu Bát nhã ba la mật thâm sâu chớ tham sắc, vì sao? Vì sắc chẳng phải cái có thể tham; chớ tham thọ, tưởng, hành thức, vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là cái có thể tham. Thiện nam tử, chớ tham Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, chớ tham nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chớ tham bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, chớ tham bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, chớ tham mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật. Vì sao? Vì trí Nhất thiết chủng chẳng phải là cái có thể tham. Thiện nam tử, chớ tham quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán; chớ tham Bích chi Phật đạo, chớ tham Bồ tát vị, chớ tham Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải là cái có thể tham, vì sao? Vì các pháp tự tánh không.

LUẬN: Hỏi: Tu bồ đề hỏi chỗ sở hành của hàng tân học có sao Phật đáp việc tu hành vi diệu lâu ngày của Bồ tát, đó là không chấp thủ hết thấy pháp, vì hết thấy pháp tánh không?

Đáp: Các pháp tánh không có hai: 1. Cái không của đại Bồ tát ngộ được. 2. là nhu thuận nhẫn của tiểu Bồ tát học được vì trí tuệ mà phát tâm. Trong đây chỉ nói về cái không của tiểu Bồ tát học được.

* Lại nữa, có khi vị của trí tuệ, Phật kể: là Bồ tát, nếu không có khí vị của trí tuệ, thời tuy tu hành các công đức lâu ngày, Phật không kể là Bồ tát. Thí như Phật nói, tướng trạng của Đánh pháp ở trong Thanh văn đối với Tam bảo có lòng tin chút ít, gọi là Đánh pháp; lòng tin ấy cao hơn Noãn pháp nhờ tu thiền định phát sanh, do tâm cõi Sắc đạt được, nó đối với vô ngại giải thoát của Phật là bé nhỏ, nhưng đối với người phàm là lớn. Như vậy, Bồ tát mới phát tâm có được khí vị của Bát nhã ba la mật, nên có thể lãnh thọ sự giáo hoá gọi là tân học, quá hơn công đức năm Ba la mật đối với người phàm là lớn, đối với Phật là nhỏ.

* Lại nữa, Phật không nói thẳng các pháp tánh không, mà trước tiên dạy cúng dường thân cận thiện tri thức, nhờ thiện tri thức nói công đức năm Ba la mật. Thiện tri thức tuy mỗi mỗi giáo hoá, nhưng Phật chỉ khen pháp bất hoại, đó là đối với sắc pháp v.v... không tham, không đắm, không thủ. Thí như chim cánh vàng mới sanh, từ một núi Tu di bay đến một núi Tu di, Bồ tát cũng như vậy, mới học đã có thể sanh trí sâu xa như vậy, huống gì học lâu. Lại như đóm lửa nhỏ có

thể đốt cháy, huống gì là lửa lớn. Bồ tát cũng như vậy, lúc mới học có thể dùng trí tuệ, chuyển đổi pháp thế gian khiến rốt ráo không, đốt cháy các phiền não, huống gì đắc lực đầy đủ.

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát làm được việc khó làm, ở trong hết thấy pháp tánh không mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, Bồ tát làm được việc khó, ở trong hết thấy pháp tánh không mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, các Bồ tát vì an ổn cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì an lạc cho thế gian, vì cứu thế gian, vì làm chỗ quy hướng cho thế gian, vì làm nơi nương tựa cho thế gian, vì làm gò bãi cho thế gian, vì dẫn đạo thế gian, vì làm đạo rốt ráo cho thế gian, vì làm chỗ đi đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, Bồ tát vì an ổn thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, khi Bồ tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem chúng sanh ra khỏi sáu đường, đặt vào nơi bờ Niết bàn vô úy. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì an ổn cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì an lạc cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đem chúng sanh ra khỏi cái u sầu, khổ não, đau khổ vào nơi bờ Niết bàn vô úy. Ấy là Bồ tát vì an lạc cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì cứu thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu các khổ nạn trong đường sanh tử cho chúng sanh, cũng thuyết pháp để dứt các khổ ấy, chúng sanh nghe pháp, tạm dùng Tam thừa để được độ thoát. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì cứu thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm chỗ quy hướng cho thế gian, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu chúng sanh ra khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, sầu não đem

đặt vào nơi bờ Niết bàn vô úy. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì làm chỗ quy hướng cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sanh nói hết thầy pháp không có chỗ nương tựa. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, hết thầy pháp không có chỗ nương tựa như thế nào?

Phật dạy: Sắc không tương tục tức là sắc không sanh, sắc không sanh tức là sắc không diệt, sắc không diệt tức là sắc không có chỗ nương tựa; thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng cũng lại như vậy. Tu bồ đề, ấy là vì làm chỗ nương tựa cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm đạo cứu cánh cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, nếu khi Bồ tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sanh nói pháp như vậy: Tướng rốt ráo của sắc chẳng phải là sắc; tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng phải là trí Nhất thiết chủng. Tu bồ đề, tướng cứu cánh : "Như ", tướng hết thầy pháp cũng như vậy.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, nếu tướng hết thầy pháp cứu cánh "như " thời các Bồ tát đều nên tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì có sao? Vì trong tướng rốt ráo của sắc không có phân biệt; trong tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức, không có phân biệt cho đến trong tướng rốt ráo của trí Nhất thiết chủng không có phân biệt cho là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Trong tướng rốt ráo của sắc không có phân biệt, trong tướng rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có phân biệt gọi là sắc cho đến gọi là trí Nhất thiết chủng. Tu bồ đề, ấy là việc kho ù của Bồ tát ma ha tát. Quán tướng các pháp tịch diệt như vậy, mà tâm không ẩn khuất, không sợ hãi, vì có sao? Vì Bồ tát nghĩ rằng các pháp thâm sâu ấy ta nên biết như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Pháp vi diệu tịch diệt như vậy ta sẽ vì chúng sanh nói ra. Ấy là Bồ tát vì làm đạo cứu cánh cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm gò bãi cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Tu bồ đề, hoặc ở giữa sông ngòi, biển lớn, nước bốn bên bị gián đoạn ấy là cồn bãi. Tu bồ đề, sắc cũng như vậy, đời trước đời sau làm gián đoạn, ; thọ, tưởng, hành, thức đời trước đời sau gián đoạn, cho đến trí Nhất thiết chủng đời trước đời sau gián đoạn. Vì đời trước đời sau gián đoạn ấy nên hết thấy pháp cũng gián đoạn. Tu bồ đề, vì hết thấy pháp đời trước đời sau gián đoạn ấy, nên tức là tịch diệt, tức là diệu bảo, nghĩa là không, không có gì thủ đắc, ái sạch hết không còn, ly dục Niết bàn. Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đem pháp tịch diệt vi diệu, vì chúng sanh nói. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát vì làm cồn bãi cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ tát vì làm dẫn đạo cho chúng sanh như thế nào? Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sanh nói sắc chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch; nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch; nói mười hai xứ, mười tám giới, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch; nói quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, Bích chi Phật đạo chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch, nói mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch. Tu bồ đề, ấy là Bồ tát ma ha tát vì làm dẫn đạo cho chúng sanh nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Tu bồ đề phát tâm hy hữu bạch Phật rằng: Các Bồ tát chưa dứt phiền não, chưa đủ đại bi, chưa được địa vị bất thối chuyển, biết các pháp vốn tánh không mà có thể phát tâm Vô thượng đạo, việc ấy rất khó. Phật nhận lời ấy rằng: Đúng như vậy. Lại tán thán nhân duyên hy hữu của Bồ tát rằng: Bồ tát vì an ổn cho thế gian nên phát tâm. An ổn là có thể phá hết thấy phiền não, rất ráo không biến mất. Ví như thuốc hay chữa lành bệnh không cần hỏi ngọt đắng, chỉ cần rất ráo trừ hết bệnh được an ổn. Phật hay làm cho chúng sanh thường an ổn, không kỳ hạn một đời, hai đời. Cái vui của thế gian là có cái tuy an ổn mà không vui, có cái đời nay khổ, đời sau vui như uống thuốc đắng trong bụng an ổn, trong miệng không ngon, thế nên nói Phật hay đem cái vui cho đời này đời sau. Sáu đường vì vô thường nên chẳng phải an ổn, thế nên nói ra khỏi sáu đường gọi là an ổn. Cái vui thế gian là nhân duyên của đấm trước nên lâu về sau, chắc chắn sanh ưu não, không gọi là vui; cái vui Niết bàn trước sau không biến đổi, lìa hết ưu khổ gọi là vui. Cứu thế gian là như người bị giặc oán đuổi bắt, nếu có thân thích, có thế lực quan quyền thời có thể cứu. Chúng sanh cũng như vậy, vì nhân

duyên của tội ác, các phiền não và bị ma dân đuổi bắt. Chỉ có Phật thuyết pháp cứu hộ cho. Thế gian quy hướng là như người khi gặp gió dữ, mưa mạnh, chắc chắn tìm về phòng xá; các tà kiến phiền não thế gian trong ngoài thân tâm khổ não, già, bệnh, chết, ưu khổ, nên tìm về với Phật, Phật dùng các phương cách nhỏ sạch ưu bi, khổ não. Nơi nương tựa là hết thấy pháp hữu vi, do nhân duyên hoà hợp sanh nên không có tự lực, không thể nương tựa. Chúng sanh bị khổ bức bách, đến nương tựa Phật, Phật vì nói cho pháp không có nương tựa. Pháp không có nương tựa là chân thật, đó là Vô dư Niết bàn. Năm uẩn diệt, không còn tương tục, không tương tục tức là chẳng sanh, chẳng diệt; chẳng sanh chẳng diệt tức là rốt ráo không, không có nơi nương tựa.

Hỏi: Nếu không có nơi nương tựa có sao nói làm chỗ nương tựa?

Đáp: Nương tựa có hai: 1. Các phiền não ái kiến nương tựa pháp hữu vi. 2. Trí tuệ thanh tịnh nương tựa Niết bàn. Vì phiền não kiến nên nói không có nương tựa. Đạo cứu cánh là thật tướng rốt ráo không của các pháp. Sắc pháp v.v... đời trước không có, đời sau không có, đời hiện tại cũng không có. Kẻ phàm phu vì thế lực của ức tướng phân biệt, nghiệp quả báo tình thức nên điên đảo thấy có, còn Thánh nhân dùng con mắt trí tuệ quan sát thấy điều hư vọng không thật. Như đời trước đời sau; đời chính giữa cũng như vậy. Nếu không có trước sau làm sao có giữa? Như vậy, vì chúng sanh thuyết pháp là đặt chúng sanh an ổn trong đạo rốt ráo đệ nhất. Còn bãi thế gian là như còn bãi, bốn phía không có đất, sắc pháp cũng như vậy, đời trước đời sau đều không thể thủ đắc. Trung gian như trong cứu cánh đạo đã phá, vì đời trước đời sau "không" nên trung gian cũng không. Nước là ví cho các phiền não ba lậu, bốn lưu và hết thấy pháp thuộc nghiệp quả báo, rốt ráo không, không có gì để thủ đắc, đó là Niết bàn, là còn bãi. Chúng sanh chìm ở giữa bốn dòng nước, Phật lấy con thuyền bát chánh đạo vớt lên đặt vào trên còn bãi Niết bàn. Có các nhân duyên như vậy tiếp độ chúng sanh, ấy gọi là dẫn đạo.

KINH: Bồ tát vì làm chỗ đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào?

Tu bồ đề, Bồ tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sanh nói chỗ đến của sắc là "không"; nói chỗ đến của thọ, tưởng, hành, thức là "không" cho đến nói chỗ đến của trí Nhất thiết chủng là "không". Vì chúng sanh nói sắc chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, vì có sao? Vì tướng của sắc là "không", chẳng phải chỗ đến, chẳng phải chỗ không đến; nói thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, vì sao? Vì tướng thọ,

tưởng, hành, thức là "không", chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, cho đến trí Nhất thiết chủng "không" chẳng phải chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến, vì sao? Vì tướng trí nhất thiết chủng là "không" chẳng phải chỗ đến, chẳng phải chỗ không đến.

Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát vì làm chỗ đến cho thế gian nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì chỗ đến của hết thầy pháp là "không", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong "không" chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "vô tướng" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong "vô tướng" chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "vô tác" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong vô tác chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "không dấy khởi" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không dấy khởi, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thầy là "không có gì của chính nó" chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong chỗ đến không có gì của chính nó, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "như mộng", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong mộng chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "như huyễn", như vang, như bóng, như hóa, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong huyễn hóa chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bồ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "vô lượng vô biên", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên chỗ đến, chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "không cho, không lấy" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không cho, không lấy, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "không cất lên, không hạ xuống", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không cất lên, không hạ xuống, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "không thêm, không bớt", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không thêm không bớt, chỗ đến chẳng phải chỗ không đến đều không thể thủ đắc được.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy là "không đến, không đi" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không đến không đi, chỗ đến chẳng phải không đến đều không thể thủ đắc được.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "không vào, không ra, không hợp, không tán, không vương, không dứt" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong không vương không dứt, chỗ đến chẳng phải không đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "ngã, chúng sanh, thọ, mệnh, người; dấy khởi, người khiến dấy khởi; làm, người khiến làm, kẻ biết, kẻ thấy" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy rốt ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "thường" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì thường rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "lạc, tịnh, ngã" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì lạc, tịnh, ngã rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "tham dục" chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì tham dục rốt ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là sân hận, si mê, tà kiến, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì sân hận, si mê, tà kiến rất ráo không thể thủ đắc, huống gì có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "như", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong "như" không có đến không có đi.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là pháp tánh thực tế, tánh không thể nghĩ bàn, chỗ ấy không thể vượt quá được, vì sao? Vì trong pháp tánh, thực tế, tánh không thể nghĩ bàn, không có đến, không có đi.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "bình đẳng", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong bình đẳng chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "tướng bất động", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong tướng bất động chỗ đến, chẳng phải chỗ đến không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "sắc", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì sắc rất ráo không thể thủ đắc làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "thọ, tưởng, hành, thức", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì thọ tưởng, hành, thức, rất ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến. Mười hai xứ, mười tám giới cũng như vậy.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "Thí ba la mật", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì Thí ba la mật rất ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy là Giới ba la mật; Nhẫn ba la mật; Tấn ba la mật; Thiên ba la mật; Bát nhã ba la mật; chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì Giới ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật rất ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "nội không", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì nội không rất ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là "ngoại không, nội ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không", chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì vô pháp hữu pháp không rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến, chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần rốt ráo không thể thủ đắc, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong trí Nhất thiết chủng, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là quả Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật đạo, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong quả Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật đạo chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề, chỗ đến của hết thầy pháp là Tu đà hoàn cho đến Phật, chỗ đến ấy không vượt quá được, vì sao? Vì trong Tu đà hoàn cho đến Phật, chỗ đến chẳng phải chỗ đến đều không thể thủ đắc.

Tu bỏ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, ai tin hiểu được?

Phật bảo Tu bỏ đề: Có Bồ tát trước tiên ở chỗ chư Phật, tu sáu Ba la mật lâu ngày, thiện căn thuần thực, cúng dường vô số trăm ngàn, vạn, ức Phật, thường đi theo thiện tri thức, hạng người ấy có thể tin hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu.

Tu bỏ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, người tin hiểu được Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy có tánh gì, tướng gì, hình mạo gì?

Phật dạy: Dứt lia tham, sân, si là tánh, tướng, mạo. Bồ tát ma ha tát ấy có thể tin hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu.

LUẬN: Hỏi: Các việc trên chỉ lược nói, nay trong "chỗ đến" cơ sao nói rộng?

Đáp: "Chỗ đến" là cuối phẩm tóm tắt hết chỗ hội quy của chín việc trên cho nên nói nhiều.

* Lại nữa, an lạc v.v... và chỗ đến đều đồng một nghĩa, đều cứu chúng sanh ra khỏi khổ, đưa đến Niết bàn. Nếu mỗi việc, mỗi việc nói rộng thời không thể nói hết. Chỗ đến ở sau hết nên nói rộng, nên biết các việc khác cũng đều nên nói rộng.

Chỗ đến của sắc pháp v.v... là không, như hư không chỉ có tên gọi mà không có thực pháp, sắc pháp v.v... cũng như vậy, cuối cùng quy về nơi không, vì tướng rớt ráo của các pháp chắc chắn là không, ngoài ra những cái khác đều hư vọng. Như người lúc mới đầu tuy có lời nói lành lâu lâu mới biết tình thật. Các pháp sắc v.v... cũng như vậy, khi vào vô dư Niết bàn thời cùng với hư khôngkhông khác; nên biết trước tiên cũng như vậy, chỉ vì người phàm phu do quả báo điên đảo cho nên thấy khác. Hết thấy pháp không có gì qua khỏi tướng không v.v... như người muốn vượt quá hư không không thể được.

Mười sáu danh từ ngã, chúng sanh, thọ mệnh v.v... đều do năm uẩn hoà hợp, giả có danh từ đó, chứ không có thực pháp, làm sao có chỗ đến chẳng phải chỗ đến, nếu thường, lạc, ngã, tịnh, bốn điên đảo phá hỏng bốn thánh hạnh như bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh không thể thủ đắc, chỉ vì điên đảo, các pháp sắc v.v... cũng như vậy. Như thường, lạc, ngã, tịnh, không thể thủ đắc thời vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã từ thường, lạc, ngã, tịnh, phát xuất cũng không thể thủ đắc. Thế nên nói, chỗ đến của hết thấy pháp là thường, lạc, ngã, tịnh, là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã.

Tu bồ đề hỏi Phật: Pháp ấy sâu xa, vi tế, ai sẽ tin hiểu được? - Phật đáp: Người có nhân duyên tu hành lâu ngày tin được.

Lại hỏi: Người tu hành lâu ngày có tướng trạng gì? - Phật đáp: Người ấy lìa tâm ba độc, cũng không thấy lìa, thâm nhập thật tướng các pháp.

Hỏi: Người ấy chưa được vô sanh nhĩn làm sao nói dứt ba độc?

Đáp: Dứt có hai: 1. Là dứt cội gốc. 2. Là dứt ngành ngọn chút ít, hành giả không phân biệt được sự dứt ấy, không phân biệt ấy là dứt, ấy là phiền não, vì sao? Vì tướng phiền não điên đảo không nhất định, nên phiền não tức là "dứt", nên nói là ly.

GIẢI THÍCH: PHẨM THÚ TRÍ THỨ 53.

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Thú Nhất Thiết Trí)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần hai phẩm Điều phục tham đặng 51)

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, các Bồ tát hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy sẽ đi đến chỗ nào?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy sẽ đi đến trí Nhất thiết chủng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát đến được trí Nhất thiết chủng ấy là làm chỗ nương tựa về cho chúng sanh tu Bát nhã ba la mật. Tu Bát nhã ba la mật là tu hết thầy pháp. Bạch đức Thế Tôn, không có tu gì là tu Bát nhã ba la mật. Không "thọ" tu, "hoại" tu là tu Bát nhã ba la mật.

Phật bảo Tu bồ đề: Những pháp gì hoại nên tu Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Bạch đức Thế Tôn, vì sắc hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu; vì thọ, tưởng, hành, thức, mười hai xứ, mười tám giới hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy hư hoại nên Bát nhã ba la mật gọi là hoại tu. Vì Thí ba la mật hư hoại, nên Bát nhã ba la mật là hoại tu; cho đến vì Bát nhã ba la mật hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu. Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, quả Tu đà hoàn cho đến trí Nhất thiết chủng hư hoại, nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, vì sắc hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu; cho đến vì trí Nhất thiết chủng hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Bấy giờ, Phật bảo Tu bồ đề: Trong Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển phải nên niệm biết. Nếu Bồ tát không đấm trước ở trong Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, nên biết đó là địa vị bất thối chuyển; không đấm trước ở trong Thiên ba la mật, cho đến Thí ba la mật, không đấm trước ở trong bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng, nên biết đó là địa vị bất thối chuyển.

LUẬN: Hỏi: Bát nhã ba la mật chẳng phải chỗ đến, chẳng chỗ không đến, có sao Tu bồ đề lại hỏi người tu Bát nhã đi đến chỗ nào? Và có sao Phật đáp đi đến Nhất thiết trí?

Đáp: Ngoại đạo nói: Các pháp từ nhân đi đến quả, từ đời trước đi đến đời nay, từ đời nay đi đến đời sau. Vì phá cái điên đảo chấp thường ấy nên nói không có

chỗ đến, chẳng phải không chỗ đến. Trong đây Tu bồ đề đem tâm vô trước mà hỏi, Phật lấy tâm vô trước mà đáp. Bát nhã ba la mật rất ráo không, đối với các pháp không chướng, không ngại, được sự giải thoát không chướng, không ngại, vì không chướng, không ngại có tính nhân quả tương tự, nên nói người hiểu Bát nhã thâm sâu đi đến trí Nhất thiết chủng. Tu bồ đề thưa: Vị Bồ tát biết Bát nhã ba la mật làm chỗ nương về cho hết thấy chúng sanh, như đứa con bị khổ não bức bách đến nương cha mẹ.

Hỏi có sao chỉ có vị Bồ tát hiểu Bát nhã ba la mật thâm sâu là chỗ nương về cho chúng sanh?

Đáp: Vì Bồ tát có tâm đại bi đối với chúng sanh, nên thường tu tập Bát nhã ba la mật. Vì tu Bát nhã nên có thể hiểu hết thấy pháp, đều thu vào Bát nhã ba la mật; thế nên, tu Bát nhã ba la mật tức là tu hết thấy pháp. Vì Bát nhã ba la mật không có thật pháp nhất định có thể thủ đắc, nên trong kinh nói không có tu gì là tu Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật hết thấy cách quán sát đều có lỗi nên không "thọ", ấy là không "thọ" tu. "Hoại" tu là vì hết thấy pháp vô thường tán hoại nên gọi là "hoại" tu. Pháp có thể phá hoại là sắc cho đến trí Nhất thiết chủng. Phật chấp nhận lời của Tu bồ đề nói. Cuối phẩm trên có nói tánh, tướng, dung mạo của vị Bồ tát bất thối chuyển, nay nên thí nghiệm biết, đối với Bát nhã ba la mật thâm sâu có đấm trước hay không? Nếu có đấm trước thời sai, nếu không có đấm trước thời là đúng tướng nó. Bồ tát tu Bát nhã ba la mật có hai hạng: 1. Là nhưn Bát nhã ba la mật, quán hết thấy pháp rất ráo không, Bát nhã cũng tự không. 2. là không thể quán Bát nhã cũng không, nên trong kinh nói thí nghiệm biết có đấm trước hay không.

KINH: Nếu có Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển, khi tu hành Bát nhã ba la mật thâm sâu, không cho lời người khác nói làm cương yếu, cũng không theo người khác chỉ dạy tu hành. Vị Bồ tát bất thối chuyển không bị dục tâm, sân tâm, si tâm trói buộc. Nếu vị Bồ tát bất thối chuyển thời không xa lìa sáu Ba la mật; nếu vị Bồ tát bất thối chuyển khi nghe nói Bát nhã ba la mật thâm sâu, thời tâm không kinh, không mất, không sợ, không hãi, không hối hận, mà hoan hỷ vui nghe, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu hành đúng như kinh nói. Tu bồ đề, nên biết Bồ tát ấy đời trước đã nghe nghĩa lý trong Bát nhã ba la mật thâm sâu, đã thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, vì sao? Vì Bồ tát ấy có oai đức lớn nên nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy, tâm không kinh, không mất, không sợ, không hãi, không hối hận mà hoan hỷ vui nghe, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, không kinh, không sợ, cho đến nhớ nghĩ đúng, vị Bồ tát ấy làm sao tu Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng, Bồ tát nên như vậy tu hành Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào gọi là tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng, Bồ tát nên như vậy tu hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Tùy thuận "không" là Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật thâm sâu; tùy thuận vô tướng, vô tác, vô sở hữu, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, Bồ tát nên như vậy tu hành Bát nhã ba la mật. Tùy thuận như mộng, huyễn, sóng nắng, tiếng vang, biến hoá là tu hành Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Phật bảo tùy thuận không, cho đến tùy thuận như mộng, như huyễn là tu hành Bát nhã ba la mật. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát tu hành pháp gì? Hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát không tu hành sắc, không tu hành thọ, tưởng, hành, thức cho đến không tu hành trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì chỗ tu hành của Bồ tát là pháp không có tạo tác, là pháp không biến hoại, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, không chỗ trú. Pháp ấy không thể đếm, không có lường. Nếu không đếm, không lường pháp ấy không thể thủ đắc; không thể dùng sắc thủ đắc; cho đến dùng trí Nhất thiết chủng thủ đắc, vì sao? Vì sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc cho đến trí Nhất thiết chủng tức là Nhất thiết trí; Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng. Sắc "như tướng" cho đến trí Nhất thiết chủng "như tướng" đều là nhất như, không hai, không khác.

LUẬN: "Thí nghiệm": Bồ tát bất thối chuyển là đối với lời nói của người khác, không sanh niệm cho là có thật, không thật, vì sao? Vì người khác có hai hạng: Hạng tại gia đắm trước cái vui năm dục, hư dối, bất tịnh; hạng ngoại đạo xuất gia đắm trước tà kiến bất thật. Những điều hai hạng ấy nói đều không có thật sự nên không tin. Vì người tự chứng đắc thực tướng các pháp, nên dù có Phật thân hiện đến nói lời phá hoại thật tướng các pháp cũng chẳng tin. Vì chứng được pháp vô vi nên tâm an trụ, không còn di chuyển. Bồ tát ấy tuy chưa được Phật đạo mà vì các phiền não tham dục v.v... đã bị chẻ mỏng nên không bị lôi kéo. Vì tâm thường không lìa sáu Ba la mật, biết khí vị quả báo của thiện pháp nên tâm thường ưa vui không lìa sáu Ba la mật.

Có các nhân duyên như vậy, nên nghe Bát nhã thâm sâu, không sợ, không hãi, hoan hỷ muốn nghe, đọc tụng, hỏi nghĩa, tu tập. Như sấm sét thời chim nhỏ, sợ hãi, rầu chết, còn chim lớn Khổng tước vui mừng, nhảy nhót; Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Người tà kiến nghe thấy sợ hãi, vị Bồ tát bất thối chuyển nghe thời vui mừng, tâm không nhàm chán, không biết đủ; nên nói là vui mừng muốn nghe.

Trong đây Phật nói nhân duyên: Bồ tát ấy ở đời quá khứ đã nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu, đã chứa nhiều phước đức, trí tuệ nên có oai đức lớn. Có oai đức lớn nên không sợ hãi.

Tu bồ đề hỏi: Bồ tát ấy nghe Bát nhã ba la mật thâm sâu tuy không sợ hãi, nhưng Bát nhã không có định tướng nên tu hành thế nào?

Phật dạy: Tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng.

Hỏi: Bồ tát ấy chưa được trí Nhất thiết chủng, làm sao tùy thuận?

Đáp: Thế nên nói tâm tùy thuận rất ráo không tức là tâm tùy thuận trí Nhất thiết chủng. Trí Nhất thiết chủng là tướng tịch diệt. Ở trong phẩm sau Phật dạy hết thấy tướng tịch diệt là trí Nhất thiết chủng, thế nên nói tùy thuận rất ráo không, tức là tùy thuận trí Nhất thiết chủng. Tùy thuận vô tướng, vô tác, hư không, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, như mộng cũng như vậy.

Tu bồ đề hỏi: Tâm tùy thuận rất ráo không, quán pháp gì?

Phật đáp" Không quán sắc cho đến trí Nhất thiết chủng vì sao? Vì trí tuệ muốn cầu sự thật, sắc v.v... là pháp hữu vi tạo tác đều hư dối, trí Nhất thiết chủng là thật pháp. Thật pháp nên vượt quá pháp hữu vi, vì vượt quá pháp hữu vi nên nói pháp ấy là pháp vô tác, vô tác giả, không biến hoại. Không biến hoại là pháp ấy không từ sáu Ba la mật đến, nên nói không từ đâu đến. Không đi vào trong Phật pháp nên nói rằng không đi đến đâu. Pháp hữu vi vì hư dối nên không trụ; trong pháp vô vi vì không có ức tướng phân biệt nên cũng không trụ. Vì năm uẩn hoà hợp nên có số lượng sáu đường, vì hư hoại năm uẩn tương tục nên vô lượng vô số. Vì vô lượng vô số nên đường ngôn ngữ dứt, vì đường ngôn ngữ dứt nên không thể do tu hành sắc pháp v.v... mà ngộ được. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v... tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là các pháp sắc v.v... vì sao? Vì các pháp sắc như v.v... tức là Nhất thiết trí như; Nhất thiết trí như tức là các pháp sắc như v.v... vì vậy, nên nói như ấy là không hai, không khác.

(Hết cuốn 71 theo bản Hán)

--oOo --

Cuốn 72

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI NHƯ THỨ 54.

(Kinh Đại Bát nhã phân hai ghi: Phẩm Chơn như thứ 52)

KINH: Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, các Thiên tử cõi Sắc dùng hương bột chiên đàn cõi Trời, hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen hồng, hoa sen trắng của cõi Trời, từ xa rải lên trên Phật, rồi đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất sâu xa, khó thấy khó hiểu, không thể suy nghĩ biết được, chỉ có bậc Trí vi diệu tịch tịnh mới biết được điều của tất cả thế gian không thể tin, vì có sao? Vì trong Bát nhã ba la mật thâm sâu, nói như vậy: Sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng trí. Sắc như tướng và Nhất thiết trí như tướng là nhất như không hai không khác; cho đến Nhất thiết chủng trí như tướng, Nhất thiết trí như tướng, là nhất như không hai không khác.

Phật dạy các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc: Như vậy, như vậy! Các Thiên tử, sắc tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc; cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là Nhất thiết chủng trí; sắc như tướng cho đến Nhất thiết chủng trí như tướng là nhất như không hai không khác. Nay các thiên tử, vì nghĩa ấy nên khi Phật mới thành đạo, tâm ưa yên lặng không muốn thuyết pháp, vì có sao? Vì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất sâu xa, khó thấy, khó hiểu, không thể suy nghĩ biết được, chỉ bậc có trí vi diệu tịch diệt mới biết được điều của hết thảy thế gian không thể tin, vì có sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có người chứng đắc, không có chỗ chứng đắc. Ấy gọi là tướng thậm thâm của các pháp là không có hai pháp. Nay các Thiên tử, ví như hư không rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm, vì "như" rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì tánh pháp rất sâu thẳm, thật tế rất sâu thẳm, không thể nghĩ bàn; vô biên rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì không đến không đi rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm; vì chẳng sanh chẳng diệt, không như không sạch, không trí không đắc rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm.

Nay các thiên tử, vì "ta" rất sâu thẳm, cho đến kẻ biết kẻ thấy rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm. Nay các thiên tử, vì sắc rất sâu thẳm; thọ, tưởng, hành, thức rất sâu thẳm, nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì Thí ba la mật rất sâu thẳm, cho đến Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không rất sâu thẳm, nên pháp ấy rất sâu thẳm. Vì bốn

niệm xứ rất sâu thẳm, cho đến Nhất thiết chủng trí rất sâu thẳm nên pháp ấy rất sâu thẳm.

Bấy giờ các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, pháp được nói đó là pháp không thể tin nổi của tất cả thế gian.

Bạch đức Thế Tôn, Pháp rất sâu thẳm ấy, không vì lãnh thọ sắc nên nói, không vì xả bỏ sắc nên nói; không vì lãnh thọ thọ, tưởng, hành, thức nên nói, không vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức nên nói; không vì lãnh thọ quả Tu đà hoàn nên nói, không vì xả bỏ quả Tu đà hoàn nên nói; cho đến không vì lãnh thọ Nhất thiết chủng trí nên nói, không vì xả bỏ Nhất thiết chủng trí nên nói. Các thế gian đều lãnh thọ chấp trước tu hành: "Bảo sắc là ta, là của ta; thọ, tưởng, hành, thức là ta, là của ta; cho đến bảo mười tám pháp không chung là ta, là của ta; quả Tu đà hoàn là ta, là của ta; cho đến Nhất thiết chủng trí là ta, là của ta".

Phật bảo các Thiên tử: "Như vậy, như vậy! Này các Thiên tử, Pháp ấy chẳng phải vì lãnh thọ sắc nên nói, chẳng phải vì xả bỏ sắc nên nói; cho đến chẳng phải vì lãnh thọ Nhất thiết chủng trí nên nói, chẳng phải vì xả bỏ Nhất thiết chủng trí nên nói. Này các Thiên tử, nếu có Bồ tát vì lãnh thọ sắc nên tu hành, cho đến vì lãnh thọ Nhất thiết chủng trí nên tu hành, thì Bồ tát ấy không thể tu Bát nhã ba la mật, không thể tu Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật cho đến không thể tu Nhất thiết chủng trí".

Tu bồ đề bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, Pháp ấy thuận theo tất cả pháp. Pháp ấy thuận theo tất cả pháp như thế nào?"

Pháp ấy thuận theo Bát nhã ba la mật cho đến thuận theo Bồ thí ba la mật; pháp ấy thuận theo nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; pháp ấy thuận theo bốn niệm xứ, cho đến thuận theo Nhất thiết chủng trí. Pháp ấy vô ngại, không chướng ngại sắc, không chướng ngại thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không chướng ngại Nhất thiết chủng trí. Này các Thiên tử, Pháp ấy gọi là tướng vô ngại vì như hư không v.v... vì như như, pháp tánh, pháp trụ, thật tế, bất khả tư nghì tánh; vì là không, vô tướng, vô tác v.v... Pháp ấy là tướng bất sanh, vì sắc chẳng sanh, chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh, chẳng thể nắm bắt được, cho đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng sanh, chẳng thể nắm bắt được. Pháp ấy không có nơi chốn, vì sắc nơi chốn không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức nơi chốn không thể có được, cho đến vì Nhất thiết chủng trí nơi chốn không thể có được".

Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Tu Bồ Đề là đệ tử Phật tùy thuận Phật sanh, vì có sao? Vì những điều tu Bồ Đề nói đều hợp với không".

Bấy giờ, Tu Bồ Đề nói với các Thiên tử: Các ông nói rằng: Tu Bồ Đề là đệ tử Phật, tùy thuận Phật sanh, thế nào là tùy thuận Phật sanh? Nay các Thiên tử, vì tướng "như" nên Tu Bồ Đề tùy thuận Phật sanh, vì sao? Vì Như Lai "như tướng" không đến không đi, Tu Bồ Đề như tướng cũng không đến không đi, thế nên Tu Bồ Đề tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Tu Bồ Đề từ xưa lại đây tùy thuận Phật sanh, vì sao? Vì Như Lai "như tướng" tức là hết thảy pháp "như tướng", hết thảy pháp "như tướng" tức là Như Lai "như tướng"; trong tướng "như" ấy cũng không có tướng "như", thế nên Tu Bồ Đề là tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Như Lai như, tướng thường trú Tu Bồ Đề như cũng tướng thường trú; Như Lai "như tướng" không hai không khác. Tu Bồ Đề như tướng cũng không hai không khác. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy thuận Phật sanh. Như Lai như tướng không có chỗ chướng ngại, hết thảy pháp "như tướng" cũng không có chỗ chướng ngại; Như Lai "như tướng" hết thảy pháp "như tướng" là nhất như không hai không khác. "Như tướng" ấy không có khởi tác, trọn chẳng có gì chẳng "như". Thế nên "như tướng" ấy không hai không khác. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy thuận Phật sanh. Như Lai "như tướng" ở tất cả chỗ không niệm lự, không khác biệt, Tu Bồ Đề "như tướng" cũng như vậy, ở tất cả chỗ không niệm lự, không khác biệt; Như Lai như tướng không hai không khác, không thể nắm bắt. Tu Bồ Đề như tướng cũng như vậy. Vì thế nên Tu Bồ Đề là tùy thuận Phật sanh. Như Lai "như tướng" không xa lìa các pháp "như tướng", tướng "như" ấy trọn chẳng có gì như, thế nên Tu Bồ Đề cũng không có khác là tùy thuận Phật sanh cũng không có chỗ tùy thuận.

* Lại nữa, Như Lai "như tướng" chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Các pháp "như tướng" cũng chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Như Lai như, chẳng ở trong quá khứ "như", quá khứ "như" cũng chẳng ở trong Như Lai như; Như Lai như chẳng ở trong vị lai "như", vị lai "như" cũng chẳng ở trong Như Lai như; Như Lai như chẳng ở trong hiện tại "như", hiện tại "như" cũng chẳng ở trong Như Lai như. Quá khứ, vị lai, hiện tại như, Như Lai như, là nhất như, không hai không khác. Sắc "như", Như Lai "như"; thọ,

tưởng, hành, thức "như ", Như Lai như. Sắc như, thọ, tưởng, hành, thức như và Như Lai như ấy là nhất như không hai, không khác. Ngã như, cho đến kẻ biết, kẻ thấy như và Như Lai như là nhất như không hai không khác. Thí ba la mật "như " cho đến bát nhã ba la mật "như "; nội không "như " cho đến vô pháp hữu pháp không "như "; bốn niệm xứ như, cho đến nhất thiết chủng trí như và Như Lai như là nhất như không hai, không khác. Tu bồ đề, vì Bồ tát ma ha tát được "như " ấy nên gọi là Như Lai.

Trong khi nói phẩm Như tướng này, đại địa ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách: nổi bên đông lặng bên tây; nổi bên tây lặng bên đông; nổi bên nam lặng bên bắc; nổi bên bắc lặng bên nam; nổi chính giữa lặng bốn bên; nổi bốn bên lặng chính giữa.

LUẬN: Hỏi: Bát nhã ba la mật không có gì không thậm thâm có sao hoặc có khi lại tán thán thậm thâm?

Đáp: Trong Bát nhã ba la mật hoặc có khi phân biệt các pháp không, ấy là cạn; hoặc có khi nói thế gian pháp tức đồng Niết bàn ấy là sâu. Các pháp sắc v.v.... tức là Phật pháp, người nghe, nghe nói tâm tin lời Phật, còn trí tuệ mình không hiểu kịp nên nói là thậm thâm. Ví như nước sông có chỗ xoáy sâu, có chỗ cạn.

Hỏi: Cái pháp của chư thiên tán thán thậm thâm đó, hết thảy thế gian không thể tin được, cần gì nói ra?

Đáp: Chư "hết thảy" có hai thứ: 1. Danh tự hết thảy; 2. Thật "hết thảy". Như trong đây nói, là danh tự hết thảy, vì nhiều người không tin nên nói hết thảy. Còn nói bậc có Trí Vi Diệu Tịch Diệt mới có thể biết, vì bậc trí chắc chắn có tin, sau mới biết.

* Lại nữa, Bát nhã ba la mật ấy chỉ Phật biết được còn chúng sanh nghe nói mà tin, điều ấy trong đây không gọi là tin, có trí tuệ biết rồi mới gọi là tin.

Hỏi: Nếu như vậy có sao nói bậc Trí vi diệu có thể biết được?

Đáp: Hết thảy thế gian không thể biết cùng khắp, Trí của chư Phật, chỉ người có Trí Tịch Diệt mới biết phần ít. Như Tu đà hoàn đối với đạo vô thượng được phần ít, đó là dứt ba kiết. Các đạo quả như vậy triển chuyển thêm nhiều. Nếu thế gian hoàn toàn không có người tin thì làm sao có các đạo? Vì lẽ ấy nên nói bậc Trí Tịch Diệt có thể biết được. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là Bát nhã chỉ khác nhau về danh tự gọi; ở trong tâm Bồ tát gọi là Bát nhã, ở trong tâm Phật gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong đây nói sắc pháp v.v... tức là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tức là sắc pháp v.v... Trong đây nói sắc pháp như, Nhất thiết trí như không hai không khác. Phật chấp nhận ý của các Thiên tử, lại nói nhân duyên, như tướng chân thật của các Thiên tử, lại nói nhân duyên, như tướng chân thật của các pháp danh, sắc v.v... Thí như trừ bỏ cung điện và các nhà xấu xí, như đốt cháy hết chiên đàn và gỗ tạp, thời trống ở các nơi đó không có khác nhau; Các pháp, sắc, và Nhất thiết trí, tìm thật tướng của nó thấy đều là như. Vì nghĩa ấy nên lúc Phật mới thành đạo, tâm ưa vắng lặng, không ưa thuyết pháp, vì biết pháp thậm thâm, kẻ phàm phu khó ngộ.

* Lại nữa, pháp ấy không có hai nên thậm thâm, như hư không nên thậm thâm, vì như, pháp tánh thậm thâm nên thậm thâm.

Bấy giờ các Thiên tử biết pháp ấy không có tướng có thể chấp thủ, bạch Phật rằng: "Pháp được nói ấy, hết thấy thế gian không thể tin, pháp ấy không vì lãnh thọ sắc v.v... nên nói". Phật chấp nhận lời đó, nếu có Bồ tát vì lãnh thọ sắc v.v... nên hành Bồ tát đạo, thời không thể tu các công đức Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, tướng Bát nhã ba la mật ấy thuận theo hết thấy pháp không có gì chướng ngại, vì có sao? Vì đối với Bát nhã ba la mật cũng không chấp trước. Nói lý do không chướng ngại vì là như hư không. Ví như trong vách, trước có tướng trống không, trẻ nhỏ dùng que xoi, vì sức ít nên không vào được, người có sức lớn có thể vào. Hành giả cũng như vậy, trong các pháp sắc v.v... tự có tướng như thật, vì sức trí tuệ ít không thể khiến nó không. Bạch Đại trí thời có thể biết. Thế nên nói các pháp không chướng ngại, như hư không bình đẳng. Sắc pháp v.v... chẳng sanh cũng chẳng có thể nắm bắt được, thế nên gọi là bất sanh. Chẳng phải chỉ có sắc pháp bất sanh, nếu pháp bất sanh mà có thể nắm bắt được thời chẳng phải rất ráo không, chẳng phải là không chướng ngại. Không nơi chốn cũng như vậy.

Bấy giờ các Thiên tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Tu bồ đề tùy thuận Phật sanh, vì có sao? Vì điều Tu bồ đề biết, Tu bồ đề nói đều hợp không.

* Lại nữa, Kinh nói có ba loại con: 1. Là con không tùy thuận sanh ra; 2. Là con tùy thuận sanh ra; 3. Là con thắng sanh. Người đời đều ước muốn hai loại con là con tùy thuận sanh và thắng sanh. Trong Phật pháp chỉ muốn một loại con là con tùy thuận sanh, vì không có đứa con nào hơn Phật. Con Phật có 5 hạng: - đều từ miệng Phật sanh, từ pháp Phật sanh đó là: Tu đà hoàn cho đến A la hán và Bồ tát đã vào chánh vị.

Bích chi Phật tuy có nhân duyên từng gieo giống trong Phật pháp, lúc không có Phật tự mình có thể đắc đạo, nên không được nói từ miệng Phật sanh, vì nhân duyên gieo giống xa xôi như vậy.

Các người sắp hết lậu hoặc hạng tùy thuận. Tu Bồ đề đối với các lậu hoặc sạch hết, thường ưa rất ráo không, ấy là tùy thuận sanh, vì có sao? Vì pháp sở hành không thể phá hoại như hư không. Phật pháp tướng như vậy, ấy gọi là tùy thuận Phật sanh.

Hỏi: Vì sao không nói hàng Bồ tát vào pháp vị là tùy thuận Phật sanh?

Đáp: Có người nói vì lậu hoặc chưa sạch hết nên không nói. Vì Tu Bồ đề lậu hoặc đã sạch hết nên nói. Có người nói người vào Vô dư Niết bàn là thanh tịnh đệ nhất, thân cuối cùng của bậc A la hán ở vào Hữu dư y Niết bàn, gần cửa Vô dư Niết bàn nên nói; Bồ tát tuy có trí tuệ sâu xa, sắc bén, nhưng còn qua lại trong sanh tử, cho nên không nói. Có người nói Bát nhã có hai: 1. Là chỉ nói cho hàng Bồ tát; 2. Là nói chung cho cả ba thừa. Trong sự nói chung cho Thanh văn, Tu Bồ đề là tùy thuận Phật sanh; chỉ trong khi nói cho hàng Bồ tát thì không nói Tu Bồ đề là tùy thuận Phật sanh, vì có sao? Hàng đại Bồ tát pháp tánh sanh thân, trong ấy không có thân kiết nghiệp sanh, chỉ có thân biến hoá sanh. Dứt ba độc, ra khỏi ba cõi, giáo hoá chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, nên ở trong thế gian trong đó hoàn toàn không có hạng Thanh văn. Tâm Phật đại từ bi, tâm Bồ tát cũng như vậy ấy gọi là Bồ tát tùy thuận sanh. Tu Bồ đề, chỉ thủ lấy Niết bàn nên không nói là thuận sanh. Kinh này nói chung cho cả hai thừa. Tu Bồ đề, biết Bát nhã ba la mật rất sâu thẳm, lực của Bồ tát pháp tánh sanh thân lớn, chư thiên tuy tán thán, không nên lãnh thọ, nói với chư thiên rằng: Các pháp tướng "như" đó là vô tướng, vì nhân duyên ấy tùy thuận Phật sanh, vì "như" ấy không sai khác. Như trong kinh nói: "Như", Như lai như tướng, không đến không đi. Tu Bồ đề, Như tướng cũng không đến không đi.

* Lại nữa, Như Lai như rất ráo không, hết thấy pháp như cũng rất ráo không. Trong hết thấy pháp "như" thu nhiếp Tu Bồ đề như, thế nên Tu Bồ đề dùng Như Lai như, nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, như Như lai như không có ức tướng phân biệt, thường trú như hư không Tu Bồ đề như cũng như vậy, thế nên Tu Bồ đề tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, như Như lai như được giải thoát vô ngại nên đối với hết thấy pháp không quái ngại, hết thấy pháp "như" cũng như vậy. Đối hết thấy pháp cũng

không quái ngại; Như Lai như, hết thấy pháp như nhất như không sai khác. Tu Bồ Đề như cũng vào hết thấy pháp như, do vậy nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, các pháp như tướng là không làm, không có người làm, Như Lai như tướng cũng như vậy; Tu Bồ Đề như, vì thu nhiếp vào hết thấy pháp như nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, như Như Lai như tướng, ở hết thấy chỗ thường không có ức tướng phân biệt. Tu Bồ Đề như thu nhiếp vào hết thấy pháp như, nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Như Lai như tướng, không lìa hết thấy pháp như. Chính quán hết thấy pháp gọi là Phật. Hết thấy pháp là nhân duyên, Phật là quả báo, thế nên nói Như Lai như không lìa hết thấy pháp như. Như ấy rất thật nên thường như, không có lúc nào chẳng như. Tu Bồ Đề như cũng như vậy, vì không khác, nên thuận Phật sanh, cũng không có pháp có thể tùy thuận.

* Lại nữa, Như lai như tướng không có ức tướng phân biệt, vượt quá ba đời, hết thấy pháp như cũng như vậy; Tu Bồ Đề như cũng vượt quá ba đời, thế nên tùy thuận Phật sanh.

* Lại nữa, Như lai như chẳng ở trong quá khứ như, vì có sao? Vì Như Lai không, quá khứ cũng rất ráo không, thế nên "không" không trú ở trong không, thí như hư không không trú trong hư không. Vị lai, hiện tại cũng như vậy. Ba đời như, Như Lai như không hai không phân biệt là ba đời như, không, vô tướng, vô sanh, vô diệt, Như Lai như cũng như vậy. Ba đời như không chướng ngại, như đời quá khứ, không cùng không biên giới, đời vị lai cũng không cùng không biên giới, đời hiện tại cũng không cùng không biên giới. Như Lai như cũng như vậy. Ba đời, mười phương ấy không chướng ngại, không biên giới. Tu Bồ Đề như cũng như vậy. Lại nữa năm uẩn như cho đến Nhất thiết chủng trí như, Như lai như không hai không khác, vì có sao? Vì các pháp sắc v.v... hoà hợp nên có Như Lai. Như lai như vậy không được nói chỉ là sắc pháp, cũng không được nói lìa sắc pháp, cũng không được nói là sắc pháp ở trong Như Lai, cũng không được nói Như Lai ở trong sắc pháp, cũng không được nói sắc pháp ... thuộc Như Lai, cũng không được nói không có Như Lai; trong năm uẩn sắc v.v... giả gọi là Như lai. Như Lai "như" tức là hết thấy pháp như, thế nên nói sắc pháp như ... và Như Lai như không hai không khác. Người phàm phu thấy có hai có khác, thánh nhân quán chiếu không hai không khác, thánh nhân có thể tin điều của người phàm phu không thấy không thể tin. Phật nói với Tu Bồ Đề ấy gọi là

"như ", Phật hơn "như " ấy nên gọi là Như Lai. Như Lai là như thật mà đi đến trong Phật pháp. Trong khi thuyết về "như " ấy quả đất chấn động sáu cách, như trên đã nói.

KINH: Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc dùng bột hương chiên đàn của cõi trời rải lên trên Phật và Tu bồ đề, bạch Phật rằng: "Chưa từng có, Thế Tôn! Tu bồ đề do Như Lai như, tùy thuận Phật sanh". Tu bồ đề lại vì các Thiên tử nói rằng: "Này các Thiên tử, Tu bồ đề không từ nơi sắc tùy thuận Phật sanh, cũng không từ nơi sắc như tùy thuận Phật sanh, không lìa sắc tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa sắc như tùy thuận Phật sanh. Tu bồ đề không từ nơi thọ, tưởng, hành, thức tùy thuận Phật sanh cũng không từ nơi thọ, tưởng, hành, thức "như " tùy thuận Phật sanh; không lìa thọ, tưởng, hành, thức tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa nơi thọ, tưởng, hành, thức như tùy thuận Phật sanh. Cho đến không từ nơi Nhất thiết chủng trí tùy thuận Phật sanh, cũng không từ nơi Nhất thiết chủng trí "như " tùy thuận Phật sanh; không lìa Nhất thiết chủng trí tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa Nhất thiết chủng "như " tùy thuận Phật sanh. Tu bồ đề không từ nơi vô vi tùy thuận Phật sanh, cũng không từ nơi vô vi "như " tùy thuận Phật sanh, không lìa vô vi tùy thuận Phật sanh, cũng không lìa vô vi như tùy thuận Phật sanh. Vì có sao? Vì hết thấy pháp đều không có gì của chính nó, không thể nắm bắt, không có kẻ tùy sanh, cũng không có pháp tùy sanh".

Bấy giờ, Xá lợi phát bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, "Như " ấy thật chẳng hư dối, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu thẳm; trong ấy sắc không thể nắm bắt, sắc như không thể thủ đắc, vì có sao? Vì sắc còn không thể thủ đắc, huống gì sắc như lại có thể thủ đắc; thọ, tưởng, hành, thức không thể thủ đắc, thọ, tưởng, hành, thức như chẳng thể thủ đắc, vì có sao? Vì thọ tưởng, hành, thức còn chẳng thể thủ đắc, huống gì thọ, tưởng, hành, thức như lại có thể thủ đắc cho đến Nhất thiết chủng trí có thể thủ đắc, Nhất thiết chủng trí như chẳng thể thủ đắc, vì có sao? Vì Nhất thiết chủng trí còn chẳng thể thủ đắc, huống gì Nhất thiết chủng trí như lại có thể thủ đắc".

Phật bảo Xá lợi phát: "Như vậy, như vậy! Xá lợi phát, "Như " ấy thật không hư dối. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, rất sâu thẳm, trong ấy sắc chẳng có thể thủ đắc, sắc như chẳng thể thủ đắc, vì có sao? Sắc còn chẳng thể thủ đắc, huống gì sắc như lại có thể thủ đắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng thể thủ đắc, Nhất thiết chủng trí như chẳng thể thủ đắc, vì có sao? Vì nhất thiết chủng trí còn chẳng thể thủ đắc, huống gì Nhất thiết chủng trí như lại có thể thủ đắc.

Trong khi Xá lợi phát nói tướng như ấy, 200 Tỷ kheo không lãnh thọ hết thầy pháp, nên lậu hoặc sạch hết, chứng quả A la hán; 500 Tỷ kheo ni xa lìa trần cấu, được mất pháp đối với các pháp, được sanh vào hàng thiên nhơn; 5 ngàn Bồ tát ma ha tát được vô sanh pháp nhãn; 6 ngàn Bồ tát đối với các pháp không lãnh thọ nên lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát thành A la hán. Nay Xá lợi phát, sáu ngàn Bồ tát ấy, đời trước từng gặp năm trăm đức Phật thân cận cúng dường, đối với giáo pháp của năm trăm đức Phật, thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định vì không có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên tu hành theo tướng khác biệt, nghĩ rằng: Đây là bố thí, là trì giới, là nhẫn nhục, là tinh tấn, là thiền định, không có Bát nhã ba la mật. Vì không có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định hành theo tướng khác biệt. Vì hành theo tướng khác biệt, không được tướng không khác biệt nên không được vào Bồ tát vị, không được vào Bồ tát vị nên chỉ được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán.

Nay Xá lợi phát, Bồ tát ma ha tát tuy có đạo hoặc tu pháp không, hoặc tu pháp vô tướng, hoặc tu pháp vô tác, vì xa lìa Bát nhã ba la mật, và không có sức phương tiện nên liền đối với thực tế tác chứng, chỉ thủ lấy Thanh văn thừa.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, nhân duyên gì nên đồng tu pháp không, vô tướng, vô tác, mà xa lìa sức phương tiện nên đối với thực tế tác chứng, chỉ thủ lấy Thanh văn thừa? Bồ tát ma ha tát cũng tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì có sức phương tiện nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Phật bảo Xá lợi phát: " Có Bồ tát xa lìa tâm Nhất thiết trí, tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì không có sức phương tiện, nên chỉ thủ chứng Thanh văn thừa. Nay Xá lợi phát, lại có Bồ tát ma ha tát không xa lìa tâm Nhất thiết chủng trí tu pháp không, vô tướng, vô tác, vì có sức phương tiện nên vào Bồ tát vị, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Xá lợi phát, ví như có loài chim thân dài trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, do tuần mà không có cánh, từ cõi trời Ba mươi ba, tự sa xuống Diêm phù đề. Nay Xá lợi phát, ý ông nghĩ sao, loài chim ấy đang ở giữa đường nghĩ rằng: Muốn trở lại trên cõi trời Ba mươi ba, có thể trở lại được không? Thừa không, Bạch đức Thế Tôn. nay Xá lợi phát, loài chim ấy lại mong rằng khi đến Diêm phù đề muốn thân không bị đau, không bức não. nay Xá lợi phát, ý ông nghĩ sao? Loài chim ấy có được thân không bị đau, không bị bức não chăng? Xá lợi phát thưa: Thừa không, bạch đức Thế Tôn, loài chim ấy khi đến đất, hoặc đau, hoặc bị bức não, hoặc chết, hoặc khổ gần chết, vì có sao? Bạch đức Thế Tôn, vì loài chim ấy lớn mà không có cánh.

Này Xá lợi phát, Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, tuy trải nhiều kiếp như số cát sông Hằng, tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, phát khởi đại sự, sanh đại tâm, vì muốn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lãnh thọ vô lượng thệ nguyện, Bồ tát ấy, vì xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện nên hoặc rơi vào hàng A la hán, hoặc rơi vào Bích chi Phật đạo, vì có sao? Vì Bồ tát ấy xa lìa tâm Nhất thiết trí, tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vì không có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên rơi vào Thanh văn địa hoặc Bích chi Phật đạo.

Này Xá lợi phát, Bồ tát ma ha tát tuy tưởng niệm đến việc trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, mà chấp thủ tướng thọ trì, nên người ấy không biết, không hiểu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật, chỉ nghe âm thanh, danh tự, nói về không, vô tướng, vô tác, mà chấp thủ âm thanh, danh tự mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ tát ma ha tát hồi hướng như vậy, thời chỉ trụ trong Thanh văn, Bích chi Phật địa không thể quá hơn, vì có sao? Vì xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, đem các thiện căn hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá lợi phát, có Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm lại đây, không xa lìa tâm Nhất thiết trí, thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vì không xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên không chấp thủ tướng đối với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, không chấp thủ tướng không giải thoát môn. Không chấp thủ tướng vô tướng, vô tác giải thoát môn. này Xá lợi phát, nên biết Bồ tát ma ha tát ấy không rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo, mà đi thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì có sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, thực hành bố thí mà không thủ tướng, thực hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, mà không chấp thủ tướng, đối với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, không chấp thủ tướng. này Xá lợi phát, ấy gọi là Bồ tát có sức phương tiện vì tâm lìa tướng mà hành bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, cho đến vì tâm lìa tướng mà hành Nhất thiết chủng trí.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, như con hiểu nghĩa của Phật nói, nếu Bồ tát ma ha tát không xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên biết Bồ tát ấy đã gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì có sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, không có pháp hoặc sắc, hoặc thọ, tướng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí có thể biết. Bạch đức Thế Tôn, có thiện nam tử, thiện nữ nhen cầu Bồ tát đạo mà xa lìa Bát nhã ba la mật và sức

phương tiện, nên hiểu người ấy đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hoặc được hoặc chẳng được, vì có sao? Bạch đức Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nơn cầu Bồ tát đạo ấy có làm việc bố thí đều chấp thủ tướng, có trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đều chấp thủ tướng. Vì thế nên thiện nam tử, thiện nữ nơn ấy đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là bất định.

Bạch đức Thế tôn, do nhân duyên ấy, nên Bồ tát ma ha tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nên xa lìa Bát nhã ba la mật và sức phương tiện. Bồ tát ma ha tát an trú trong Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên dùng tâm vô đắc, vô tướng, tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, cho đến dùng tâm vô đắc, vô tướng tu Nhất thiết chủng trí.

LUẬN: Các thiên tử vui mừng lấy bột chiên đàn rải lên trên Phật và Tu bồ đề, tán thán rằng: Hy hữu, Thế Tôn! Tu bồ đề do Như Lai "như " tùy thuận Phật sanh. Ý các thiên tử cho rằng: Tu bồ đề có sức trí tuệ nên khiến cho hết thầy pháp đều như Phật pháp, thế nên nói tùy thuận Phật sanh. Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử, ít quý chuộng các pháp "như " ấy nên Tu bồ đề muốn dứt tâm các Thiên tử nên nói: Tướng "như " ấy rất ráo không, dùng bốn cấp phá tâm chấp trước "như " là:

Tu bồ đề châu7843?ng ở trong sắc; chẳng ở trong sắc như; không do sắc, không do sắc như; không lìa sắc, không lìa sắc như, tùy thuận chúng sanh.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Pháp ấy đều không, không thể thủ đắc.

Xá lợi phát thưa: Bạch đức Thế Tôn, "Như " ấy rất sâu thẳm, trong "như " ấy chỉ sắc pháp còn không thể thủ đắc, huống gì sắc pháp "như " lại có thể thủ đắc.

Hỏi: thế nào là sắc pháp? thế nào là sắc pháp như?

Đáp: Sắc pháp là các pháp của mắt thấy v.v...; "như " là thật tướng không hư dối của sắc pháp. Người đối với sắc pháp như, vì mê lầm nên hoặc khởi lên nghiệp bất thiện, bị sa vào đường ác, hoặc khởi lên nghiệp thiện được sanh vào cõi người, cõi trời cuối cùng trở về tiêu diệt, trở lại sanh ra các khổ; hoặc khởi lên nghiệp vô lậu, đáng lẽ cầu lợi ích lớn nhưng lại thủ lấy Tiểu thừa, không được tướng rất ráo thanh tịnh "như ". Sắc pháp v.v... đều là pháp tạo tác, hữu vi hư vọng, từ điên đảo sanh, là nơi ức tướng phân biệt hiện hành của kẻ phàm phu, thế nên sắc pháp v.v... hư vọng chẳng tức là "như ". Biết sắc pháp như thật v.v... nên tức là "như ", nơn nơi sắc pháp v.v... nên được gọi là "như ", thế nên nói không lìa sắc pháp được "như ". Sắc pháp nhập vào "như " đều nhất tướng, không hai không khác. thế nên Tu bồ đề khiêm tốn nói rằng: Chẳng phải chỉ

riêng tôi tùy thuận Phật sanh, hết thầy pháp cũng tương như vậy. Xá lợi phát tán thán lời nói của Tu bồ đề. Sắc pháp cũng rất ráo không, hưởng gì "như " ? Như còn không, hưởng gì quả. Nghe tướng "như " thậm thâm như vậy, chúng sanh đều được lợi ích của đạo.

Hỏi: Bát nhã ba la mật ấy, vì hàng Bồ tát mà nói, có sao sáu ngàn người thành A la hán đạo?

Đáp: Phật biết chắc chắn có người vấn nạn, nên vì Xá lợi phát nói nhân duyên: Người ấy không có Bát nhã ba la mật, không có sức phương tiện, quá khứ làm công đức, vì không có sức phương tiện nên tà hạnh bất chánh. người ấy vì xa lìa Bát nhã ba la mật, đắm sâu thiện pháp, nay theo Phật, nghe nói Bát nhã ba la mật rất nhàm chán thế gian, vì tâm từ bi mỏng, nên chỉ cầu tự lợi, không lãnh thọ hết thầy pháp, tức chỉ đắc A la hán, chứ đối với Bát nhã ba la mật không có lỗi. Như người cầm đồ đi đến biển mức nước, tùy theo đồ lớn nhỏ, mỗi người tự lấy vừa đủ.

Hỏi: Như kinh nói sáu ngàn Bồ tát, vì không có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên thực hành năm Ba la mật, không được pháp vô phân biệt nên chỉ thành A la hán. nếu hết thầy thánh nhân đều được pháp vô vi, pháp vô vi tức là vô phân biệt, có gì trong đây nói không được pháp vô phân biệt, chỉ thành A la hán?

Đáp: Chẳng phải nói lúc nghe pháp ở đời nay cho đến quá khứ năm trăm đời, không được Bát nhã và phương tiện mà tu tập công đức năm Ba la mật, vì thế nên nói không được vô phân biệt. Mất năm căn tín, tấn v.v... của Bồ tát, vì mất năm căn tín, tấn v.v... của Bồ tát nên tuy nghe Bát nhã mà không được như Bồ tát nghe, tác chứng đối với thực tế.

hỏi: Đồng tu không, vô tướng, vô tác có gì một người thành Phật, một người thành A la hán?

Đáp: Tuy có các nhân duyên mà nhân duyên lớn thành A la hán là vì xa lìa tâm Nhất thiết trí mà tu hành không, vô tướng, vô tác.

Loài chim lớn là loài chim cánh vàng ở cõi trời, cũng giống như chim sẽ ở cõi người. Chim ấy lý do không đến là vì nó ăn rỗng, cánh phát ra gió độc, quạt làm cho mắt rỗng mù đi. Chim ấy khi mới ra khỏi trứng, lông cánh chưa đủ, muốn bay đi liền bị rớt, giữa đường tâm hối hận: Ta chưa nên bay, muốn trở lại trên trời, leo trèo cây Xá ma lê. Chim ấy thân lớn, lông cánh chưa đủ, không thể cất

nổi thân. Thân chim là ví dụ thân Bồ tát. Lớn là đời đời chứa nhóm rộng rãi công đức năm ba la mật. Không có hai cánh là không có Bát nhã ba la mật, không có sức phương tiện. núi Tu di là ví cho ba cõi. Hư không là ví vô lượng Phật pháp. Chưa nên bay mà bay là công đức Bồ tát ấy chưa thành tựu viên mãn, muốn thực hành ba môn giải thoát của Bồ tát, muốn đi đạo giữa hư không Phật pháp nhưng tự bị thổi mát, tâm ấy tuy ước muốn thành Phật mà không thể được.

Hoặc chết là ví A la hán đạo; hoặc gần như chết là ví như Bích chi Phật đạo; hoặc đau, hoặc bị bức não là ví công đức bốn nguyện của Bồ tát. Phật tự kết bằng câu: cho đến nên trụ trong tâm vô đắc vô tướng, làm việc bố thí.

KINH: Bảy giờ các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật khó được, vì có sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy nên biết hết thầy các pháp rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà pháp ấy cũng không thể thủ đắc".

Phật dạy: "Như vậy, như vậy! này các Thiên tử, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật khó được, Ta cũng ngộ được nhất thiết pháp, Nhất thiết chủng trí rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có gì được, không có cái biết, không có cái có thể biết, cũng không người biết, vì có sao? Vì các pháp rốt ráo thanh tịnh.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, như lời Phật dạy, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thật khó được; như tôi hiểu nghĩa của Phật nói, tâm tôi suy nghĩ, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy dễ được, vì có sao? Vì không có người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp khả đắc. Hết thầy pháp, hết thầy pháp tướng không, không có pháp khả đắc, không có người năng đắc, vì có sao? Vì hết thầy pháp không, cũng không có pháp khả tăng, cũng không có pháp khả giảm, nghĩa là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, cho đến Nhất thiết chủng trí, pháp ấy đều không có cái khả đắc không có người đắc. Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên ấy nên ý tôi cho rằng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là dễ được, vì có sao? Bạch đức Thế Tôn, Sắc, sắc tướng không; thọ, thọ tướng không, hành, thức, thức tướng không, cho đến Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng không.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Nếu hết thầy pháp "không" ví như hư không, hư không không thể khởi niệm rằng: Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ tát ma ha tát tin, hiểu hết thầy pháp không ví như hư không, thế là Vô thượng Chánh đẳng chánh giác dễ được, sao nay hằng hà sa Bồ tát ma ha

tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bị thoái thất? Nay Tu bồ đề, vì thế nên biết Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không dễ được.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: "Ý ông nghĩ sao, sắc đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Thọ, tưởng, hành, thức, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Cho đến Nhất thiết chủng trí đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Lìa sắc có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa : Không.

Lìa thọ, tưởng, hành, thức, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Cho đến lìa Nhất thiết chủng trí, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Nay Xá lợi phất, ý ông nghĩ sao, sắc như tướng đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Thọ, tưởng, hành, thức như tướng cho đến Nhất thiết chủng trí như tướng, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Lìa sắc như tướng, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Lìa thọ, tưởng, hành, thức như tướng, cho đến lìa Nhất thiết chủng trí như tướng, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Nay Xá lợi phất, ý ông nghĩ sao, "như " đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, tánh bất khả tư nghì, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Nay Xá lợi phất , ý ông nghĩ sao, lìa "như ' có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phất thưa: Không.

Lìa pháp tánh, pháp tru, pháp vị, thật tế, tánh bất khả tư nghì, có pháp đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất chăng? Xá lợi phát thưa: Không.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phát: "Các pháp rốt ráo không thể thủ đắc, vậy những pháp gì đối với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất?"

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: "Như lời Tu bồ đề nói trong pháp nhẫn ấy không có Bồ tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thoái thất. Nếu không thoái thất, Phật nói người cầu đạo có ba hạng: A la hán đạo, Bích chi Phật đạo, Phật đạo; ba hạng ấy là không phân biệt, như Tu bồ đề nói chỉ có một hạng Bồ tát cầu Phật đạo.

Khi ấy, Phú lâu na di đa la ni tử nói với Xá lợi phát rằng: Hãy nên hỏi Tu bồ đề: Chỉ có một Bồ tát thừa chăng? Bấy giờ Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Tu bồ đề muốn nói có một Bồ tát thừa chăng? Tu bồ đề nói với Xá lợi phát: Đối với trong các pháp "như " muốn khiến có ba hạng người là Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, Phật thừa ư? Xá lợi phát nói không.

Này Xá lợi phát, trong ba thừa phân biệt có "như ", có thể thủ đắc chăng? Xá lợi phát nói: Không.

Này Xá lợi phát, "Như " ấy hoặc có một tướng, hai tướng, hoặc ba tướng chăng? Xá lợi phát nói: Không.

Này Xá lợi phát, người muốn ở trong "như " cho đến có một Bồ tát chăng? Xá lợi phát nói: Không.

Như vậy trong bốn cách trên, người ba thừa là không thể có được. Này Xá lợi phát, tại sao nghĩ rằng: Đây là người cầu Thanh văn thừa, đây là người cầu Bích chi Phật thừa, đây là người cầu Phật thừa. Này Xá lợi phát, Bồ tát ma ha tát nghe nói tướng "như " của các pháp tâm không kinh hãi, không thối mất, không hối hận, không nghi ngờ, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát, có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Phật tán thán Tu bồ đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu bồ đề, điều của ông nói đều là nhờ Phật lực. Này Tu bồ đề, nếu Bồ tát ma ha tát nghe nói "như " ấy không có các pháp sai biệt, tâm không kinh, không sợ, không hãi, không khó khăn, không thối mất, không hối hận, nên biết Bồ tát ấy có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Thành tựu Bồ đề gì? Phật dạy: Thành tựu Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

LUẬN: Bây giờ các Thiên tử suy nghĩ bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khó được, vì có sao? Vì hết thầy pháp rốt ráo không, mà Bồ tát cầu Phật đạo, tu tập quán hạnh, thành Phật độ chúng sanh, pháp ấy cũng không thể có được. Phật chấp nhận lời ấy, tự mình làm chứng. Ta ngồi ở đạo tràng, dùng đủ mọi cách ngộ được hết thầy pháp, cũng không có tướng nhất định có thể được.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, theo ý con, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác dễ được, vì hết thầy pháp rốt ráo thường không, trong ấy không có người được, không có pháp có thể có được, không chướng, không ngại, không có gì tu, không có gì đoạn.

Bây giờ Xá lợi phát hỏi: Nếu Phật đạo dễ được, có sao hằng hà sa vô lượng Bồ tát cầu Phật đạo mà chỉ hoặc một, hoặc hai được thành Phật, còn người khác đều thoái thất. Tu bồ đề đáp Xá lợi phát: Sắc thối thất đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí thối thất chẳng? Đáp: Không, vì có sao? Vì sắc pháp rốt ráo không, không có thối thất, sắc pháp "như " không có hai tướng, cũng không phân biệt nên không thối thất. Lìa sắc pháp lại có pháp thối thất chẳng? Đáp: lìa sắc pháp lại không có pháp nên đáp không. Lìa sắc pháp "như " lại có pháp thối thất chẳng? Đáp: "Như " phá sắc pháp rồi, "như " cũng tự không, thế nên đáp không. Pháp tánh, pháp trụ, pháp vị cho đến tánh bất khả tư nghì cũng như vậy.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phát: nếu pháp không có thối thất, có gì nói Bồ tát nhiều như cát sông hằng thối thất?

Xá lợi phát đáp: Như lời Tu bồ đề nói, trong pháp nhãn thời không có thối thất. Pháp nhãn là pháp môn, pháp tu, pháp hành. Vào trong pháp môn của Tu bồ đề nói, thời không thối thất, ra khỏi pháp môn ấy thời có thối thất. Xá lợi phát tuy chấp nhận lời Tu bồ đề nói cũng tự dẫn Phật pháp để vấn nạn: Nếu không ai thối thất thời sẽ đều thành Phật hết, có sao lại nói ba thừa? Tu bồ đề dùng bốn câu "như tướng" để phá ba thừa.

Phạt tán thán Tu bồ đề: Lành thay, lành thay, nếu Bồ tát nghe trong "như " không có ba thừa phân biệt mà không sợ hãi, Bồ tát ấy tức có thể thành Vô thượng đạo.

Hỏi: Nếu Phật nói Bồ tát thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, có gì Xá lợi phát hỏi thành tựu Bồ đề gì?

Đáp: Mỗi mỗi đều có Vô thượng, Xá lợi phát nghi nên hỏi đạo gì vô thượng?

Đáp: Đại thừa vô thượng. Lại nữa, Tu bồ đề dùng trí tuệ về rốt ráo không, phá tâm chấp trước ba thừa. Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Tu bồ đề nói: Bồ tát nghe điều ấy tâm không thối mất, không sợ hãi, thời có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Xá lợi phát hỏi: Bồ đề của ba thừa không có tướng nhất định nay nói thành tựu Bồ đề, là thành tựu Bồ đề gì? Phật dạy: Thành tựu Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu vào cửa rốt ráo không, thời hết thấy pháp đều nhất tướng, nếu ra khỏi rốt ráo không thời có ba thừa sai khác. Nay Phật phân biệt các pháp nên nói có thượng, trung, hạ thừa, chứ không vì rốt ráo "không" mà nói.

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành thế nào?

Phật dạy: Nên khởi tâm bình đẳng, cũng nói với hết thấy chúng sanh với tâm bình đẳng không có thiên lệch; khởi tâm đại từ bi đối với hết thấy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm đại từ; ý khiêm tốn đối với hết thấy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với ý khiêm tốn; nên sanh tâm an ổn đối với hết thấy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm an ổn; nên sanh tâm vô ngại đối với hết thấy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm vô ngại; nên tâm không bức não đối với hết thấy chúng sanh, cũng nói với chúng sanh với tâm không bức não; nên sanh tâm ái kính đối với hết thấy chúng sanh như cha, như mẹ, như anh, như em, như chị, như em gái, như con, như thân tộc, tri thức, cũng nói với chúng sanh bằng tâm ái kính.

Bồ tát ma ha tát ấy, nên tự mình không sát sanh, cũng dạy người khác không sát sanh, tán thán việc không sát sanh, hoan hỷ, tán thán những người không sát sanh, cho đến tự mình hành hạnh không tà kiến, cũng dạy người khác không hành hạnh tà kiến, tán thán việc không tà kiến, hoan hỷ tán thán những người không tà kiến. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu Sơ thiền cũng dạy người khác tu Sơ thiền, tán thán việc tu Sơ thiền, hoan hỷ, tán thán người tu Sơ thiền; Nhị thiền, Tam thiền; Tứ thiền cũng như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu từ tâm, cũng dạy người khác tu từ tâm, tán thán việc tu từ tâm, hoan hỷ tán thán người tu từ tâm, từ bi, hỷ, xả tâm cũng như vậy.

Tự mình tu hành hư không xứ định, cũng dạy người khác tu hư không xứ định, tán thán việc tu hư không xứ định, hoan hỷ tán thán người tu hư không xứ định; thức xứ định, vô sở hữu xứ định, phi hữu tướng phi vô tướng xứ định cũng như vậy. Tự mình đầy đủ Bồ thí ba la mật cũng dạy người đầy đủ Bồ thí, tán thán việc đầy đủ Bồ thí, hoan hỷ tán thán người đầy đủ Bồ thí ba la mật; giới, nhẫn, tấn, thiền, Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

* Lại nữa, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tự mình tu hành nội không, cũng dạy người khác tu nội không, tán thán việc tu nội không, hoan hỷ tán thán người tu nội không; cho đến tu vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Tự mình tu bốn niệm xứ, cũng dạy người khác tu bốn niệm xứ, tán thán việc tu bốn niệm xứ, hoan hỷ tán thán người tu bốn niệm xứ; cho đến tu bát thánh đạo phần cũng như vậy. Tự mình tu không tam muội, vô tướng, vô tác tam muội, cũng dạy người khác tu không vô tướng, vô tác tam muội, tán thán việc tu không, vô tướng, vô tác tam muội, hoan hỷ tán thán người tu không, vô tướng, vô tác tam muội. Tự mình tu tám bội xả, cũng dạy người khác tu tám bội xả, tán thán việc tu tám bội xả, hoan hỷ tán thán người tu tám bội xả. Tự mình tu chín thứ đệ định, cũng dạy người khác tu chín thứ đệ định, tán thán việc tu chín thứ đệ định, hoan hỷ tán thán người tu chín thứ đệ định. Tự mình đầy đủ mười lực của Phật, cũng dạy người khác đầy đủ mười lực của Phật, hoan hỷ việc đầy đủ mười lực của Phật, hoan hỷ tán thán người đầy đủ mười lực của Phật. Tự mình tu bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ, đại bi, cũng dạy người khác tu bốn điều không sợ cho đến đại từ, đại bi, hoan hỷ tán thán người tu bốn điều không sợ cho đến đại từ đại bi. Tự mình quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, cũng dạy người khác quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, tán thán việc quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên, hoan hỷ tán thán người quán nghịch quán thuận mười hai nhân duyên. Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tự mình nên biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, cũng dạy người khác biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, tán thán việc biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo; hoan hỷ tán thán người biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo. Tự mình sanh quả Tu đà hoàn, chứng trí mà không chứng thật tế, cũng dạy người khác đi đến

quả Tu đà hoàn, hoan hỷ tán thán người được quả Tu đà hoàn; quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán cũng như vậy. Tự mình sanh Bích chi Phật đạo, chứng biết mà không chứng Bích chi Phật đạo, cũng dạy người khác đi đến Bích chi Phật đạo, tán thán Bích chi Phật đạo, hoan hỷ tán thán người được Bích chi Phật đạo. Tự mình vào Bồ tát vị, cũng dạy người khác vào Bồ tát vị, tán thán việc vào Bồ tát vị, hoan hỷ tán thán người vào Bồ tát vị. Tự mình nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, cũng dạy người khác nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, hoan hỷ tán thán người nghiêm tịnh Phật độ, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh. Tự mình dấy khởi Bồ tát thần thông, cũng dạy người khác dấy khởi thần thông, tán thán việc dấy khởi thần thông, hoan hỷ tán thán người dấy khởi Bồ tát thần thông. Tự mình sanh trí Nhất thiết chủng, cũng dạy người khác sanh trí Nhất thiết chủng, tán thán việc sanh trí Nhất thiết chủng, hoan hỷ tán thán người sanh trí Nhất thiết chủng. Tự mình dứt tập khí, tất cả kiết sử, cũng dạy người khác dứt tập khí tất cả kiết sử, tán thán việc dứt tập khí, tất cả kiết sử, hoan hỷ tán thán người dứt tập khí, tất cả kiết sử. Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu hành như vậy.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tự mình thủ đắc thọ mạng thành tựu, cũng dạy người khác thủ đắc thọ mạng thành tựu, tán thán việc thủ đắc thọ mạng thành tựu, hoan hỷ tán thán người thủ đắc thọ mạng thành tựu. Tự mình thành tựu pháp trụ, cũng dạy người khác cách thành tựu pháp trụ, tán thán việc thành tựu pháp trụ, hoan hỷ tán thán người thành tựu pháp trụ.

Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên tu như vậy, cũng nên như vậy học Bát nhã ba la mật và sức phương tiện. Khi Bồ tát học như vậy, tu như vậy sẽ được sắc vô ngại, được thọ, tưởng, hành thức vô ngại; cho đến được pháp trụ vô ngại, vì có ao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy từ trước lại đây không lãnh thọ sắc, không lãnh thọ thọ, tưởng, hành, thức cho đến không lãnh thọ trí Nhất thiết chủng, vì có sao? Vì sắc không lãnh thọ là chẳng phải sắc, cho đến trí Nhất thiết chủng không lãnh thọ là chẳng phải trí Nhất thiết chủng.

Khi nói phẩm Bồ tát hạnh ấy, hai ngàn Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

LUẬN: Tu bồ đề hỏi: Bồ tát muốn thành tựu Vô thượng đạo nên tu như thế nào? Phật đáp: Nên khởi tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh không có thiên lệch. Năm uẩn hòa hợp, giả gọi là chúng sanh, như xe, như rừng. Hết thảy

chúng sanh là chỉ chung cho cả mười phương, sáu đường không có sót chúng sanh nào. Hết thầy chúng sanh mỗi hạng chia làm ba phần: oán, thân, không oán không thân. Phật dạy: Bồ tát khởi tâm bình đẳng, đối với hết thầy chúng sanh đều có ý tưởng thân ái, chớ sanh tâm oán hận, chớ sanh tâm không thân không oán.

* Lại nữa, chúng sanh có hai loại: Thương và ghét. Phật dạy: Đối với hết thầy chúng sanh xa lìa hai tâm ấy, chớ sanh tâm thương ghét và ghét. Thương là tham dục, là tâm phiền não, không nên làm, nên thực hành tâm từ ái. Phép thế gian ái niệm vợ con, trâu ngựa v.v...; và oán ghét ác tặc. Bồ tát chuyển đổi phép thế gian ấy nên thực hành tâm từ ái đối với hết thầy chúng sanh.

* Lại nữa, tâm bình đẳng là Bồ tát sanh pháp lạc đối với hết thầy chúng sanh, muốn khiến họ đều đến với Phật đạo. Bồ tát tự bỏ tâm thương ghét, cũng không chấp trước những chúng sanh đem tâm thương ghét đối với mình. Thế gian có ba hạng người: Ác; Đại ác; Ác trung ác; Thiện, Đại thiện, Thiện trung thiện. Ác là như người đem việc ác đến với mình, mình đáp lại bằng việc ác. Pháp của chư Phật là tâm bình đẳng đối với chúng sanh, không nên khởi lên ác niệm, huống gì khởi lên thân làm miệng nói; *Đại ác* là như không người xâm hại mình mà lại đem việc ác đến với họ; *Ác trung ác* là như người đem hảo tâm cung cấp, thương nghĩ mình nhưng mình lại đem ác tâm huỷ hại họ, gọi là ác trung ác. *Thiện* là như người đem việc tốt đối với mình, mình đáp lại bằng việc tốt. *Đại thiện* là như người đối với mình không tốt mà mình đem việc tốt lợi ích cho họ. *Thiện trung thiện* là như người lấy việc ác hại mình mà mình đem việc thiện cho đến đem thân mạng cúng dường họ, ấy gọi là thiện trung thiện. Bồ tát bỏ ba việc ác và vượt trên hai thứ thiện đầu, tu tâm thứ sáu (thiện trung thiện) đối với chúng sanh.

Hỏi: Bồ tát chưa được pháp thân làm sao có thể tu hành tâm ấy?

Đáp: Bồ tát cầu vô thượng đạo nên tu hành vô thượng pháp, cam chịu khổ hạnh khó khăn như vậy mới thành vô thượng đạo. Ví như người khách buôn, giữa đường hiểm, chịu đủ mọi thứ khổ mới được lợi lớn.

* Lại nữa, Bồ tát nghe yếu lý của Phật pháp là rất ráo không, không ta, không của ta, không có thất pháp nhất định. Những điều thấy, nghe, biết đều là hư dối, như huyễn, như mộng; vì thâm tín pháp ấy nên có thể đem thân mạng cúng dường giặc oán.

* Lại nữa, Bồ tát biết thân này, từ nhân duyên của tội nghiệp phiền não, điên đảo sanh ra, những điều thấy, nghe đều là cội gốc của hư dối, tội cấu. Nếu có người đến muốn hại ta, ta nên hoan hỷ cam chịu, dùng cái thân tẻ lậu này mà được cái lợi vô thượng đạo. Vì sao không làm!

* Lại nữa, Bồ tát phát tâm rất yêu thương chúng sanh, vì muốn làm lợi ích cho họ; nên tự lấy thân mình cúng dường oán tặc, muốn khiến chúng sanh bắt chước việc làm của mình. Vì có chúng sanh, thuyết pháp dạy cho họ, không chắc họ tín thọ, nên lấy thân để giáo hoá khiến họ để tín thọ.

* Lại nữa, có nhiều người phát tâm cầu vô thượng đạo, mà thân hành không cân xứng vì thế nên Bồ tát lấy thân giáo hoá, khiến phải kiên tâm làm việc khó làm ấy. Muốn cầu vô thượng đạo nên tu hành điều thiện trung thiện, muốn làm việc khó làm ấy, bấy giờ mới có thể đắc đạo. Có vô lượng nhân duyên như thế, Bồ tát tự đem thân mình cúng dường oán tặc.

Hỏi: Đẳng tâm và từ tâm có gì sai khác?

Đáp: Đẳng tâm là bốn tâm vô lượng, từ tâm là một trong bốn tâm ấy. Có người nói: Lúc đầu bỏ oán thân ấy là Đẳng tâm, lúc sau gia thêm niệm thương xót ấy là từ tâm.

* Lại nữa, có người nói: Đẳng tâm là quán chúng sanh như như, thực tế, pháp tánh, pháp ấy đều là vô vi, vô lượng cho nên gọi là đẳng tâm; ái niệm chúng sanh ấy gọi là từ tâm. Sở dĩ không nói bi tâm vì có bi tâm, hoặc có khi lo nghĩ đến chúng sanh, tích chứa tâm ấy thời tâm bị thối thất, hoặc có chúng sanh không chịu lòng thương của Bồ tát, nói rằng: Có gì ông không chịu lo thân mình mà cứ nghĩ đến người khác! Còn từ tâm thì không có việc như vậy, dễ nhiếp hoá chúng sanh, nên chỉ nói từ tâm.

Hỏi: Nếu chúng sanh có ba hạng: Thượng, trung, hạ, Bồ tát chứa nhóm phước đức và trí tuệ nên Bồ tát phải là người lớn, có sao nói đối với hết thảy chúng sanh, khởi tâm khiêm nhường?

Đáp: Bồ tát nghĩ rằng:, hết thảy pháp vô thường, hết thảy chúng sanh thượng, trung, hạ đều trở thành tiêu diệt trong ấy có ai là lớn ai là nhỏ. Người ta vì theo phép đời nên có lớn nhỏ.

* Lại nữa, lớn nhỏ không nhất định, ở nước này cho là lớn, ở nước khác cho là nhỏ; ở đây là lớn, ở kia là nhỏ; như đời nay là kẻ ty tiện, đời sau là vua cõi trời. Do nghiệp nhân duyên như vậy, luân chuyển ở thế gian, sang hèn, lớn nhỏ,

không nhất định; như nước lửa sang hèn tùy theo lúc dùng hoặc bỏ không nhất định.

* Lại nữa, Bồ tát tuy có công đức mà biết công đức ấy rất ráo không, như huyễn, như mộng, không đắm trước công đức ấy, không có chi là lớn nhỏ.

* Lại nữa, trong hết thấy chúng sanh, người có nhân duyên với Phật đạo, chỉ Phật biết được. Bồ tát nghĩ rằng: Nếu ta khinh chê chúng sanh hình mạo, tài năng thấp hèn là ta khinh chê Phật vị lai, nếu khinh chê Phật thì còn ai nữa mà không khinh chê.

* Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Ta thề độ hết thấy chúng sanh, nếu chúng sanh không được gì thì ta cô phụ chúng sanh. Thí như người chủ mời khách, thời lễ đáng cung kính khách mà tự hạ mình, nếu khách không được cúng dường thì chủ sẽ xấu hổ với khách.

* Lại nữa, vì tâm tự đại tự cao thời ưa sanh sân hận, vì kiêu mạn là gốc của sân, sân là gốc của hết thấy trọng tội. Nếu Bồ tát khởi tâm khiêm nhường đối với chúng sanh, thời chúng sanh hoặc mắng hoặc đánh cũng không sân hận. Thí như chủ nhà đánh tớ, tớ không dám sân hận. Nếu Bồ tát tự cao mà chúng sanh khiêm nhường, chúng sanh xâm hại Bồ tát thời tự nhiên nộ nạt sân hận, như tớ đánh chủ thời chủ sân hận nộ nạt. Tâm khiêm nhường có các lợi ích như vậy nên Bồ tát cần thực hành. *Tâm an ổn* là đưa đến cái vui rất ráo trong đời nay, đời sau, chứ chẳng phải như cha mẹ, tri thức chỉ cho cái vui đời này. Bồ tát nếu trong khi lấy tâm bình đẳng, tâm từ, tâm khiêm nhường lợi ích chúng sanh, nếu có người không biết ơn đến bức não Bồ tát, không tin việc Bồ tát làm, cho là dối trá, vì cầu danh nên không có thật sự; lại vì ma xui khiến đến bức não Bồ tát, làm việc ác trung ác, không biết ân, Bồ tát tâm bình đẳng đối với các sự ấy thông suốt vô ngại; được tâm vô ngại ấy rồi chúng sanh tuy có tội lớn, lỗi lớn cũng chỉ muốn làm lợi ích cho nó, không sanh tâm ưu não. Thí như người con có hiếu yêu kính cha mẹ, như anh, như em, như chị em, như con trai, con gái không có tâm dâm dục, nhưng sanh tâm ái kính, thương tưởng. người đời chỉ có thể yêu kính người thân, Bồ tát yêu kính tất cả. Có được hảo tâm, thanh tịnh, mềm mỏng ấy gọi là chúng sanh nhân, là cửa ban đầu của pháp nhân. Tiếp đến tu hành mười thiện đạo, mười thiện đạo thì có Phật hay không có Phật, thế gian thường có thiện pháp ấy giáo hoá. Bồ tát trước tiên dùng bốn mươi thứ hành, tu hành mười thiện đạo, vì có sao? Vì Bồ tát thâm niệm thiện pháp, từ tâm với chúng sanh. Pháp của kẻ phàm phu ly dục có mười hai sự cũng dùng bốn mươi tám hành. Sáu Ba la mật cho đến pháp trụ là khách pháp, có Phật nói thời có Bồ tát

tu hành, từ trước lại đây cữu pháp, khách pháp, gốc ngọn đầy đủ, đời nay được thiện pháp, trí tuệ vô ngại, xả sanh thân, được pháp thân vô ngại, tùy ý đi đến mười phương giáo hoá chúng sanh, đối trước mười phương Phật tu tập thiện pháp.

Khi nghe pháp ấy, hai ngàn Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, là phẩm này nói pháp vi diệu sâu xa, cũng nói có hành, cửa thiện, cửa trí hai hành đầy đủ. Nếu chỉ nói "như pháp" thì được ít lợi ích, nếu nói "hữu pháp" thì được lợi cũng ít. Nay nói đầy đủ cả hữu pháp và vô pháp, nên được vô sanh nhẫn. Thí như có hai bánh xe đầy đủ, nên có thể đi đến. Trong đây khéo nói hai đế, nên hai ngàn Bồ tát được vô sanh nhẫn.

(Hết cuốn 72 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 73

GIẢI THÍCH: PHẨM CHĂNG THOÁI CHUYỂN THỨ 55

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, do hạnh gì, tướng mạo gì, biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát biết được địa vị phàm phu, địa vị Thanh văn, địa vị Bích chi Phật, địa vị Phật; các địa vị ấy trong tướng "như" không hai không khác, cũng chẳng niệm, cũng chẳng phân biệt. Vào trong "như" ấy nghe việc ấy vượt thẳng qua không nghi ngờ, vì sao? Vì trong "như" ấy không có tướng một, tướng hai. Bồ tát ấy cũng chẳng nói lời vô ích, chỉ nói lời tương ưng với lợi ích, không thấy người khác hay, hay dở. Tu bồ đề, do hạnh, loại, tướng mạo ấy biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, lại do hạnh, loại, tướng, mạo gì, biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu hết thấy pháp không có hành, không có loại, không có tướng mạo, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có hành, không có loại, không có tướng mạo, thời Bồ tát thoái chuyển đối với pháp gì, gọi là chẳng thoái chuyển?

Phật dạy: Nếu Bồ tát chuyển tâm đắm nhiễm sắc, chuyển tâm đắm nhiễm đối với thọ, tướng, hành, thức, ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chuyển tâm đắm nhiễm Thí ba la mật cho đến chuyển tâm đắm nhiễm Bát nhã ba la mật; chuyển tâm đắm nhiễm nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; chuyển tâm đắm nhiễm bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung; chuyển tâm đắm nhiễm Thanh văn, Bích chi Phật địa cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển, vì sao? Vì tánh sắc không có, Bồ tát ấy trụ ở đâu? Cho đến tánh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có, Bồ tát ấy trụ ở đâu?

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát không xem diện mạo ngôn ngữ đạo Sa môn, hoặc Bà la môn, không nghĩ rằng ngoại đạo hoặc sa môn hoặc Ba la môn ấy thực biết, thực thấy; nếu nói theo chánh kiến thời không có các việc ấy.

* Lại nữa, Bồ tát không sanh nghi ngờ, không đắm theo giới thủ, không rơi vào tà kiến, cũng không cầu việc tốt của thế tục cho là thanh tịnh, không lấy hoa hương, anh lạc, phan lọng, kỹ nhạc, lễ bái cúng dường chư thiên. Tu bồ đề, do hành loại tướng mạo ấy, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, thường không sanh vào nhà hạ tiện, cho đến không sanh vào chỗ có tám nạn, thường không thọ thân người nữ. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát thường tu mười thiện đạo, tự mình không sát sanh, không dạy người sát sanh, tán thán việc không sát sanh, hoan hỷ tán thán người không sát sanh; cho đến tự mình không tà kiến, không dạy người tà kiến, cũng không tán thán việc tà kiến, không hoan hỷ tán thán người theo tà kiến. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát cho đến trong mộng cũng không làm mười bất thiện đạo. Do các hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát vì lợi ích hết thảy chúng sanh nên tu Thí ba la mật cho đến vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh nên tu Bát nhã ba la mật. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát có được các pháp như Khế kinh, cho đến luận nghị, thọ, trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Bồ tát ấy khi pháp thí nghĩ rằng: Nhờ nhân duyên của pháp thí ấy làm mãn nguyện của hết thảy chúng sanh; đem công đức pháp thí ấy cho hết thảy chúng sanh cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ma ha tát đối với pháp thậm thâm không nghi, không hối.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát đối với pháp thậm thâm vì nhân duyên gì nên không nghi, không hối?

Phật dạy: Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy hoàn toàn không thấy có pháp nào hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có thể sanh nghi, không thấy pháp ấy chỗ nào có thể sanh nghi, sanh hối. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát thân, khẩu, ý nhu nhuyễn. Do các hành, loại, tướng mạo nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát do thành tựu thân, khẩu, ý từ ái. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát không cùng với năm triền cái là tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát không ưa đắm tất cả nơi chốn. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ra vào đi lại, mắt, ngò, đi, ở thường niệm nhất tâm; ra vào đi lại, ngò, nằm, đi, ở, đỡ chân, để chân, an ổn, thông thả, thường niệm nhất tâm ngó xuống đất mà đi. Do các hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát mặc y phục và các đồ nằm, người ta không chê nhớp, ưa sạch sẽ, ít bệnh tật. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, thường trong thân người, có tám vạn hộ trùng xâm thực, thân Bồ tát chẳng thoái chuyển, không có loại trùng ấy, vì sao? Vì công đức Bồ tát vượt quá thế gian. Công đức Bồ tát ấy tăng ích, tùy theo công đức ấy được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ tát được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh?

Phật dạy: Bồ tát tùy theo sự có được tăng thêm thiện căn, diệt trừ tâm quanh co tà vạy, ấy gọi là Bồ tát thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh. Vì thân tâm thanh tịnh nên vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa mà vào Bồ tát địa. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát không quý lợi dưỡng; tuy tu mười hai hạnh đầu đà mà không quý pháp A lan nhã (nơi thanh vắng), cho đến không quý việc chỉ mặc ba y. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát thường không sanh tâm xan tham, không sanh tâm phá giới, tâm sân động, tâm giải đãi, tâm tán loạn, tâm ngu si, tâm tật đố. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát tâm an trú bất động, trí tuệ thâm nhập, nhất tâm nghe, lãnh thọ pháp được nghe và việc thế gian đều hợp cùng Bát nhã ba la mật. Bồ tát ấy không thấy tài sản, sự nghiệp gì chẳng vào pháp tánh, hết thấy việc đều thấy hợp cùng Bát nhã ba la mật. Vì nhân duyên ấy nên gọi đó là tướng trạng của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

LUẬN: Hỏi: Từ trước lại đây nơi nơi đã nói tướng mạo chẳng thoái chuyển, có sao nay còn hỏi?

Đáp: Trên kia tuy nơi nơi lược nói, nay muốn nói rộng. Trong đây phần nhiều nói về tướng mạo chẳng thoái chuyển nên gọi là phẩm "chẳng thoái chuyển". Lại nữa, trên đây giải nói tướng mạo Ba la mật, thứ đến nói nhân duyên khiến ma phá hoại Bát nhã. nay nói người tín thọ Bát nhã ba la mật là chẳng thoái chuyển, muốn nói tướng mạo nó nên Tu bồ đề hỏi.

* Lại nữa, Bồ tát từ khi mới phát tâm lại đây, vì nhân duyên tu hành, quả báo chúng đắc là chẳng thoái chuyển, được thọ ký chắc chắn sẽ làm Phật. Như người nhận chức tước đã được ấn tín, tâm không còn nghi. Lại như hàng Thanh văn tu các hạnh, đều là bốn quả Sa môn. Chẳng thoái chuyển là địa vị quyết định an ổn vượt quá phàm phu, không vào Nhị thừa địa, tuy chưa thành Phật đạo có thể làm ruộng phước cho thế gian. Việc ấy vi diệu khó biết được, nên Tu bồ đề hỏi tướng mạo nó. Phật vốn khiến Tu bồ đề nói Bát nhã ba la mật nên Tu bồ đề hỏi Phật địa vị chẳng thoái chuyển. Có hành, loại, tướng mạo gì.

Hỏi: Ba việc ấy có gì sai khác?

Đáp: Có người nói ba việc ấy cùng một nghĩa, do đó biết là chẳng thoái chuyển, chẳng phải chẳng thoái chuyển. Lại có người nói: HÀNH là thân, khẩu, ý, nghiệp của Bồ tát chẳng thoái chuyển khác với người khác. Do hành vi ấy biểu thị trí tuệ thậm thâm chẳng thoái chuyển. LOẠI là phân biệt biết các Bồ tát chẳng thoái chuyển hay chẳng phải chẳng thoái chuyển. TƯỚNG MẠO là trừ hành và loại, do các nhân duyên khác biết được tướng mạo chẳng thoái chuyển.

Phật nói nghĩa lý, nếu Bồ tát đầy đủ được năm Ba la mật, thâm nhập Bát nhã ba la mật, có lực phương tiện nên không đả trước Bát nhã ba la mật, chỉ quán " như nghĩa" là thật tướng các pháp. Bồ tát lúc bấy giờ không cho hàng địa vị

phàm phu Nhị thừa là hạ tiện, không cho địa vị Phật là cao quý vì đều nhập các pháp "như ", trong các pháp như ấy không có phân biệt hai pháp. Chỉ lấy "như " nhập vào "như " không còn việc chi khác, cũng không phân biệt chấp thủ tướng, vì sao? Vì "như " bình đẳng nên người có thể nhập như vậy tức nhập vào pháp tạng chư Phật, tâm không sanh nghi để trở lại tìm tướng quyết định của các pháp. Thế nên kinh nói: Phàm phu địa cho đến Phật địa trong tướng "như " không hai không khác. Chúng được pháp như vậy là hành, loại, tướng mạo của chẳng thoái chuyển. Lại nữa, lược nói nghĩa ấy: Bồ tát nhân các pháp "như ", nghĩa là rốt ráo không nên xả bỏ hết thảy việc thế gian, cũng không trụ vào rốt ráo không, vì sao? Vì thật tướng các pháp rốt ráo thanh tịnh. Nếu Bồ tát nghe pháp không có nương tựa, tâm không có nghi hối, không đến việc nương tựa.

Các việc như trên là thể tướng chính yếu của chẳng thoái chuyển; từ đây trở xuống đều là hạnh quả của rốt ráo không. Vì được rốt ráo không nên tâm thuần thực tịch diệt, không nói lời vô ích. Nói ra thường là pháp, chẳng phải là phi pháp; nói ra đều là thật, chẳng phải vọng thuyết; lời nói nhu nhuyễn, không thô lậu, đều đem tâm từ bi mà nói, không dùng tâm sân nhuế; nói hợp thời, đúng với cơ hội, quán sát lòng người tùy theo phong tục địa phương. Nay trong đây lược nói lời lợi ích; hoặc dạy Phật đạo, hoặc dạy Nhị thừa, hoặc như thiên đạo, hoặc đời nay được cái vui không tạo tội. Vì thường xa lìa bốn việc ác nơi miệng, vì đối với chúng sanh có tâm từ bi rộng lớn, lại có thể tự mình chẻ mông các phiền não, nên có thể dùng các nhân duyên nói những lời lợi ích.

Hỏi: Hàng Thanh văn đi thẳng tới Niết bàn có thể không xem xét đến người khác. Còn Bồ tát xem chúng sanh như con, thường muốn giáo hoá, có sao không xem xét đến việc hay dở của họ?

Đáp: nếu chúng sanh không thể chiếc phục, không thể hóa độ, hạng như vậy chẳng cần xem xét, vì sao? Vì nếu đem tâm tốt dạy bao thời họ ghét mình, tâm họ như dao cắt, đã không ích gì còn thêm tội cho họ cho nên không nên xem xét hay dở.

* Lại nữa, Bồ tát nên nghĩ rằng: Như chư Phật đủ Nhất thiết trí, tập khí phiền não sạch hết, còn không thể độ hết chúng sanh, huống gì ta chưa được Bồ tát thần thông, chưa được trí vô ngại làm sao có thể xem xét khắp chúng sanh. Bồ tát chẳng thoái chuyển có vị được thần thông, có vị không được. Được chẳng thoái chuyển rồi, riêng tu thần thông đạo mới được. Nếu trước đã được thần thông, vì không đầy đủ nên không thể xem xét khắp.

Hỏi: Tu bỏ đề lúc đầu hỏi hành, loại, tướng mạo, có sao Phật không đáp ngay là không có hành, loại, tướng mạo nay trong đây mới nói?

Đáp: Lúc đầu hỏi, vì chúng sanh chưa tham đắm tướng mạo chẳng thoái chuyển, nên Phật đáp hoặc nói về không tướng, hoặc nói về hỷa tướng; nay vì chúng sanh tham đắm tướng mạo chẳng thoái chuyển, muốn từ phạm phu nhập vào địa vị chẳng thoái chuyển, thế nên Phật nói hết thấy không có hành, không có loại, không có tướng mạo.

Tu bỏ đề lại hỏi: Nếu các pháp đều không, có gì còn nói đối với pháp gì chuyển tâm đắm nhiễm gọi là chẳng thoái chuyển? Nên từ phạm phu địa chuyển, đối Phật địa không chuyển sao?

Phật đáp: nếu Bồ tát quán được sắc pháp v.v... không, không có gì của chính nó, chuyển tâm nhiễm trước sắc, cho nên ở trong Phật đạo không thoái chuyển. Sắc pháp v.v... hòa hợp nhân duyên sanh, Bồ tát biết đó là pháp hữu vi, tội lỗi, không nên trú ở trong đó. Vì các pháp không, nên có thể chuyển tâm nhiễm trước, chuyển tâm nhiễm trước nên gọi là không thoái chuyển.

* Lại nữa, Bồ tát chẳng thoái chuyển, nhập vào chánh vị nên tâm quyết định không nghi. Trong hết thấy ngoại đạo có thật trí, nếu có thật trí không gọi là ngoại đạo. Như thế là tướng mạo của chẳng thoái chuyển.

Hỏi: Nay nói không sanh nghi, sau nói không nghi pháp thậm thâm. Hai cái không nghi ấy có gì sai khác?

Đáp: Không nghi ở đây là chỉ cho kiến hoặc trong lý tứ đế của Tu đà hoàn đoạn trừ; cái không nghi sau là không nghi đối với pháp sâu xa của chư Phật chứng tri. Bồ tát có lực phước đức và trí tuệ nên tuy không làm Tu đà hoàn, chưa làm Phật, mà có thể không có hai cái nghi ấy. *Giới thủ* là giới của ngoại đạo, tu giới ngoại đạo ấy không được Niết bàn. Còn bốn kiến: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, tà kiến đều gọi là tà kiến. Vì thâm tín nghiệp nhân duyên và quả báo nên không cầu việc tốt, không đem hương hoa cúng dường chư thiên. Vì cầu đạo, phá cội gốc kiêu mạn, nên thường không sanh vào nhà hạ tiện. Vì có công đức, không làm chướng ngại người khác, thường làm việc khuyến trợ nên không sanh vào chỗ tẩm nạn. Vì chỉ mỏng dâm dục, xa lìa tâm nhiễm, nên không thọ thân người nữ.ù

* Lại nữa, các người khác tuy tu mười thiện đạo, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba không thể đủ bốn thứ. Bồ tát có tâm đại bi rất yêu thiện pháp nên tu đầy đủ bốn

thứ. Thường tu tập mười thiện nghiệp đạo cho đến trong mộng không làm mười bất thiện đạo. Các người khác tu phước đức chỉ vì thân mình; tiểu Bồ tát tuy vì chúng sanh cũng tự vì mình; bậc chẳng thoái chuyển có làm phước gì đều vì chúng sanh, không vì thân mình. Nếu phước đức có thể đem cho người, thời Bồ tát đem cho hết chúng sanh, chỉ cầu sự tu tập không thể đem cho; nên Bồ tát đem mười hai bộ kinh giáo hóa chúng sanh, cũng chỉ vì chúng sanh, không vì tự kỷ.

* Lại nữa, vị Bồ tát có năm căn tín, tấn v.v... lanh lợi nên tuy chưa làm Phật có thể tin các pháp. Trong đây Phật lại nói nhân duyên của không; Bồ tát không thấy sắc pháp v.v... nên không có chỗ sanh nghi.

* Lại nữa, Bồ tát thường tu tâm từ bi nên ý nghiệp nhu nhuyễn; ý nghiệp nhu nhuyễn nên từ thân nghiệp, từ khẩu nghiệp thành tựu.

Hỏi: Tâm từ bi ngoại đạo cũng có, cứ sao lại nói đó là tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển?

Đáp: Ngoại đạo tuy có tâm từ bi mà không sâu, không thể trùm khắp chúng sanh, cũng không thường có, vì không hoà hợp thật tướng của các pháp, còn Bồ tát không như vậy.

* Lại nữa, Bồ tát quở trách năm dục, trừ năm triền cái, vào năm thiền chi, sơ thiền không cùng với năm triền cái. Vì năm triền cái che tâm, làm hao mòn trí tuệ, phá Phật đạo mở đường ma. Bồ tát biết hết thấy pháp hữu vi tạo tác, hư dối, không thật, như huyễn, như mộng; còn pháp vô vi "không", không có gì của chính nó, tướng tịch diệt nên đối với hết thấy chỗ, không có gì ưa đắm. Đối với chúng sanh cho đến Phật cũng không ưa đắm, đối với pháp cho đến Niết bàn cũng không ưa đắm. Sân và tội thô, tiểu Bồ tát đã dứt cũng không nói; ái sâu xa, vi tế, khó dứt nên nay nói.

* Lại nữa, Bồ tát vào sâu thiền định nên thủ hộ hết thấy chúng sanh, thủ hộ hết thấy chúng sanh nên thường nhất tâm niệm, không nào hại chúng sanh. Vì không phá giới nên ra, vào, đến, đi an ổn, thông thả, nhất tâm. Dở chân, để chân, trông xuống đất mà đi là vì bảo hộ chúng sanh, vì tránh loạn tâm.

* Lại nữa, Bồ tát lâu ngày tu tập vô lượng, vô biên thiện pháp, trong thân không có tám muôn hộ trùng, cũng ít bệnh tật nên áo chằng đồ nằm thường sạch sẽ không nhờn. Vì có lực thiện căn chứng được thật tướng các pháp nên trong thân không có tám muôn hộ trùng. Vì tâm thanh tịnh nên thân, miệng cũng thanh tịnh;

vì lìa hư dối, quanh co, tà vạy, hạ tiện nên tâm thanh tịnh, vì hai sự thanh tịnh nên tuy ở thế gian mà lìa khỏi các khổ não bức bách; vì tâm không nhầm chán nên vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa. Bồ tát vì quý Phật đạo nên không quý lợi dưỡng; tuy tu hạnh đầu đà mà không quý hạnh ấy, vì hạnh ấy chỉ là nhân duyên phần ít đối với đạo cứu cánh, chứ chẳng phải đạo cứu cánh, ấy gọi là hành, loại, tướng mạo của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Hỏi: Bồ tát chưa được Phật đạo, chưa dứt các phiền não làm sao thường không sanh các ác tâm xan than v.v...?

Đáp: Bồ tát chẳng thoái chuyển, khi được vô sanh pháp nhẫn, thì đã dứt hết các phiền não, chỉ chưa dứt tập khí. Nếu không dứt làm sao có thể thường không sanh tâm xan tham làm chướng ngại đạo? Như kinh nói: Tu đà hoàn cho đến A la hán tức là Bồ tát vô sanh pháp nhẫn.

* Lại nữa, có người nói Bồ tát tu sáu Ba la mật, tu tập sâu xa các công đức nên các phiền não bị chẻ mỏng, không sanh trong tâm, nên gọi là thường không sanh.

* Lại nữa, Bồ tát trải vô lượng đời, tu Thiền ba la mật nên tâm an trú bất động; chưa tập Bát nhã, nên thâm nhập trí tuệ. Bồ tát biết pháp vị vi diệu nên theo người khác nghe pháp, nhất tâm thọ trì, vì tâm ưa pháp sâu xa nên nghe pháp Tam thừa hoặc pháp ngoại đạo, hoặc pháp thế gian, vì tự tâm thâm diệu nên các pháp ấy đều hòa hợp với Bát nhã, không phá pháp tướng. Thí như người mạnh khỏe không có bệnh, ăn vật gì đều tiêu hoá hết; lại như Phật được cái tướng tối thượng vị, tuy gặp món ăn đắng, cay, không ngon, ở trong miệng Phật đều thành thượng vị. Lại nữa, như nấu đường phèn sắp chín, đem vật gì bỏ vào đều thành đường phèn vì sức vi diệu của nó mạnh. Bồ tát cũng như vậy, sức Bát nhã ba la mật mạnh nên có thể làm cho các pháp hợp thành một vị với Bát nhã, không có lỗi.

* Lại nữa, việc thế gian là Bồ tát khởi thân khẩu nghiệp gì đều thương xót hoá độ chúng sanh; tâm thương xót ấy là cửa ban đầu vào Bát nhã ba la mật. Lại nhân duyên của các việc thế gian cho đến ngồi, đứng, dậy đi, bước, ăn uống, nói năng, thường nghĩ đến sự an ổn cho chúng sanh. Việc đi, đến, v.v... đều vào pháp tánh như đã nói ở trong phẩm "phá lai khứ" (*Trung quán luận - ND*). Các tài sản, sự nghiệp cũng lại như vậy, ấy gọi là chẳng thoái chuyển.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, nếu ác ma ở trước vị Bồ tát chẳng thoái chuyển hóa làm tám địa ngục lớn, trong mỗi địa ngục có ngàn vạn ức Bồ tát đều bị thiêu đốt

chịu các khổ não cay chua, nói với Bồ tát rằng: "Các Bồ tát ấy đều là bậc chẳng thoái chuyển được Phật thọ ký vào địa ngục lớn, nếu ông là người được Phật thọ ký chẳng thoái chuyển vào địa ngục lớn ấy; Phật vì ông thọ ký cảnh địa ngục như vậy mà ông không như lời, trở lại bỏ tâm Bồ tát, vậy ông có thể nào được không đọa địa ngục mà được sanh cõi trời". Nay Tu bồ đề, nếu Bồ tát thấy việc ấy, nghe việc ấy tâm không động, không nghi, không sợ, nghĩ rằng vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, nếu đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ thời trọn không có lẽ đó. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy biết đó là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Ác ma hoá làm Tỳ kheo mặc áo pháp đi đến chỗ Bồ tát nói với Bồ tát rằng: "Ông trước nghe dạy nên như vậy tịnh tu sáu Ba la mật cho đến nên như vậy tịnh tu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, việc ấy ông phải hối hận bỏ gấp đi! Ông trước ở nơi chỗ chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại từ khi mới phát tâm cho đến pháp trụ, các thiện căn tạo được trong khoảng thời gian ấy, tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, việc ấy ông cũng nên buông bỏ gấp đi; nếu ông bỏ gấp ta sẽ nói cho ông chân Phật pháp, còn những điều ông nghe trước đó đều phi Phật pháp, phi Phật giáo, đều là văn chương trau chuốt, hợp lại tạo ra; điều ta nói mới là chân Phật pháp". Nếu Bồ tát nghe lời nói mà tâm sợ, nghi, hối nên biết Bồ tát ấy chưa được Phật thọ ký, chưa quyết định an trú trong tánh chẳng thoái chuyển. Nếu Bồ tát tâm không động, không sợ, không nghi, không hối, tùy thuận, nương tựa pháp vô pháp vô sanh, không tin lời người khác, không làm theo người khác; khi tu sáu Ba la mật không theo lời người khác; cho đến khi tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không nghe theo lời người khác, thí như vị A la hán sạch hết lậu hoặc, không tin lời người khác, không làm theo người khác, hiện tiền thấy được thật tướng các pháp; ác ma không thể làm lay chuyển. Như vậy, Tu bồ đề, vị Bồ tát chẳng thoái chuyển cũng như thế. Người cầu Thanh văn đạo, Bích chi Phật đạo không thể phá hoại, không thể chiết phục tâm Bồ tát. Nay Tu bồ đề, Bồ tát ấy chắc chắn an trú trong địa vị chẳng thoái chuyển, không nghe theo lời người khác, cho đến lời Phật nói cũng không tin thủ ngay, hướng gì tin lời của người cầu Thanh văn, Bích chi Phật các ác ma, ngoại đạo, phạm chí, trọn không có lẽ đó, vì sao? Vì Bồ tát ấy không thấy có pháp có thể tin theo, đó là sắc hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc "như " cho đến thức "như ", cho đến không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hướng gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như ". Nay Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Ác ma hoá làm thân Tỳ kheo đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: "Pháp của người tu là pháp sanh tử chẳng phải đạo Nhất thiết trí, thân người nay chỉ lấy việc hết khổ làm chứng đắc. Khi ấy ác ma vì Bồ tát dùng pháp tu hành của thế gian nói đạo pháp tương tợ, đạo pháp tương tợ ấy là pháp ràng buộc trong ba cõi như Quán bất tịnh đó là quán tướng xương trắng; hoặc Sơ thiền cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng, nói với thiện nam tử rằng: Dùng đạo ấy dùng tu hạnh ấy, sẽ được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán; người tu đạo ấy đời nay hết khổ, người dùng cái pháp phải chịu mọi khổ não trong đường sanh tử như vậy làm chi? Thân tứ đại ngày nay còn không cần dùng lãnh thọ được, hưởng gì lại thọ thân tương lai". Nay Tu bồ đề, nếu Bồ tát nghe lời ấy mà tâm không kinh, không nghi, không hối, nghĩ rằng: Vị Tỳ kheo ấy lợi ích cho ta không ít, vì ta nói đạo pháp tương tợ, tu đạo pháp tương tợ ấy, không được đến quả Tu đà hoàn, A la hán, Bích chi Phật đạo, hưởng gì được đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Bồ tát ấy lại càng hoan hỷ nghĩ rằng: Tỳ kheo ấy lợi ích cho ta không ít, vì ta nói pháp làm chướng đạo, ta biết pháp làm chướng đạo ấy không chướng ngại học đạo ba thừa.

Khi ấy ác ma biết Bồ tát vui mừng liền nói tiếp rằng: "Thiện nam tử, người muốn thấy Bồ tát cúng dường chư Phật số nhiều như cát sông Hằng với các đồ cần dùng nuôi sống như áo mặc, cơm ăn, đồ nằm, thuốc thang chẳng? Cũng ở nơi chỗ hằng hà sa số chư Phật tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật chẳng? Cũng thân cận hằng hà sa số chư Phật hỏi Bồ tát đạo: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát làm sao an trú trong Bồ tát thừa? Làm sao tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, tu bốn niệm xứ cho đến đại từ đại bi? Bồ tát ấy theo như Phật dạy: Trụ như vậy, hành như vậy, tu như vậy; Bồ tát ấy dạy như vậy, học như vậy còn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được Nhất thiết trí, hưởng gì người làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Nếu Bồ tát nghe việc ấy, tâm không đổi khác, không kinh sợ, lại còn vui mừng, nghĩ rằng: Tỳ kheo ấy lợi ích cho ta không ít vì ta nói pháp làm chướng đạo, pháp làm chướng đạo ấy khiến không được đạo Tu đà hoàn cho đến không được đạo A la hán, Bích chi Phật, hưởng gì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy ác ma biết tâm Bồ tát ấy tâm không biến mất, không kinh sợ, liền ở tại chỗ đó hóa làm nhiều Tỳ kheo nói với Bồ tát rằng: Đây đều là những Bồ tát phát tâm cầu Vô thượng đạo, đều an trú địa vị A la hán, bọn ấy còn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người làm sao được? Nếu Bồ tát liền nghĩ rằng ác ma ấy nói đạo pháp tương tợ. Bồ tát hành Bát nhã ba la mật không nên chuyển đổi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không nên đọa vào

Thanh văn, Bích chi Phật đạo. Lại nghĩ rằng: Tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, cho đến tu trí Nhất thiết chủng không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; là không có lẽ ấy. Nay Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, tu bồ đề, nếu Bồ tát nghĩ rằng: Nếu Bồ tát theo đúng lời Phật dạy, tâm không xa lìa Bát nhã ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, Bồ tát ấy trọn không thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu Bồ tát giác tri việc ma, thường không thoái mất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là tướng của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thoái chuyển đối với pháp gì gọi là không thoái chuyển?

Phật dạy: Thoái chuyển đối với sắc tướng, thoái chuyển đối với thọ, tưởng, hành, thức tướng; thoái chuyển đối với tướng mười hai nhập, tướng mười tám giới, tướng tham dục, sân nhuế, ngu si, tướng tà kiến, tướng bốn niệm xứ cho đến tướng Thanh văn, Bích chi Phật và tướng Phật. Do vậy, gọi là tướng Bồ tát chẳng thoái chuyển, vì sao? Vì Bồ tát chẳng thoái chuyển do pháp "tự tướng không" ấy vào Bồ tát vị, được vô sanh pháp nhẫn; cho đến mấy may pháp cũng không thể thủ đắc, vì không thể thủ đắc nên không tác khởi, vì không tác khởi nên không sanh, ấy gọi là vô sanh pháp nhẫn. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

LUẬN: Ma biết rõ Bồ tát ấy là vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, không còn làm trở ngại; nếu chưa biết rõ thời dùng mọi cách thí nghiệm phá hoại, hoặc hoá làm tám địa ngục lớn, hoá làm vô số Bồ tát bị thiêu đốt ở trong đó và nói với Bồ tát rằng: Các Bồ tát ấy đều là bậc chẳng thoái chuyển, được Phật thọ ký. Ông nếu được Phật thọ ký là thọ ký vào ở địa ngục.

Hỏi: Ác ma vì nhân duyên gì nói người tu thiện thọ ký vào ở địa ngục?

Đáp: Ác ma vì cho vị Bồ tát ấy muốn thay thế chúng sanh thọ khổ nên nói thọ ký ở trong địa ngục; "người nếu tu phước đức để sanh cõi trời thời đó là tự vì mình chứ không dính dự đến việc chúng sanh". Nếu Bồ tát nghe việc ấy tâm kinh động, nghi hối, nếu tín thọ lời ma, nên biết Bồ tát là chưa được thọ ký lên bậc chẳng thoái chuyển. Nếu Bồ tát nghe việc ấy mà không nghi, không động, không kinh nghĩ rằng: Bậc chẳng thoái chuyển vì ngộ được thật tướng các pháp nên không đấm trước pháp, vì không đấm trước pháp nên cho đến không sanh tội

nhỏ, hưởng gì tội đọa ba đường ác. Như trong lửa có nước, trong nước sanh lửa, không có lẽ đó.

Lại có ác ma hóa làm Tỳ kheo mặc áo pháp đi đến nói với Bồ tát rằng: "Người trước theo thầy nhỏ nghe dạy tu sáu Ba la mật đó đều là hư dối, chứa nhóm tâm tùy hỷ công đức cũng là hư dối. Những điều người nghe từ trước đều là hư dối, văn chương trau chuốt chẳng thật, chẳng phải miệng Phật nói ra; nay ta vì người nói, đều là chơn Phật pháp, người nên bỏ mau đi". Nếu Bồ tát nghe lời ấy mà tâm kinh động, sân hận, nghi ngờ, nên biết Bồ tát ấy Phật chưa thọ ký cho. Thí như vàng giả, lấy lửa mà mài đập, hoặc đen, hoặc đỏ, hoặc trắng liền biết chẳng phải vàng thật. Nếu Bồ tát nghe lời ấy mà không giận, không nghi, tùy theo pháp vô sanh, vô diệt, vô khởi, vô tác, tu sáu Ba la mật tự biết không nghe theo lời người khác; nên biết ấy là thật chẳng thoái chuyển. Thí như vị A la hán sạch hết lậu hoặc nên ác ma đi đến không phá hoại được; vị Bồ tát chẳng thoái chuyển cũng như vậy, không ai hàng phục được. Vì hiện tiền tự biết thật tướng các pháp nên ác ma hiện làm thân Phật đi đến, nói lời khác với pháp tướng cũng không tin thọ. Thí như con chó mang lốt sư tử, các thú trông thấy tuy sợ nhưng khi nghe tiếng thì biết đó là chó, hưởng gì biến hóa làm thân khác. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát thấy sắc pháp "không" v.v... nên ai sẽ nghe theo lời người khác?

* Lại nữa, ác Ma hiện thân làm Tỳ kheo đi đến nói với Bồ tát rằng: "Sáu Ba la mật ấy đều là pháp sanh tử, vì do nhân duyên của phước đức bố thí nên thọ phước vui trong cõi Dục; do nhân duyên của Thiền ba la mật nên thọ vui trong cõi Sắc; vì Bát nhã ba la mật không có tướng nhất định nên gọi là pháp hư dối, xoay vần trong năm đường, không thể tự ra khỏi đường sanh tử. Người ta dối với người rằng: Đó là đạo Nhất thiết chủng trí, ta nay nói thật, người thủ chứng Niết bàn, đời nay hết khổ". Bồ tát nếu im lặng, ma liền tiếp nói đạo pháp tương tự: "Hoặc quán 36 thứ bất tịnh, hoặc quán bộ xương người, hoặc niệm hơi thở ra vào, như đạo ấy chứng được bốn thiên, bốn định vô sắc; như thiên định ấy có thể được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán. Thân này của người do tội báo sanh ra; Phật không tán thán thọ thân trở lại trong một khoảnh khắc khảy móng tay, hưởng gì ở lâu trong sanh tử". Vị Bồ tát chẳng thoái chuyển nghe việc ấy tâm vui mừng nghĩ rằng: Tỳ kheo ấy rất lợi ích cho ta, vì ta nói đạo pháp tương tự, ta được đạo pháp tương tự ấy liền biết chơn đạo, như người đi đường, biết đường tà thì biết nẻo chánh, pháp làm chướng ngại đạo cũng như vậy. Bậc chẳng thoái chuyển vì là người lớn, quý trọng, nên không tranh cãi với Tỳ kheo ấy.

Ác ma thấy Bồ tát im lặng thì vui mừng nói: "Người ấy tin thọ lời ta nên nói tiếp với Bồ tát rằng: Thiện nam tử, có vô lượng Bồ tát cúng dường hằng hà sa số Phật, hồi hán, khổ hạnh sáu Ba la mật và Bồ tát đạo, ở trước mặt nhận lời Phật dạy, chịu thực hành hết thấy hạnh Bồ tát còn không được Vô thượng đạo, nay đều thành A la hán, vậy người làm sao muốn được". Bồ tát nghe việc ấy xong im lặng. Ở ngay chỗ đó ma liền hoá vô số Tỳ kheo A la hán nói với Bồ tát rằng: "Các Tỳ kheo ấy đều tu Vô thượng đạo đã lâu, nay đều thành A la hán, tại sao riêng người muốn thành Phật", Bồ tát lại vui mừng nghĩ rằng: Tỳ kheo ấy vì ta nói pháp tợ đạo, chướng đạo. Bồ tát thực hành sáu Ba la mật, được các công đức chắc chắn không thối đạo vào Nhị thừa; như lời Phật nói tâm thường không lìa sáu Ba la mật mà không được Vô thượng đạo là không có lẽ ấy. Bồ tát nếu gặp tri ma sự ấy, thời được lợi ích lớn không có mất, vì thế nên tâm Bồ tát không động chuyển, ấy gọi là tướng chẳng thoái chuyển.

Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thoái chuyển đối với pháp gì gọi là không thoái chuyển.

Phật dạy: Đối với sắc tướng thoái chuyển. Trên lược nói, nay sẽ nói rộng. Nếu Bồ tát đối với sắc tướng v.v... đều thoái chuyển được, ấy gọi là tu hết thấy pháp tánh không, được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị. *Vô sanh nhẫn* là cho đến pháp vi tế không thể thủ đắc hướng gì pháp lớn, ấy gọi là vô sanh. Được pháp vô sanh ấy không khởi làm các nghiệp, ấy gọi là được vô sanh pháp nhẫn. Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, ấy gọi là chẳng thoái chuyển. Vô lượng loại, hành, tướng mạo như vậy là tướng của chẳng thoái chuyển.

GIẢI THÍCH: PHẨM CHUYỂN BÁNH XE BÁT THOÁI THỨ 56

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Chuyển Bát Chuyển).

KINH: Lại nữa Tu bồ đề, Ác ma đi đến chỗ Bồ tát, muốn phá hoại tâm Bồ tát, nói rằng: "Nhất thiết trí với hư không, không có tướng gì; các pháp cùng với hư không, không có tướng gì. trong các pháp hư không, 'không', không có tướng gì ấy, không có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có chẳng được. Các pháp ấy đều như hư không, không có tướng gì, người luống chịu siêng năng khổ nhọc; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà người được nghe nói đều là ma sự, chẳng phải Phật nói, người nên phóng xả tâm nguyện ấy, người chớ suốt ngày đêm chịu sự không an ổn, lo khổ, đọa ác đạo". Các thiện nam tử, thiện nữ nhưn ấy khi nghe lời chê trách đó nên nghĩ như vậy: Đó là ác

ma phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của ta. Các pháp tuy như hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không mà chúng sanh không biết, không thấy, không hiểu, ta đem nghĩa lý các pháp như hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không với đại thế nguyện trang nghiêm, được trí Nhất thiết chủng, vì chúng sanh nói pháp ấy, khiến được giải thoát, được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu bồ đề, Bồ tát từ khi mới phát tâm lại đây nghe pháp như vậy nên kiên cố tâm mình, không động không chuyển. Bồ tát đem tâm kiên cố, tâm không động không chuyển ấy tu sáu Ba la mật sẽ vào Bồ tát vị.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vì không động chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển, động chuyển cũng gọi là chẳng thoái chuyển?

Phật dạy: Không động chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển, động chuyển nên cũng gọi là chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, tại sao không động chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển, động chuyển nên cũng gọi là chẳng thoái chuyển.

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát đối với Thanh văn, Bích chi Phật địa không động chuyển nên gọi chẳng động chuyển. Nếu Bồ tát đối với Thanh văn, Bích chi Phật địa động chuyển nên cũng gọi là chẳng thoái chuyển. Tu bồ đề do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là tướng của Bồ tát chẳng thoái chuyển. Do hành, loại tướng mạo ấy nên ác ma không thể phá hoại tâm Bồ tát, khiến lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển, nếu muốn vào Sơ thiên, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiên cho đến diệt thọ tưởng định liền được vào.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển, nếu muốn tu bốn niệm xứ, cho đến tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác, tam muội cho đến năm thần thông liền tu được. Bồ tát ấy tuy tu bốn niệm xứ cho đến năm thần thông, nhưng không thọ quả bốn niệm xứ; tuy tu các thiền, không thọ quả các thiền, cho đến không thọ quả diệt thọ tưởng định, không chứng quả Tu đà hoàn cho đến không chứng đạo Bích chi Phật. Bồ tát ấy cố vì chúng sanh mà thọ thân, theo chỗ thích ứng mà làm lợi ích cho họ. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy thường nhớ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa tâm Nhất thiết trí nên không quý sắc, không quý tướng, không quý Thanh văn, Bích chi Phật, không quý Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; không quý bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, không quý bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần; không quý mười trí lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật, không quý sự nghiêm tịnh cõi Phật, không quý sự thành tựu tuệ giác cho chúng sanh; không quý việc thấy Phật, không quý việc gieo trồng thiện căn, vì sao? Vì hết thấy pháp tự tướng không, không thấy pháp gì có thể sanh tâm quý, vì sao? Vì hết thấy pháp cùng với hư không, không có gì của chính nó, tự tướng không. Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển thành tựu tâm ấy đối với bốn oai nghi của thân ra vào, đến đi, ngồi nằm, đi ở, nhất tâm không loạn. Nay tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển nếu ở nhà dùng sức phụng dưỡng vì lợi ích cho chúng sanh nên thọ năm dục, bố thí cho chúng sanh, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, áo chăn đồ nằm cho đến đồ cần để nuôi sống đều cấp cho cả. Bồ tát ấy tự mình tu Thí ba la mật, dạy người tu thí, tán thán việc tu thí, hoan hỷ tán thán người tu Thí ba la mật, tu Giới ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển khi ở nhà có thể đem trân bảo đầy cõi Diêm phù đề thí cho chúng sanh, cho đến đem trân bảo đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới thí cho chúng sanh; cũng không tự vì tu phạm hạnh, không lấn ép khảo đánh người khác khiến họ ưu não. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, chẳng thoái chuyển là vị thần cảm kim cương thường theo dõi Bồ tát nguyện rằng: Bồ tát ấy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta thường theo dõi, cho đến vị thần ngũ tánh cảm kim cương thường theo thủ hộ. Vì thế nên hoặc trời hoặc ma, hoặc phạm, hoặc các kẻ có sức lớn ở thế giới khác, không thể phá hoại tâm Nhất thiết trí của Bồ tát ấy, cho đến khi Bồ tát ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu bồ đề, ấy gọi là tướng chẳng thoái chuyển của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát thường đầy đủ năm căn là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, ấy gọi là tướng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển là bậc thượng hơn, chẳng phải hạ hơn.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn, Thế nào là thượng nhơn?

Phật bảo tu bồ đề: Nếu Bồ tát nhất tâm tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tâm không tán loạn, ấy gọi là thượng nhơn. Do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là tướng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển nhất tâm thường niệm Phật đạo; không làm chú thuật, hoà hợp thuốc thang, không chú thuật quỷ thần khiến nhập vào trai gái để hỏi việc lành dữ, trai gái, bổng lộc, thọ mệnh dài ngắn, vì sao? Vì Bồ tát ấy biết các pháp ấy tự tướng không, vì không thấy tướng các pháp nên không làm việc nuôi sống một cách tà vạy, mà làm việc nuôi sống một cách thanh tịnh. Nay, Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy gọi là tướng của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

LUẬN: Lại có tướng của Bồ tát chẳng thoái chuyển là nếu ác ma nghĩ rằng:: Nhất thiết trí với hư không bình đẳng. Nhất thiết trí có các danh tự hoặc gọi Nhất thiết trí, hoặc gọi Nhất thiết chủng trí, hoặc gọi Vô thượng đạo, hoặc gọi Vô lượng Phật pháp, hoặc gọi Bồ đề, đều là danh tự của Nhất thiết trí. Trong đây nói Nhất thiết trí nên biết là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hết thầy Bồ tát đều nguyện muốn được Nhất thiết trí, ma đi đến muốn phá hoại nói rằng:"Nhất thiết trí ấy trống không, không có gì của chính nó, chỉ các sự dối người vậy thôi, như hư không không có gì của chính nó, không sắc, không hình, không thể biết, Nhất thiết trí cũng như vậy. Thế nên nói cùng với hư không bình đẳng. Các pháp là các pháp trợ đạo giúp đưa đến trí Nhất thiết chủng như sáu Ba la mật v.v... pháp ấy cũng không. Trí Bát nhã không, không có tướng gì của chính nó, các pháp chỉ có danh tự, không có thật sự. Ở trong đó không có người được Nhất thiết trí, không có đi đến Nhất thiết trí, không có trợ đạo. Người chỉ luống chịu cay đắng. thầy người thường dạy người xa lìa ma sự, nhưng Nhất thiết trí chính là Ma sự, vì sao? Vì bỏ Niết bàn mà thủ lấy sanh tử. Các kinh người nghe trước đó hoặc nghĩa lý về sáu Ba la mật, đều chẳng phải Phật pháp, đều do người tạo ra, nay người hối hận gấp, bỏ tà tâm ấy; nếu không bỏ, suốt ngày đêm chịu khổ trong ba đường ác".

Bồ tát chẳng thoái chuyển nghe việc ấy liền giác tri Ma sự, Ma hủy báng Nhất thiết trí, muốn khiến ta xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì hết thầy pháp tuy không, không có gì của chính nó nhưng vì chúng sanh phàm phu, điên đảo che tâm nên không biết, không thấy, ta sẽ lấy "tự tướng không" làm trang nghiêm được Nhất thiết trí, vì chúng sanh nói pháp. Nếu hết thầy pháp không mà ta lấy thật hữu làm trang nghiêm là không tương ứng, nếu các pháp

không, trang nghiêm cũng không ấy là tương xứng; vì chúng sanh thuyết pháp cũng như vậy. Khiến chúng sanh được quả Tu đà hoàn; quả Tu đà hoàn có hai: 1. Là pháp vô vi dứt ba kiết sử; 2. Là quả Tu đà hoàn hữu vi tương ứng với không, vô tướng, vô tác tam muội. hai thứ ấy đều không: Trong pháp hữu vi do ba môn giải thoát nên không; trong pháp vô vi do không có tướng sanh, trụ, diệt nên không; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy. Bồ tát chẳng thoái chuyển, từ khi mới phát tâm trở đi, nghe pháp ấy kiên cố tâm mình không động, không chuyển. Mũi tên phiến não không vào được nên gọi là kiên cố; ngoại đạo ác Ma không lay chuyển được nên gọi là không động; không thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là không chuyển. Bồ tát đem ba tâm như vậy tu sáu Ba la mật vào Bồ tát vị. Nghĩa chữ Bồ tát vị như trước đã nói. Vào Bồ tát vị gọi là chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề hỏi: Không chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển, sao chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển?

Phật đáp: Phật đáp bằng hai cách bằng lấy hai đế là Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế. Nếu Bồ tát vào Bồ tát vị thời chuyển tâm Thanh văn, Bích chi Phật mà thẳng vào Bồ tát vị, ấy gọi là chuyển; không chuyển là vào đệ nhất nghĩa chẳng thoái chuyển. Trong các pháp "nhứt tướng" nghĩa là "vô tướng" còn không có định tướng Nhất thừa, hướng gì Tam thừa thời không có gì để chuyển. Vì không có gì để chuyển nên gọi là chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, chẳng thoái chuyển, tuy hành theo pháp cõi Dục để độ chúng sanh mà đối với thiên định thì ra vào tự tại; vì đối với thiên định tự tại nên nếu muốn giáo hóa người khác tu bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, ba môn giải thoát, năm thần thông đều được tự tại. Tuy vào thiên định mà tâm kia nhu nhuyễn, thanh tịnh nên không hưởng thọ cái phước sống lâu ở cõi trời, chỉ ở cõi Dục để giáo hóa, nên tuy tu bốn niệm xứ cũng không chứng quả Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật đạo. Bồ tát ấy xem xét mười phương quốc độ biết chỗ nào có thể làm lợi ích chúng sanh thời thọ thân sanh ở cõi ấy; như vậy gọi là tướng của chẳng thoái chuyển. Bồ tát ấy nhất tâm thâm niệm, thường không xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên chỉ quý Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không việc khác nghĩa là thân kim sắc đủ 32 tướng của Phật; vì không bỏ bản nguyện độ sanh nên không quý Thanh văn, Bích chi Phật đạo. Người ấy vì quý pháp rất ráo không vô sở đắc nên không quý việc bố thí, cho đến không quý việc gieo trồng căn lành, hưởng gì lợi dưỡng ngũ dục của thế gian, vì sao? Vì Bồ tát xem xét hết thấy pháp tự tướng không, không thấy có thật pháp nhất định có thể sanh tâm quý.

* Lại nữa, có người vì có chỗ tham quý nên tâm lay động không tự an, nếu được thời vui mừng, mất thời lo buồn; Bồ tát thời không quý gì, không tham gì nên đối với được mất tâm thanh tịnh không lay động. Thân hành, khẩu hành điều hòa không khác, nên bốn oai nghi nơi thân, nhất tâm thường nhớ không có trái lỗi.

* Lại nữa, vì thâm nhập Thiền ba la mật. nên bốn oai nghi nơi thân không có trái lỗi.

Hỏi: Trong kinh nói Bồ tát chẳng thoái chuyển có lực phương tiện, vì lợi ích chúng sanh nên hưởng thọ năm dục ấy là phương tiện gì?

Đáp: Thí như lấy kèm gấp lửa, tuy gấp mà không bị cháy tay. Năm dục lạc như lửa hay đốt cháy thiện căn của người. Bồ tát suy nghĩ ta xuất gia, chỉ có cái thân duy nhất làm sao dùng để bố thí, nhiếp hóa chúng sanh? chúng sanh cần nhiều ăn uống, y phục mà vật chu cấp của ta lại ít. Bồ tát vì nhiếp hóa chúng sanh nên sanh vào nhà giàu sang để bố thí cho chúng sanh tự do theo chỗ cần dùng của họ, chúng sanh xuất gia, tại gia đều được lợi ích. Thí như đại địa, nhân dân chim thú đều mong nhờ lợi nhuận. Khi ấy bốn cách tu sáu Ba la mật. Nếu xuất gia tán thán việc bố thí thì hoặc có người nói: Ông chỉ có một thân không có tài sản mà chỉ dạy người bố thí thời người ta không thể tin thọ; thế nên Bồ tát phương tiện làm người cư sĩ, đem tài sản làm sung mãn cho tất cả mà khuyên người bố thí, thời người ta tin thọ. Bồ tát hoặc làm Chuyển luân Thánh vương, trong khi khởi tâm nghĩ đến việc bố thí thời châu báu đầy cõi Diêm phù đề, như vua Đảnh sinh ở trong cung điện, khởi tâm muốn châu báu thời có châu báu đến bên đầu gối; hoặc làm Đế Thích, hoặc làm Phạm vương, mưa châu báu đầy ba ngàn thế giới cúng dường chư Phật sung mãn hết thảy. Vì nhiếp hóa chúng sanh nên không tự thọ hưởng. Người hưởng thụ năm dục thời tâm sanh kiêu mạn, lấn ép người khác. Bồ tát thường dứt tham dục, các phiền não mỏng, không sanh kiêu mạn; vì không sanh kiêu mạn, nên không lấn ép người khác, ấy là tướng của chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, nếu Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn vào Bồ tát vị, được thọ ký, tức thời thần kim cương theo dõi thủ hộ; khi thành Phật đạo thời hiện thân kia, khiến người trông thấy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hoặc người, hoặc phi nhân không thể phá hoại; người phá hoại là hoặc giết, hoặc trói, hoặc luận nghị hơn. Phi nhân phá hoại là làm cho bệnh, cuồng, hoặc cướp mạng, hoặc hiện thân hung dữ làm cho sợ hãi, hoặc biến làm thân Phật nói tà đạo. Những việc như vậy không thể chiết phục Bồ tát.

Hỏi: Nếu được thần kim cương thủ hộ thế là Bồ tát tự mình không có sức sao?

Đáp: Bồ tát tự mình cũng có sức, lại do công đức của Bồ tát nên hay khiến thần kim cương thủ hộ; vì thần kim cương thủ hộ nên tuy chưa được pháp thân mà công đức vẫn tăng thêm. Lại khiến thiên thần thấy thần kim cương hộ vệ nên càng thêm kính sợ. Bồ tát đầy đủ năm căn là nếu như người không có năm căn mắt, tai v.v... thời không khác gì cây đá; do lực năm căn nên hay thấy, hay nghe. Trong tâm Bồ tát không có năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ tức là phàm phu, không vào hàng Thánh.

Hỏi: Như kinh A tỳ đàm nói: Ai thành tựu năm căn là người không dứt thiện căn, có sao nay nói người không có năm căn tín, tấn v.v... tức là phàm phu?

Đáp: Chúng sanh không dứt thiện căn, tuy thành tựu năm căn nhưng không thể phát khởi tác dụng. Thí như trẻ nhỏ tuy có các phiền não, tham dục v.v... nhưng chưa thể phát sanh tác dụng, nên nói là không có. Năm căn, tín, tấn, niệm, định, tuệ cũng như vậy, chúng sanh tuy có mà không phát khởi tác dụng thế nên không kể. Năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ có hai loại: 1. là thuộc Thanh văn, Bích chi Phật; 2. Là thuộc Phật và Bồ tát. Năm căn thuộc Thanh văn, Bích chi Phật hay thâm tín Niết bàn, hay dùng trí tuệ biết thế gian vô thường, không, biết được Niết bàn tịch diệt; năm căn thuộc Bồ tát hay sanh tâm từ bi sâu xa đối với chúng sanh oán ghét, cũng hay quán thật tướng các pháp là vô sanh, vô diệt, tuy chưa được thành Phật cũng có thể tin thọ việc Phật. Lại do năm căn của Bồ tát nên hay thấy, hay nghe, hay biết lực thần thông của Phật, chẳng phải hàng Thanh văn, Bích chi Phật bắt kịp. Như trong kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát nói: Xá lợi phất, Mục liên, Tu bồ đề v.v... tuy ở hai bên Phật, song vì không có năm căn của Bồ tát nên không thấy Bồ tát đại hội và lực thần thông, cũng không nghe Phật nói lý bất khả tư nghì giải thoát. Thế nên nói, nếu Bồ tát đầy đủ năm căn tín, tấn v.v... thời gọi là chẳng thoái chuyển.

Hỏi: Trong các kinh khác nói: Người lành thời thân, khẩu, ý nghiệp không có dữ, biết ân, báo ân, hay vì chúng sanh nên từ bỏ cái vui của mình để an ổn cho chúng sanh, có làm việc lợi ích gì không cầu quả báo, như vậy là tướng của Thượng nhân. Vì sao chỉ nói có một việc tâm không tán loạn, tu vô thượng đạo gọi là Thượng nhân?

Đáp: Trong đây Phật tự lược nói chỉ một việc nhất tâm không tán loạn là thu nhiếp các pháp lành, vì sao? Vì quý trọng Phật đạo nên các phiền não bị bề mỏng, sanh từ tâm sâu xa đối với chúng sanh, tự đem thân mạng cấp thí hưởng

gì không biết ân, báo ân. Thường nhất tâm niệm tưởng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giữ giới thanh tịnh, nên không sống theo tà mạng là không làm chú thuật, hoà hợp thuốc thang. *Chú thuật* là có thể dấu thân khiến người khác không thấy, có thể biến người làm súc thú. *Hòa hợp thuốc thang* là dùng mỗi câu Tiên giảng và hoà hợp các thứ thuốc chữa bệnh để cầu tài danh cầu danh. *Chú quỷ* là có người muốn biết việc vị lai, phù chú ma quỷ khiến nhập vào con trai, con gái để hỏi việc lành dữ, sanh con trai hay con gái, thọ mạng dài ngắn giàu, vui, hơn, thua v.v... Nếu có làm là vì niếp hóa chúng sanh, phá tâm kiêu mạn của nó, không vì tài lợi danh vọng, vì sao? Vì người ấy biết hết thấy pháp tự tướng không; nên không thấy các pháp tướng là thân mình, vợ, con, nam nữ; vì không thấy tướng ấy nên không làm việc tà để nuôi sống.

(Hết cuốn 73 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 74

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, nay sẽ nói tiếp hành, loại, tướng mạo của Bồ tát chẳng thoái chuyển, hãy nhất tâm lắng nghe.

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát tu Bát nhã ba la mật thường không xa lìa tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên không nói đến năm uẩn, không nói đến mười hai nhập, không nói đến mười tám giới, vì có sao? Vì thường quán niệm năm uẩn tướng không, mười hai nhập, mười tám giới không, Bồ tát ấy không ưa nói việc quan, vì sao? Vì Bồ tát ấy an trú trong các pháp tướng không, không thấy pháp hoặc sanh hoặc hèn. Không ưa nói việc giặc giã, vì sao? Vì các pháp tự tướng không nên không thấy hoặc được, hoặc mất. Không ưa nói việc quân binh, vì sao? Vì các pháp tự tướng không, nên không thấy hoặc nhiều, hoặc ít. Không ưa nói việc đấu tranh, vì sao? Vì Bồ tát ấy an trú trong các pháp "như" nên không thấy pháp hoặc ghét hoặc yêu. Không ưa nói việc phụ nữ, vì sao? Vì an trú trong các pháp không, không thấy hoặc đẹp hoặc xấu. không ưa nói việc xóm làng, vì sao? Vì các pháp tự tướng không, nên không thấy pháp hoặc khởi, hoặc tán. Không ưa nói việc thành ấp, vì sao? Vì an trú trong các pháp thực tế, không thấy có hơn có thua. Không ưa nói việc nước, vì sao? Vì an trú trong thực tế, không thấy pháp có sở thuộc, không sở thuộc. Không ưa nói việc ta, vì sao? Vì an trú trong pháp tánh, không thấy pháp là ta, là không ta, cho đến không thấy kẻ biết kẻ thấy. Như vậy, không nói đến các việc thế gian, chỉ ưa nói Bát nhã ba la mật, không xa lìa tâm Nhất thiết trí. Nếu khi tu Thí ba la mật chẳng làm việc xan tham; khi tu Giới ba la mật chẳng làm việc phá giới; khi tu Nhẫn ba la mật chẳng làm việc sân hận đấu tranh; khi tu Tấn ba la mật chẳng làm việc giải đãi; khi tu Thiền ba la mật chẳng làm việc tán loạn; khi tu Bát nhã ba la mật chẳng làm việc ngu si. Bồ tát tuy tu hết thấy pháp không mà vui pháp, yêu pháp. Bồ tát tuy tu pháp tánh, thường tán thán pháp bất hoại mà vui thích thiện tri thức là chư Phật và Bồ tát, Thanh văn, Bích chi Phật, những vị hay giáo hóa khiến vui thích an trú Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy thường nguyện muốn thấy chư Phật, nghe quốc độ nào có Phật hiện tại thì theo nguyện sanh đến đó; tâm như vậy thường hành ngày đêm đó là tâm niệm Phật. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển tu Sơ thiền cho đến phi hữu tướng phi vô tướng xứ, nhờ sức phương tiện, nên muốn khởi tâm cõi Dục, nếu gặp chúng sanh hay tu mười thiện đạo, và chỗ hiện tại có Phật thời sanh đến trong đó. Có hành, loại, tướng mạo như vậy, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển, khi tu Bát nhã ba la mật an trú nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; an trú bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác; ở trong tự địa mỗi mỗi biết rõ, không nghi ta là chẳng thoái chuyển hay chẳng phải chẳng thoái chuyển, vì có sao? Cho đến không thấy mảy may pháp hoặc chuyển hoặc không chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người được quả Tu đà hoàn, an trú trong Tu đà hoàn địa mỗi mỗi tự biết rõ, trọn không nghi, không hỏi; Bồ tát chẳng thoái chuyển cũng như vậy, an trú trong địa vị chẳng thoái chuyển trọn không nghi. An trú trong địa vị ấy làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, các ma sự khởi lên tức thời biết rõ không theo ma sự, mà phá hoại ma sự. Thí như người tạo tội ngũ nghịch, cái tâm tạo tội ngũ nghịch cho đến khi chết thường theo dõi không rời, tuy có tâm khác cũng không thể làm ngăn cách. Bồ tát chẳng thoái chuyển cũng như vậy, tự an trú ở địa vị mình, tâm thường bất động hết thảy thế gian người, trời, a tu la không thể động chuyển, vì có sao? Vì Bồ tát ấy đã vượt khỏi hết thảy thế gian, người, trời, a tu la mà vào trong ngôi vị chánh pháp, an trú trong địa vị tự chứng; đầy đủ các thần thông của Bồ tát hay nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, ở chỗ mười phương Phật gieo trồng căn lành, thân cận hỏi han chư Phật. Bồ tát an trụ như vậy, các ma sự khởi lên liền biết mà không theo; lấy lực phương tiện đặt ma sự vào trong thực tế, trong địa vị tự chứng, không nghi, không hỏi, vì có sao? Vì trong thực tế không có tướng nghi, nên biết thực tế ấy chẳng phải một chẳng phải hai. Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát cho đến khi chuyển thân, trọn không hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật địa. Bồ tát ấy đối với các pháp tự tướng không, không thấy pháp hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc như, hoặc sạch. Tu bồ đề, Bồ tát ấy cho đến khi chuyển thân cũng không nghi ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hoặc chẳng được, vì có sao? Vì các pháp tự tướng không tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề, Bồ tát ấy an trú trong địa vị tự chứng, không nghe theo lời người khác, không ai phá hoại được, vì có sao? Vì Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy thành tựu trí tuệ bất động. Tu bồ đề. do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát ấy nếu có ác Ma hiện làm thân Phật đi đến nói với Bồ tát rằng: "Nay ở đây người có thể thủ chứng A la hán đạo, chứ người không có được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chưa được vô sanh pháp nhẫn, người cũng có các hành, loại, tướng mạo chẳng thoái chuyển, cũng không có tướng được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Tu bồ đề, nếu Bồ tát nghe lời nói ấy tâm không đổi khác, không biến mất, không khinh, không sợ; Bồ

tát ấy nên tự biết ta chắc chắn theo chư Phật được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì có sao? Vì các Bồ tát do các pháp ấy mà được thọ ký, ta cũng có pháp ấy được thọ ký. Nay Tu bồ đề, hoặc ma, hoặc kẻ bị ma sai khiến hiện làm thân Phật đi đến, thọ ký Thanh văn, Bích chi Phật cho Bồ tát, Bồ tát ấy nghĩ rằng: Đó là ác ma hoặc kẻ bị ma sai khiến hiện làm thân Phật đi đến chứ chư Phật thời không lẽ nào dạy Bồ tát xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dạy an trú vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo. Nay Tu bồ đề, do các hành, loại, tướng mạo ấy, nên biết ấy là tướng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Ác ma lại hiện làm thân Phật đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: "Kinh điển của người học, chẳng phải do Phật nói, cũng chẳng phải do Thanh văn nói mà là ma nói". Nay Tu bồ đề, Bồ tát nên biết rằng: Đó là ác ma, hoặc ma sai khiến, dạy ta xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu bồ đề, nên biết Bồ tát ấy đã được Phật quá khứ thọ ký an trú địa vị chẳng thoái chuyển, vì có sao? Vì các Bồ tát kia đã có các hành, loại, tướng mạo chẳng thoái chuyển. Bồ tát này cũng có hành, loại, tướng mạo ấy, đó gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển khi tu Bát nhã ba la mật. Vì hộ trì các pháp, nên không tiếc thân mạng hưởng gì vật khác. Bồ tát hộ trì pháp nghĩ rằng: Ta không vì hộ trì pháp của một đức Phật, ta vì hộ trì pháp của mười phương ba đời các đức Phật. nay Tu bồ đề, thế nào là Bồ tát hộ trì Phật pháp, nên không tiếc thân mạng? Tu bồ đề, như Phật nói hết thấy các pháp chơn không, khi ấy có người ngu si phá hoại không tin thọ, nói rằng: Đó là chẳng phải pháp, chẳng phải lành, chẳng phải Thế Tôn dạy. Tu bồ đề, Bồ tát vì hộ trì pháp như vậy nên không tiếc thân mạng. Bồ tát cũng nên nghĩ rằng: Chư Phật đời vị lai, ta cũng ở trong số ấy được thọ ký, pháp ấy cũng là pháp của ta, thế nên không tiếc thân mạng. Tu bồ đề, Bồ tát thấy được sự lợi ích ấy, nên hộ trì pháp không tiếc thân mạng. Tu bồ đề, do hành, loại, tướng mạo ấy nên biết đó là tướng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề, Bồ tát chẳng thoái chuyển nghe Phật thuyết pháp, chẳng nghi, chẳng hối, nghe xong thọ trì trọn không quên mất, vì có sao? Vì được Đà la ni.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, được Đà la ni gì mà nghe Phật thuyết kinh pháp không bị quên mất?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ấy được Đà la ni văn trì nên nghe Phật nói kinh pháp, không quên, không mất, không nghi, không hối.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, chỉ có nghe Phật thuyết pháp, không quên, không mất, không nghi, không hối hay là nghe Thanh văn, Bích chi Phật nói, nghe Thiên long, Quỷ thần, A tu la, Khẩn na la, Ma hầu la già nói, cũng không quên, không mất, không nghi, không hối?

Phật bảo Tu bồ đề: Có các việc nói năng gì vị Bồ tát được Đà la ni nghe xong đều không quên, không mất, không nghi, không hối. Tu bồ đề, thành tựu các hành, loại, tướng mạo như vậy, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

LUẬN: Phật lại muốn nói kỹ càng về tướng chẳng thoái chuyển, nên bảo Tu bồ đề nhất tâm lắng nghe. Bồ tát thường không xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ưa tu rất ráo không, nên không ưa phân biệt tướng quyết định của năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, lại không ưa nói việc quốc vương v.v... như các ngoại đạo, hưởng thọ người khác cúng dường, vì không có chánh đạo, hư dối, nhiễm đắm, tâm muốn giải sầu, nên luận bàn quốc sự, phân biệt cái vui thế lực của các quốc vương thời quá khứ; còn vị Bồ tát chẳng thoái chuyển không bàn luận các việc ấy, vì thấy hết thấy thế gian thường bị lừa vô thường thiêu đốt, chúng sanh đáng thương, ta chưa thành Phật đạo, ta chỉ nên nói pháp độ chúng sanh, không nên nói việc khác. Vì hết thấy pháp rất ráo không, nên tướng lớn nhỏ không thể thủ đắc, việc giặc, việc binh cũng như vậy. Rất ráo không tức là như như, pháp tánh, thật tế. Tu sáu Ba la mật, không nói đến sáu tộ. Bồ tát tuy an trú trong hết thấy pháp không mà vẫn vui pháp, yêu pháp, vì có sao? Vì Bồ tát không đắm trước hết thấy pháp không ấy. Lại tu pháp thứ lớp từ, thiền định, trí tuệ v.v... vậy sau mới chứng được hết thấy pháp không; pháp không ấy không thể miệng nói mà tâm đắm trước được, thế nên trước tu pháp tu thứ lớp.

* Lại nữa, trong pháp tánh không phân biệt các pháp, vì pháp tánh chẳng phải tướng phá hoại; Bồ tát không đắm trước pháp tánh, thương xót chúng sanh vì họ mà phân biệt pháp thiện, bất thiện, khiến họ được hiểu. Tuy vì chúng sanh nói như vậy cũng thường tán thán pháp không phá hoại, dẫn dắt chúng sanh vào trong pháp tánh.

* Lại nữa, Bồ tát chẳng thoái chuyển lại không có người thân thiện, chỉ lấy chư Phật và đại Bồ tát cùng những người hay tán thán các pháp thực tướng làm thân thiện. Công đức và trí tuệ của Bồ tát ấy rất lớn, nên tùy ý đi đến, nếu muốn đến

các cõi Phật thời tùy ý sanh đến. Bồ tát ấy tuy lìa dục được thiên định, do sức phương tiện nên vì chúng sanh mà sanh đến cõi Dục nơi có Phật hiện tại. Sanh vào cõi Dục là vì chúng sanh mà lưu lại một phần ái và mạn, chứ không vì quả báo thiên định mà sanh cõi Sắc và cõi Vô sắc; chỉ lấy thiên định làm nhu hòa tâm mình mà không thọ quả báo thiên định.

* Lại nữa, Bồ tát ấy, an trú trong nội không v.v... an trú nghĩa là thâm nhập thông suốt, tâm không vướng mắc, nên không sanh nghi: Ta la chẳng thoái chuyển hay chẳng phải chẳng thoái chuyển, tự tâm thâm nhập trí tuệ ấy gọi là tự *địa chứng*. Lại Bồ tát ấy không thấy hết thấy pháp hoặc chuyển hoặc không chuyển thế nên không sanh nghi. Nghi là thủ tướng có sở đắc, như người đi đêm thấy cây trụ nghĩ rằng hình người ta cũng vậy, liền sanh tâm nghi, hoặc chấp hai thủ tướng ấy nên gọi là nghi. Bồ tát tu vô tướng tam muội nên đối với hết thấy pháp không thủ tướng, thời không có chỗ để sanh nghi. Trong đây Phật nói thí dụ: Như Tu đà hoàn từ vô thi lại chưa được trí tuệ vô lậu, do dứt ba kiết, nên liền tự mình biết được pháp vô lậu đối với tứ đế, tâm quyết định không nghi hoặc khổ hoặc vui; bậc chẳng thoái chuyển cũng như vậy, từ vô thi lại chưa được thật tướng các pháp là địa vị chẳng thoái chuyển, đến khi được cũng không sanh nghi. Các người sanh nghi là thấy việc trái ngược, không giống như điều đã được nghe; Bồ tát đối với hết thấy pháp rõ ràng không, chẳng thấy việc không giống như pháp đã được nghe, nghi không có chỗ trú nên không nghi. Tự biết đó là đạo rất rõ ràng không thể bàn luận, không thể phá hoại. An trú trong địa vị ấy mà giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, cũng có thể dùng sức phương tiện phá các ma sự. Pháp chẳng thoái chuyển ấy thường dõ theo Bồ tát cho đến khi thành Phật. Trong đây, Phật nói hai thí dụ: 1. Là Tu đà hoàn; 2. Năm tội nghịch. Hai tâm ấy sâu nặng nên không thể trừ bỏ: Tâm tu đà hoàn thường không thể từ bỏ; tâm tạo năm tội nghịch khi tội hết mới trừ. Như người vận suy, quý thường theo dõ, tâm chẳng thoái chuyển theo dõ Bồ tát còn quá hơn thế. Tâm chẳng thoái chuyển, không ai có thể làm chuyển động được; các việc khổ bức bách không thể chuyển động; các sự cúng dường lợi dưỡng cũng không thể làm cho bỏ tâm ngộ thật tướng và tâm từ bi.

Từ trước lại đây nói về tướng mạo của tâm chẳng thoái chuyển, nay nói việc nó làm là giáo hóa chúng sanh, là nghiêm tịnh cõi Phật, từ chỗ các đức Phật gieo trồng căn lành, từ một đức Phật hỏi han pháp thâm yếu của chư Phật và các pháp môn độ sanh, mười phương các ma sự dấy lên mà không theo, do sức phương tiện xem xét ma sự ấy; đúng như Phật pháp xem xét các thân Ma như Phật không khác, vì có sao? Vì hết thấy pháp và thật tế đồng một tướng, nghĩa

là vô tướng. Bồ tát khi chuyển thân cũng không hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật địa, vì sao? Vì Bồ tát khi được địa vị chẳng thoái chuyển biết hết thấy pháp thật tướng không, khi chuyển thân, tâm cũng không hướng vào Nhị địa, tâm không nghi hoặc được vô thượng đạo, hoặc không được. Bồ tát ấy đời đời không có ai hàng phục, phá hoại được.

Phật vì thí nghiệm Bồ tát ấy, nên nêu thí dụ: Nếu ma hiện làm thân Phật đi đến muốn dối trá thử Bồ tát ấy mà nói rằng: "Người có thể thủ chứng A la hán trong đời nay, chứ người không có tướng chẳng thoái chuyển có thể được Phật đạo; vô sanh pháp nhãn tức là hết thấy pháp, trong đó làm sao có thể nhãn được". Nếu Bồ tát nghe lời ấy tâm không thối mất, Bồ tát ấy tự biết chắc chắn được thọ ký từ chư Phật, vì sao? Vì ta có vô sanh pháp nhãn nghe, ma sợ mà không sợ hãi.

* Lại nữa, ác ma biết Bồ tát ấy hoan hỷ liền cho thọ ký Thanh văn, Bích chi Phật đạo, hoặc đời nay được quả A la hán, đời sau được Bích chi Phật đạo; nếu Bồ tát không nghe theo lời ma biến hóa thân Phật ấy, biết đó là ma hoặc ma sai khiến, vì có sao? Vì thân Phật mà lời nói ma, như thử tiền vàng gõ ra tiếng thời biết đó là thật hay giả. Nếu Phật thọ ký cho Bồ tát quả vị Thanh văn, Bích chi Phật thời trọn không có lẽ đó, vì có sao? Vì Phật dùng các phương tiện đều muốn khiến cho mọi người vào Phật đạo chứ làm sao lại dắt Bồ tát đi đến Thanh văn.

* Lại nữa, ma lại hóa làm thân Phật nói với Bồ tát rằng: "Kinh sách của người hành trì đều là ma nói". Bồ tát ấy biết đó là ma sợ, nên biết Bồ tát ấy đã được Phật thọ ký an trú trong tánh chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Bồ tát chẳng thoái chuyển rất ưa vui pháp, nên nghe pháp thời tâm liền mê say, toàn thân lông dựng ngược. Nghĩ đến tâm đại bi của Phật thời buồn vui rơi nước mắt, hoặc đối với pháp thậm thâm sanh tâm vui mừng, nên biết ấy là tướng của tâm chẳng thoái chuyển. Thí như quân binh lớn bị thối bại, thời sợ hãi sầu muộn, ngã xuống đất giống như chết, bà con trông thấy, muốn biết rõ sống chết, lấy gậy đánh vào, nếu thấy có lằn nổi lên thời biết chắc còn sống. Bồ tát cũng như vậy, đều mang thân xác thịt, có sao biết chắc chắn có thể thành Phật? Nếu nghe Phật pháp mà trong thân có tướng hiện ra, lông trên thân dựng đứng, nhan sắc khác thường, còn người khác nghe pháp không nhập tâm, thời không có tướng dị thường, giống như người chết đánh không nổi lằn. Bồ tát rất ưa pháp nên có thể xả thân vì pháp, hoặc Phật, hoặc đệ tử Phật ở giữa đại hội nói các pháp rốt ráo không, có một người cuồng chấp lấy tướng âm thanh, danh

tự, đấm trước rất ráo không, đưa ra những điều sai quấy rằng: nếu các pháp rất ráo không, thời không có Phật, không có pháp, không có nghiệp tội phước, cũng không có tu hành tinh tấn đắc đạo chứng quả, như vậy đưa ra vô lượng sai quấy. Vì Bồ tát chẳng thoái chuyển quán sát, so lường biết người nào thuyết pháp có tâm không nhiễm trước, theo lời Phật thương xót chúng sanh nên nói; và biết người nào cuồng si đấm trước tướng ngôn ngữ, phá hoại rất ráo không nên nói.

Bấy giờ Bồ tát chẳng thoái chuyển thà chết, hỗ trợ nói rằng: Đó là người cuồng, là người tà kiến, tự chìm vào tà kiến cũng dạy nhiều người rơi vào tà kiến hoại diệt Phật pháp. Ôm lòng sân hận quá sâu nên hoặc tự giết, hoặc bảo đệ tử giết. Bấy giờ Bồ tát nếu chết đã đến bên mình, mà vì bảo trợ pháp, nên không vì sợ hãi mà hủy hoại pháp tánh. Trong đây Phật nói nhân duyên: Bồ tát nghĩ rằng: Phật đời vị lai, ta cũng ở trong số ấy, pháp ấy cũng là pháp của ta, vì là pháp của ta nên không tiếc thân mạng để thủ hộ. Lại suy nghĩ rằng: Ta trong vô lượng đời vì phiền não tà kiến nên mất mạng nhiều vô số. Nay vì phát khởi tâm hỗ trợ pháp của chư Phật trong ba đời mười phương, hoặc có ích mà chết còn hơn vô ích mà sống. Tâm vì pháp như vậy nên không tiếc thân mạng.

* Lại nữa, Bồ tát chưa thành Phật đạo, theo Phật nghe pháp thậm thâm, lãnh thọ được hết, không mất tín lực nên có thể thọ trì, có lực văn trì Đà la ni nên không quên mất, có lực đoan nghi Đà la ni nên không nghi.

Tu bồ đề hỏi: Chỉ nghe lời Phật, tin tưởng ghi nhớ không nghi, nghe lời người khác cũng như vậy chăng?

Phật dạy: Hết thầy lời ai nói đều có thể ghi nhớ, hoặc hàng Nhị thừa, trời, rồng v.v... nói có đạo lý thời có thể tin tưởng, ghi nhớ, không nghi; không có đạo lý thời ghi nhớ, không nghi mà không tin.

* Lại nữa, có người nói: Tín là tà pháp, không nghi điều bất thiện là thiện. Có người nói hàng chư thiên, rồng, nhị thừa nói, đều là Phật pháp, do tướng chẳng thoái chuyển ấy nên nghe thời ghi nhớ, không nghi, không hối. Bồ tát ấy tuy chưa làm Phật, nhưng đối với thật tướng các pháp hoàn toàn không có nghi. Do hành, loại, tướng mạo như vậy, ấy gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Hỏi: Được việc gì từ đó trở đi gọi là chẳng thoái chuyển?

Đáp: trong luận A tỳ đàm Tỳ ba sa nói: Quá ba a tăng kỳ kiếp về sau, gieo trồng nhân duyên về ba mươi hai tướng, từ đó trở đi gọi là chẳng thoái chuyển. Trong

luyện Tỳ ni a ba đà na nói: Từ khi gặp Phật Nhiên Đăng, lấy năm cành hoa cúng Phật, lấy tóc trải trên đất để Phật đi qua, Phật thọ ký cho chẳng thoái chuyển, bay lên giữ hư không, dùng kệ tán Phật, từ đó trở đi gọi là chẳng thoái chuyển. Trong Bát nhã ba la mật này nếu Bồ tát đầy đủ tu sáu Ba la mật được trí tuệ phương tiện không đấm trước Ba la mật rốt ráo không, quán sát hết thấy pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhớ, chẳng sạch, chẳng đến, chẳng đi, chẳng một, chẳng khác, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải có, chẳng phải không, vô lượng hai pháp đối đãi nhau như vậy, do trí tuệ quán sát phá hết thấy tướng vô thường, sanh diệt v.v... Trước tiên hơn nơi vô thường v.v... phá điên đảo chấp thường v.v... nay cũng bỏ luôn cách quán chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn v.v...; đối với chẳng sanh chẳng diệt cũng không đấm trước, cũng không rơi vào cái không, không có gì của chính nó; cũng biết đó là tướng chẳng sanh chẳng diệt, chẳng được không đấm trước, nên cũng tin dùng pháp chẳng sanh, chẳng diệt ấy, đối với trí tuệ chơn thật của chư Phật có tín lực nên thông suốt vô ngại, ấy gọi là Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, gọi là chẳng thoái chuyển. Bồ tát ấy tuy từ khi mới phát tâm lại đây, gọi là chẳng thoái chuyển, nhưng tướng chẳng thoái chuyển chưa đầy đủ nên không được Phật thọ ký cho, vì sao? Vì ngoại đạo, Thánh hơn, chư Thiên, tiểu Bồ tát nghĩ rằng: Phật thấy người ấy có được những việc gì mà thọ ký cho? Người ấy chưa đủ nhân duyên an trú trong Phật đạo vì sao thọ ký cho; thế nên Phật chưa thọ ký cho. Bồ tát có hai hạng: 1. Là mang thân xác thịt còn sanh tử. 2. Là thân pháp tánh sanh. Được vô sanh pháp nhẫn, dứt các phiền não, sau khi bỏ thân xác thịt được thân pháp tánh sanh. Bồ tát thân xác thịt chẳng thoái chuyển cũng có hai hạng: Có hạng ở trước Phật được thọ ký; có hạng không ở trước Phật được thọ ký. Nếu gặp lúc Phật không ở đời, được vô sanh pháp nhẫn, hạng ấy không ở trước Phật được thọ ký.

Hỏi: Nếu như vậy có người đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, tùy thuận nghĩa lý vô sanh pháp nhẫn, người ấy chưa được thiền định, hoặc sanh tâm nghi, hoặc bị tâm chấp trước lôi kéo, hạng người như thế là Bồ tát gì? Là Bồ tát chẳng thoái chuyển chăng?

Đáp: Người ấy không gọi là Bồ tát chẳng thoái chuyển. Bồ tát chẳng thoái chuyển đối với Phật pháp thậm thâm còn không nghi hướng gì đối với pháp môn ban đầu là vô sanh nhẫn. Người chưa được chẳng thoái chuyển có hai hạng: 1. là có lòng tin ít mà nghi ngờ nhiều. 2. là nghi ngờ ít mà lòng tin nhiều. Tin ít nghi nhiều là hơn chút ít đối với người đọc tụng Kinh; tin nhiều nghi ít là nếu được thiền định tức thời được "nhu thuận nhẫn", vì chưa dứt tâm ái trước pháp nên

hoặc sanh tâm ái trước, hoặc bị lui mất. Người ấy nếu thường tu tập nhu thuận nhãn ấy, nhu thuận nhãn tăng trưởng nên dứt tâm ái trước pháp, được vô sanh nhãn, vào Bồ tát vị. Lược nói nghĩa tướng chẳng thoái chuyển đã xong.

GIẢI THÍCH: PHẨM THÂM ÁO THỨ 57.

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Đăng Chú Thâm Áo)

(Kinh Đại Bát Nhã phần 2 ghi: Phẩm Thâm Thâm Nghĩa Thứ 55)

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy thành tựu công đức lớn, thành tựu vô lượng công đức, vô biên công đức. Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Bồ tát chẳng thoái chuyển thành tựu công đức lớn thành tựu vô lượng vô biên công đức, vì sao? Vị Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy được vô lượng, vô biên trí tuệ không chung cùng với hết thảy Thanh văn, Bích chi Phật. Vị Bồ tát chẳng thoái chuyển an trú trong trí tuệ ấy nên sanh bốn trí vô ngại, được bốn trí vô ngại ấy nên hết thảy thế gian người trời không thể biết cùng tận.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Phật hay do nhiều kiếp như cát sông Hằng, tán thán các hành, loại, tướng mạo của Bồ tát chẳng thoái chuyển. Bạch đức Thế Tôn, có chỗ thâm áo gì Bồ tát chẳng thoái chuyển an trú trong ấy mà khi tu sáu Ba la mật lại đầy đủ bốn niệm xứ, cho đến đầy đủ trí Nhất thiết chủng?

Phật khen Tu bồ đề rằng: Lành thay, lành thay! Tu bồ đề, ông vì hàng Bồ tát chẳng thoái chuyển hỏi chỗ thâm áo ấy. Nay Tu bồ đề, chỗ thâm áo nghĩa nó là không, vô tướng, vô tác, không khởi, không sanh, không nhiễm, xa lìa, tịch diệt, như, pháp tánh, thật tế, Niết bàn. Những pháp như vậy là nghĩa thâm áo.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, chỉ có "không" cho đến Niết bàn là thâm áo, sắc cũng là thâm áo; thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo; mắt cho đến ý cũng thâm áo, chẳng phải hết thảy pháp thâm áo ư?

Phật dạy: Hết thảy pháp cũng là thâm áo, sắc cũng là thâm áo, thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo; mắt cho đến ý cũng thâm áo; sắc cho đến pháp, nhãn giới cho đến ý thức giới, thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng thâm áo.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là sắc thâm áo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng thâm áo? Phật dạy: Vì sắc "như" thâm áo nên sắc thâm áo; vì thọ, tưởng, hành, thức "như" cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như" thâm áo nên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thâm áo.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào là sắc "như" thâm áo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như" thâm áo.

Này Tu bồ đề, Sắc "như" chẳng phải là sắc; chẳng phải là sắc, cho đến thức "như" chẳng phải là thức, chẳng phải là thức; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác "như" chẳng phải là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu thay, bạch đức Thế Tôn, do lực phương tiện vi diệu nên làm cho Bồ tát chẳng thoái chuyển, lìa sắc an trú Niết bàn, lìa thọ, tưởng, hành, thức an trú Niết bàn, lìa hết thủy pháp, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu mà an trú Niết bàn.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, Phật do lực phương tiện vi diệu, nên làm cho Bồ tát chẳng thoái chuyển, lìa sắc an trú Niết bàn, cho đến lìa hữu lậu, vô lậu pháp mà an trú Niết bàn. Này Tu bồ đề, nếu Bồ tát quán sát, so lường, tư duy pháp thậm thâm tương ứng với Bát nhã ba la mật như vậy mà nghĩ rằng: Ta nên tu như vậy, như trong Bát nhã ba la mật dạy, ta nên tập như vậy như trong Bát nhã ba la mật nói. Tu bồ đề, nếu Bồ tát làm được như kinh nói, học được như kinh nói, như trong Bát nhã ba la mật mà quán sát, tinh tấn đầy đủ, khi một niệm sanh ra sẽ được vô lượng, vô biên, vô số phước đức, Bồ tát ấy vượt qua vô lượng kiếp được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; huống gì thường tu Bát nhã ba la mật ứng hợp với tâm niệm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như người nhiều dâm dục, ước hẹn với người nữ đoan chánh, thanh khiết, người nữ ấy bị trở ngại không đến đúng kỳ hẹn. Ý Tu bồ đề nghĩ sao? Tâm niệm người ấy bấy giờ để vào chỗ nào? Bạch đức Thế Tôn, tâm niệm người ấy để chỗ người nữ kia, thường nghĩ rằng: Tưởng nhớ tương lai sẽ cùng ngồi nằm hoan lạc với người nữ. Này Tu bồ đề, người ấy trong một ngày một đêm có bao nhiêu niệm sanh khởi? Tu bồ đề thưa: người ấy trong một ngày một đêm có rất nhiều niệm sanh khởi. Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát niệm Bát nhã ba la mật đúng như trong Bát nhã ba la mật nói, tu đạo ấy trong khoảng một niệm vượt quá kiếp số, cũng như số tâm niệm trong một ngày một đêm của người kia. Bồ tát ấy tu Bát nhã ba la mật xa lìa các tội, là xa lìa các tội đối với Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác. Bồ tát ấy tu Bát nhã ba la mật, trong một ngày được công đức thiện căn, giả sử các công đức khác chứa đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng vẫn cũng không giảm, đối với các công đức tàn dư trăm phần không kịp một, ngàn phần ngàn ức vạn phần cho đến toán số, thí dụ cũng không thể kịp.

LUẬN: Tu bồ đề khi nghe nói tướng chẳng thoái chuyển, và công đức chẳng thoái chuyển tâm rất vui mừng tán thán công đức chẳng thoái chuyển, nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, bậc chẳng thoái chuyển thành tựu công đức vô lượng vô biên. Phật chấp nhận lời khen đó, lại tự nói nhân duyên của công đức lớn ấy chính là Bồ tát chẳng thoái chuyển, được vô lượng vô biên trí tuệ không đi chung với Thanh văn, Bích chi Phật; cần phải trước biết rồi sau làm, làm xong hưởng công đức ấy. Vì thế nói nhân duyên của công đức là do nơi trí tuệ vô lượng, vô biên. Trí tuệ là Bát nhã ba la mật, Bồ tát an trú trong Bát nhã ba la mật ấy, hay sanh ra bốn trí vô ngại: Đối với thật nghĩa hết thấy pháp, trí tuệ không chướng ngại, đã biết nghĩa vô ngại rồi, phân biệt mỗi mỗi danh tự các pháp, vì nó biểu thuyết thật nghĩa nên gọi là pháp vô ngại; danh tự ấy phải do ngôn ngữ, do ngôn ngữ nên phát xuất các danh tự ấy gọi là từ vô ngại; được pháp vô ngại và từ vô ngại nên vui nói thật nghĩa các pháp, ấy gọi là lạc thuyết vô ngại. Bồ tát an trú trong bốn trí vô ngại, hết thấy chúng sanh vấn nạn không thể làm cùng kiệt, như nước biển lớn không thể khô kiệt.

Tu bồ đề nghe Phật dạy đầy đủ tướng chẳng thoái chuyển ở trong hai phẩm trên. Nay vào phẩm này Phật mới mở cửa bốn vô ngại, lại muốn nói tướng chẳng thoái chuyển. Thế nên Tu bồ đề tán thán Phật: Thế Tôn có trí tuệ vô lượng, vô biên, công đức chẳng thoái chuyển cũng vô lượng, vô biên, nếu Phật trải qua kiếp số như cát sông Hằng vui nói cũng không thể cùng tận, tướng mạo chẳng thoái chuyển cũng không thể cùng tận.

Bạch đức Thế Tôn, những gì là chỗ thâm áo của bậc chẳng thoái chuyển? Bồ tát chẳng thoái chuyển, an trú chỗ thâm áo ấy thời có thể đầy đủ sáu Ba la mật, bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng?

Phật khen Tu bồ đề: Ông có thể vì Bồ tát chẳng thoái chuyển hỏi nghĩa thâm áo. Nay Tu bồ đề, "Không, cho đến Niết bàn" ấy gọi là thâm áo.

Hỏi: Có những pháp mỗi mỗi phân biệt tỉ mỉ, vì người ta không hiểu nên có thâm áo, còn "không", không có gì của chính nó, lấy gì làm thâm áo?

Đáp: Chẳng phải miệng nói thẳng danh tự nên "không", mà cốt phân biệt, giải thích các tướng "hữu", bên trong không thấy có ngã, bên ngoài không thấy thực pháp nhất định; được cái "không" ấy rồi, xem hết thấy pháp tướng đều là hư dối, có lỗi lầm, nếu diệt các tướng lại không nguyện sanh vào ba cõi. Cái "không" này là cái "không" do đắc đạo, chẳng phải miệng nói không, thế nên nói thâm áo.

* Lại nữa, không lại cũng không, nếu chấp trước cái không ấy thời có lỗi lầm, chẳng gọi là thâm áo; nếu cái không phát xuất từ sự phá tà kiến chấp có, ấy là thâm áo; nếu đối với không cũng không chấp trước không, nên cũng là thâm áo. Lại nữa, quán năm uẩn sanh diệt, phá điên đảo chấp thường; quán rốt ráo không, phá chấp tướng sanh diệt, vì sao? Vì trong "không" không có vô thường, không có sanh diệt. Không có sanh diệt có hai thứ: 1. Là người tà kiến cho thế gian thường có nên không có sanh diệt; 2. Là vì phá chấp tướng sanh diệt nên nói không có sanh diệt. Trong đây phá chấp tướng sanh diệt, cũng không chấp tướng chẳng sanh, chẳng diệt, nên gọi là thâm áo. Các phiền não khó trừ nên nói sự lìa dục được tịch tịnh là thâm áo, vì sai lầm dễ, chơn thật khó. Như như, pháp tánh, thực tế là Niết bàn thâm áo, vì các Phạm thiên và 96 thứ ngoại đạo không thể hiểu kịp nên gọi là thâm áo. Lại trong Niết bàn, hết thấy người đắc đạo nhập vào vĩnh viễn không ra, cho nên thâm áo.

Hỏi: Trong đây nói "không" v.v... là thâm áo, ấy là "không" gì?

Đáp: Có người nói ba Tam muội không, vô tướng, vô tác, tâm số pháp gọi là "không", vì "không" nên quán các pháp "không". Có người nói: "Sắc sở duyên bên ngoài đều "không" duyên cái ngoại không ấy nên gọi là "không Tam muội". Trong đây Phật nói: Chẳng vì không Tam muội nên không, cũng chẳng vì sắc sở duyên bên ngoài nên không, vì sao? Vì nếu sắc bên ngoài chẳng thực "không", do sức Tam muội làm cho không nên "không", thời cái không ấy hư dối chẳng thật. Nếu duyên cái ngoại không nên sanh tam muội thế cũng chẳng phải, vì có sao? Vì nếu sắc pháp v.v... thật là tướng "không" thời chẳng sanh không tam muội. Nếu sanh không tam muội thời chẳng phải là không. Trong đây nói lìa hai bên ấy mà nói trung đạo, nghĩa là các pháp nhân duyên hoà hợp sanh, pháp hoà hợp ấy không có tướng nhất định nên "không", vì sao? Vì pháp nhân duyên sanh không có tự tánh, vì không tự tánh nên tức là rốt ráo không. Rốt ráo không ấy từ xưa đến nay vốn "không", chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải người khác làm; chơn Phật vì chúng sanh khả độ nên nói tướng rốt ráo không. Tướng "không" là thực thể của hết thấy pháp, không như bên trong, bên ngoài mà có. Tướng không có nhiều danh tự gọi là vô tướng, vô tác, tịch diệt, ly, Niết bàn v.v...

Tu bồ đề biết các Bồ tát lợi căn đắm sâu vào niết bàn, vì Bồ tát ấy nên hỏi Phật: Chỉ có Niết bàn thậm thâm còn các pháp khác không thậm thâm ư?

Phật đáp: Chơn chánh quán sát sắc mà được Niết bàn, các pháp sắc v.v... như Niết bàn nên thậm thâm, thế nên trong Kinh nói: Sắc "như" nên thậm thâm, sắc "như" tức là chính quán.

Tu bồ đề hỏi: Thế nào là vì sắc "như" nên sắc thậm thâm?

Trong đây Phật tự nói nhân duyên của thậm thâm: Là "như" chẳng là sắc, chẳng phải là sắc. Thí như lấy bùn làm bình, bùn chẳng phải tức là bình, chẳng là bùn có bình, cũng không được nói không có bình.

Tu bồ đề biết pháp nhân duyên ấy thậm thâm như biển cả không có đáy nên tán thán rằng: Hy hữu thay Thế Tôn! Phật dùng lực phương tiện vi diệu làm cho các Bồ tát liả sắc v.v... mà an trú Niết bàn, cũng không chấp đắm Niết bàn, cũng không ở thế gian, ấy là lực phương tiện vi diệu.

Phật chấp nhận lời ấy, khen Bồ tát thực hành thật tướng các pháp được quả báo phước đức, bảo Tu bồ đề: Quán sát, so lường pháp thậm thâm tương ứng với Bát nhã như vậy, khi một niệm sanh khởi, liền được vô lượng, vô biên, vô số phước đức.

Hỏi: Pháp vô lậu của hàng Nhị thừa còn không có quả báo phước đức, huống gì Đại thừa do rốt ráo không mà quán pháp lại được vô lượng phước đức, mà chính phước đức ấy từ tâm đại bi thương xót chúng sanh phát khởi, như tội do não hại chúng sanh mà có?

Đáp: Trong tâm vô lậu của hàng Nhị thừa phiền não sạch hết, nên không có quả báo, phước đức, còn Bồ tát phiền não chưa hết, nên phải có phước đức quả báo.

* Lại nữa, Nhị thừa chúng đắc đối với thực tế nên đốt cháy hết các công đức; Bồ tát chẳng chúng lại sanh trở lại để độ sanh, nên có phước đức.

* Lại nữa, người ta có sai lầm đối với sự thật nên phước đức ít. Chánh tu hành thật sự nên phước đức nhiều, như thí cho súc sanh được phước gấp trăm, thí cho người ác được phước gấp ngàn, thí cho người lành được phước gấp mười vạn, thí cho người ly dục được phước gấp mười ức vạn, thí cho bậc Thánh Tu đà hoàn v.v... được phước vô lượng. Người phạm phước, tuy liả dục, thực hành tâm từ bi, vì không được pháp thực tướng nên không được làm ruộng phước vô

lượng; Tu đà hoàn tuy chưa ly dục, vì phân biệt được pháp thực tướng nên thành phước điền vô lượng. Ngộ được thực tướng các pháp có sâu, có cạn, thế nên Bồ tát vì thâm nhập thật tướng nên chỉ trong một khởi niệm được phước đức vô lượng vô biên. Trong đây vì mỗi niệm, mỗi niệm phước đức rất nhiều nên nói thí dụ: Tâm chúng sanh tuy niệm niệm sanh diệt, nhưng vì tương tục sanh nên không biết diệt theo. Như người dâm dục tâm đắm sâu điều dục lạc, vì không thỏa tình nên sanh tâm nhớ nghĩ, thủ tướng, mỗi mỗi phân biệt tìm lý do vì sao không đến, hoặc vì người con gái đổi lòng mà không đến hoặc bị người ngăn trở mà không đến. Sanh tâm giác quán nhiều như vậy, tâm ấy dễ biết, nên dùng làm ví dụ. Như vậy, là nhân duyên chỉ trong một niệm mà sự việc đã qua một kiếp; lại như người uống thuốc yếu, một năm mới lành bệnh, uống thuốc mạnh một ngày có thể lành. Bồ tát cũng như vậy, tu năm Ba la mật lâu ngày mới thành Phật. Có người tu Bát nhã ba la mật mau được thành Phật.

* Lại nữa, công đức của một ngày tu Bát nhã ba la mật, giả sử có hình chất đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới số như cát sông Hằng, thời đối với thực thể của chánh công đức trong một ngày còn không giảm thua, đối với phước đức ấy trăm phần không sánh kịp, cho đến toán số, thí dụ cũng không thể kịp.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà bố thí Tam bảo, Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ kheo tăng bảo trải số kiếp như cát sông Hằng. Ý ông nghĩ sao? Vì Bồ tát ấy do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất hiếm, vô lượng, vô biên, vô số. Phật bảo Tu bồ đề: Chẳng bằng Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật thậm thâm, một ngày tu hành đúng như kinh nói, được phước đức rất nhiều, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là Bồ tát đạo, nương đạo ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà cúng dường Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật trải số kiếp như cát sông Hằng. Ý ông nghĩ sao, Bồ tát ấy, do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng. Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát tu hành đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm, một ngày được phước rất nhiều, vì sao? Vì Bồ tát tu Bát nhã ba la mật vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa, vào Bồ tát vị, dần dần chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề, Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ trải số kiếp như cát sông Hằng. Ý ông nghĩ sao? Bồ tát ấy do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát tu hành đúng như Bát nhã ba la mật dạy,

một ngày tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ được phước rất nhiều; vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là mẹ của Bồ tát, Bát nhã ba la mật hay sanh các Bồ tát, các Bồ tát trú trong Bát nhã ba la mật hay đầy đủ hết thầy Phật pháp.

Tu Bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật, tu pháp thí trải số kiếp như cát sông Hằng. Ý ông nghĩ sao, Bồ tát ấy được phước nhiều chăng? Tu Bồ đề thưa: Rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát tu hành đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm dạy, cho đến pháp thí trong một ngày được phước rất nhiều, vì sao? Vì Bồ tát ấy không xa lìa Bát nhã ba la mật thời không xa lìa trí Nhất thiết chủng; không xa lìa trí Nhất thiết chủng thời không xa lìa Bát nhã ba la mật. Vì thế Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nên xa lìa Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật trải số kiếp như cát sông Hằng mà tu bốn niệm xứ, cho đến tám thánh đạo phần, nội không cho đến trí Nhất thiết chủng. Ý ông nghĩ sao! Bồ tát ấy được phước nhiều chăng? Tu Bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm dạy, trong một ngày tu bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng, được phước rất nhiều, vì sao? Vì nếu Bồ tát không xa lìa Bát nhã ba la mật mà lay chuyển đối với trí Nhất thiết chủng, thời không có lẽ ấy. Nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà đối với trí Nhất thiết chủng lay chuyển, thời có lẽ ấy. Vì lẽ ấy nên Bồ tát thường không nên xa lìa Bát nhã ba la mật mà tu hành.

Tu Bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà trải số kiếp như cát sông Hằng, tu tài thí, pháp thí và thiền định, có được phước đức đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ý ông nghĩ sao? Bồ tát ấy được phước nhiều chăng? Tu Bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm dạy, tu hành tài thí, pháp thí, thiền định trong một ngày có được phước đức đem hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được phước rất nhiều, vì sao? Vì đây là cách hồi hướng đệ nhất, nghĩa là Bát nhã ba la mật hồi hướng; nếu xa lìa Bát nhã ba la mật mà hồi hướng, ấy không gọi là hồi hướng. Vì vậy, nên Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên phương tiện học Bát nhã ba la mật hồi hướng.

Tu Bồ đề, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật mà hòa hợp các thiện căn có được của chư Phật và đệ tử Phật quá khứ, vị lai, hiện tại sống lâu nhiều kiếp như cát sông Hằng để tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ý ông nghĩ sao? Bồ tát ấy được phước nhiều chăng? Tu Bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều. Phật dạy: Chẳng bằng Bồ tát đúng như Bát nhã ba la mật thậm thâm chỉ

dạy mà tu hành cho đến chỉ một ngày, tùy hỷ đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được phước đức nhiều. Vì vậy nên Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát nhã ba la mật và phương tiện hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, như lời Phật dạy: Pháp do nhân duyên sanh khởi, đều từ vọng tưởng sanh, chẳng phải thật, làm sao Bồ tát được phước đức lớn? Bạch đức Thế Tôn, dùng pháp nhân duyên sanh khởi lẽ đáng không thể được chánh kiến, vào pháp vị, lẽ đáng không thể được quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, dùng pháp do nhân duyên sanh khởi ấy lẽ đáng không được chánh kiến, vào pháp vị, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu bồ đề, Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật biết pháp do nhân duyên sanh khởi cũng không, không bền chắc, hư dối, không thật, vì sao? Vì Bồ tát ấy khéo học nội không, cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không. Bồ tát ấy an trụ mười tám không ấy, mỗi mỗi quán sát pháp có tạo tác đều không, tức không xa lìa Bát nhã ba la mật. nếu Bồ tát như vậy dần dần không xa lìa Bát nhã ba la mật, dần dần được vô lượng, vô số, vô biên phước đức.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, vô số, vô lượng, vô biên có gì khác nhau?

Tu bồ đề, vô số là không rơi vào số đếm hoặc trong tánh hữu vi, hoặc trong tánh vô vi. Vô lượng là cân lường không thể được hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Vô biên là biên giới các pháp không thể có được.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, vả chẳng sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên? Vả chẳng thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên?

Này Tu bồ đề, có nhân duyên khiến sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch đức Thế Tôn, do nhân duyên gì nên sắc cũng vô số, vô lượng, vô biên? Thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số, vô lượng, vô biên?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì sắc không nên vô số, vô lượng, vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức không nên vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch đức Thế Tôn, chỉ sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không; chẳng phải hết thảy pháp không ư?

Này Tu bồ đề, Ta chẳng từng nói hết thầy pháp không ư.

Bạch đức Thế Tôn, nói hết thầy pháp không. Các pháp không tức là không thể cùng tận; vô số, vô lượng, vô biên. Trong "không", số đếm không thể có được, lượng không thể có được, biên không thể có được. Do vậy, nên nghĩa không thể cùng tận, vô lượng, vô số, vô biên không có khác nhau. Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Pháp nghĩa ấy không có khác biệt, pháp ấy không thể nói, Phật dùng sức phương tiện nên phân biệt nói, đó là không thể cùng tận, vô lượng, vô số, vô biên vô trước; không, vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, Niết bàn. Đó là Phật mỗi mỗi dùng sức phương tiện nói.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu, bạch đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp không thể nói mà Phật dùng sức phương tiện để nói. Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói; hết thầy pháp cũng không thể nói.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, hết thầy pháp không thể nói, tướng hết thầy pháp không thể nói tức là không. Không ấy không thể nói.

Bạch đức Thế Tôn, nghĩa của không thể nói có thêm, có bớt chăng?

Phật dạy: Không, Tu bồ đề, nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt.

Bạch đức Thế Tôn, nếu nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt, thời Thí ba la mật cũng sẽ không thêm không bớt, cho đến Bát nhã ba la mật cũng sẽ không thêm không bớt; bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần cũng sẽ không thêm không bớt; bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, tám bội xả, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, Phật mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung của Phật cũng sẽ không thêm không bớt. Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát tu sáu Ba la mật không thêm cho đến mười tám pháp không chung không thêm, thời làm sao Bồ tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Tu bồ đề, nghĩa của không thể nói không thêm, không bớt. Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật, vì có sức phương tiện nên nghĩ rằng: Ta tăng thêm Bát nhã ba la mật cho đến tăng thêm Thí ba la mật. Lại sẽ nghĩ rằng: Chỉ có danh tự nên gọi là Thí ba la mật. Bồ tát khi tu Thí ba la mật, đem tâm ấy và thiện căn đúng như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà hồi hướng; cho đến khi tu Bát nhã ba la mật, đem tâm ấy và thiện căn đúng như tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hồi hướng.

Tu bỏ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Tướng "như" của hết thầy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức thế Tôn, thế nào là tướng "như" của hết thầy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu bỏ đề: Sắc tướng như; thọ, tưởng, hành, thức như, cho đến Niết bàn tướng "như" là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; tướng "như" ấy cũng chẳng thêm chẳng bớt. Nay Tu bỏ đề, Bồ tát không lìa Bát nhã ba la mật, thường quán tướng "như" ấy, không thấy có thêm có bớt, vì nhân duyên ấy nên nghĩa của không thể nói không thêm không bớt, Thí ba la mật cũng không thêm không bớt, cho đến mười tám pháp không chung cũng không thêm không bớt. Nay Tu bỏ đề, Bồ tát vì pháp không thêm không bớt ấy, nên tu Bát nhã ba la mật.

LUẬN: Lìa Bát nhã ba la mật mà cúng dường Tam bảo, trải kiếp số như cát sông Hằng, không bằng một ngày tu Bát nhã. Lại có người sống lâu nhiều kiếp số như cát sông Hằng cúng dường Tu đà hoàn v.v... cũng không bằng một ngày tu Bát nhã. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát tu Bát nhã vượt quá Nhị thừa vào Bồ tát vị, thành vô thượng đạo. Lại xa lìa Bát nhã, tu sáu Ba la mật trải kiếp số như cát sông Hằng, chẳng bằng một ngày đúng như lời dạy, an trú trong Bát nhã tu sáu Ba la mật. Trong đây nói nhân duyên vì sao hơn? Vì Bát nhã là mẹ chư Phật, an trú trong Bát nhã là có thể đầy đủ các pháp của chư Phật. Đó là nói về tài thí. Nếu xa lìa Bát nhã mà thực hành pháp thí trải kiếp số như cát sông Hằng, chẳng bằng một ngày an trú trong Bát nhã thực hành pháp thí.

* Lại nữa, xa lìa Bát nhã mà theo pháp Thanh văn, Bích chi Phật, tu hành tứ niệm xứ, trải kiếp số như cát sông Hằng chẳng bằng một ngày đúng như lời dạy an trú trong Bát nhã, tu tứ niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Trong đây nói lý do hơn là vì không xa lìa Bát nhã, mà bị lay chuyển đối với Nhất thiết trí là không có lẽ ấy.

* Lại nữa, Bồ tát lìa Bát nhã mà tài thí, pháp thí, thiên định trải qua kiếp số như cát sông Hằng có được phước đức rồi hồi hướng vô thượng đạo, chẳng bằng một ngày an trú trong Bát nhã mà tài thí, pháp thí, thiên định sanh phước đức rồi hồi hướng vô thượng đạo, vì sao? Vì Bát nhã không có độc hại xen tạp, nên chính hồi hướng vậy.

* Lại nữa, nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã mà sống lâu nhiều kiếp số như cát sông Hằng, tùy hỷ với công đức chư Phật ba đời mười phương, hồi hướng đến vô thượng đạo, chẳng bằng một ngày ấn hợp với Bát nhã mà tùy hỷ hồi hướng.

Bấy giờ, Tu bồ đề gạn hỏi Phật: Như Phật dạy hết thảy pháp hữu vi như huyễn, hư dối không thật, không thể sanh chánh kiến, vào chánh vị, làm sao Bồ tát phước đức tu trong một ngày mà hơn được. Phật chấp nhận lời ấy rằng: Như vậy, như vậy! Pháp hữu vi đều hư dối, không được dùng pháp hư dối để vào chánh vị, được chánh đạo. Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật, có được phước đức biết nó đều hư dối, trống không, không bền chắc, tâm không đắm trước phước đức ấy, phước đức ấy thanh tịnh, nên hơn phước đức khác như kim cương tuy nhỏ có thể đục phá núi lớn. Trong đây Phật dạy Bồ tát khéo học mười tám không, tuy quán không mà có thể thật hành các công đức; tuy biết Niết bàn vô thượng đạo mà vì thương xót chúng sanh nên tu tập phước đức; tuy biết hết thảy pháp tướng chẳng thể nói mà vì chúng sanh mỗi mỗi phương tiện thuyết pháp; tuy biết trong pháp tánh. Nhất tướng vô tướng không có phân biệt mà vì chúng sanh phân biệt thiện bất thiện, khả hành, bất khả hành, thủ, xả, lợi, thất v.v... nếu Bồ tát tuy quán rốt ráo không, mà vẫn có thể làm các phước đức, ấy gọi là tu hành không lìa Bát nhã ba la mật. nếu Bồ tát thường không xa lìa Bát nhã ba la mật, thời dần dần được vô số, vô lượng, vô biên công đức, vì sao? Vì nếu khi Bồ tát mới học Bát nhã sức phiền não còn mạnh, sức Bát nhã còn yếu, dần dần được sức Bát nhã, dứt các phiền não, diệt các hý luận. Thế nên được phước đức vô số vô lượng vô biên. Phật tự phân biệt nói vô số là không rơi vào trong tánh hữu vi, hoặc tánh vô vi; cân lường ba đời không thể có được nên gọi là vô lượng; ranh giới mười phương cũng không thể có được nên gọi là vô biên.

Tu bồ đề hỏi Phật: Có thể có nhân duyên mà năm uẩn cũng vô số, vô lượng, vô biên ư?

Phật đáp: Có, do năm uẩn "không" nên cũng vô số, vô lượng, vô biên.

Tu bồ đề thưa: Chỉ có năm uẩn "không" chứ chẳng phải hết thảy pháp không ư?

Phật đáp: Hết thảy pháp không.

Tu bồ đề thưa: Pháp không ấy tức không thể cùng tận, không thể cùng tận tức là vô số, vô số tức là vô lượng, vô lượng tức là vô biên; thế nên trong "không" ấy sự cùng tận không thể có được, nên gọi là vô tận. Số đếm không thể có được nên gọi là vô số; sự cân lường không thể có được nên gọi là vô lượng; biên giới

không thể có được nên gọi là vô biên. Bốn việc ấy danh tuy khác mà nghĩa đồng, nghĩa là đồng rớt ráo "không".

Phật chấp nhận lời ấy rằng: Đúng như vậy. Lại tự nói nhân duyên: Tướng pháp không ấy chẳng thể nói, nếu có thể nói thì chẳng gọi là không. Phật vì tâm đại từ bi thương xót chúng sanh nên phương tiện nói ra, miễn cưỡng nói ra danh tự, ngôn ngữ để khiến chúng sanh được hiểu. Chữ "không" hoặc nói là không thể cùng tận, vô số, vô lượng, vô biên v.v... thật tướng ấy không sanh, không tác, nên nói là không cùng tận, các bậc thánh khi ngộ được thật tướng các pháp, vào Vô dư Niết bàn, không rơi vào trong số sáu đường; pháp thật tướng ấy cũng không rơi vào trong số các pháp hữu vi, vô vi, thế nên gọi là vô số; chữ "lượng" là dùng trí tuệ cân lường tốt xấu, nhiều ít, lớn nhỏ, phải trái; ở trong thật tướng các pháp, vì dứt hết các tướng ấy nên gọi là vô lượng. Thật tướng các pháp không thể lường nên gọi là vô biên. Thật tướng các pháp vốn tịch diệt nên gọi là vô trước. Trong thật tướng các pháp, tướng ngã và ngã sở nhất định không thể có được nên nói là không. Vì "không" nên vô tướng, vô tướng thời không tác, không khởi. Vì pháp ấy thường trú không hoại nên vô sanh vô diệt. Vì pháp ấy dứt được ô nhiễm của ba cõi nên gọi là không nhiễm, vì pháp ấy không dết nên nghiệp phiền não nên gọi là Niết bàn. Như vậy có vô lượng danh tự theo mỗi mỗi nhân duyên nói thật tướng các pháp.

Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Hy hữu thay! Thật tướng các pháp tuy không thể nói mà Phật dùng sức phương tiện để nói; như con hiểu nghĩa Phật dạy chẳng phải chỉ có thật tướng không thể nói mà hết thảy các pháp cũng không thể nói. Phật chấp nhận lời ấy và nói nhân duyên: Hết thảy pháp rớt cuộc trở về "không", vì trở về "không" nên không thể nói, nghĩa của không thể nói tức là không thêm, không bớt. Nếu hết thảy pháp không thêm không bớt thì sáu Ba la mật và các thiện pháp cũng không thêm không bớt.

Nếu sáu Ba la mật và các thiện pháp không thêm thì làm sao được vô thượng đạo.

Phật chấp nhận lời đó và nói nhân duyên: Pháp tuy không thêm, bớt mà có thể được vô thượng đạo nghĩa là vị Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, nên tuy tu các pháp trợ đạo như Thí ba la mật. Nhờ dứt ngã, ngã sở và kiêu mạn nên không nghĩ rằng ta tăng trưởng được sáu Ba la mật, không chấp thủ tướng trong, tướng ngoài, tu các thiện pháp đúng như tướng vô thượng đạo mà hồi hướng.

Tu bồ đề hỏi: Thế nào là vô thượng đạo?

Phật đáp: Các pháp "như" là vô thượng đạo.

Tu bồ đề hỏi: Những gì là hết thảy pháp?

Phật đáp: Sắc pháp v.v... cho đến Niết bàn. Tướng "như" tịch diệt của các pháp ấy là tướng vô thượng đạo. Tịch diệt là không thêm, không bớt, không cao, không hạ, diệt các phiền não, hý luận, không động, không hoại, không bị chướng ngại. Bồ tát do Bát nhã ba la mật và sức phương tiện nên có thể làm cho bố thí đồng như tướng tịch diệt. Có các nhân duyên như vậy nói về tướng vô thượng đạo. Nếu Bồ tát thường nghĩ đến tướng vô thượng đạo tịch diệt thì làm cho hết thảy pháp đều đồng tướng tịch diệt cũng quán sát nghĩa bất khả thuyết là tướng chẳng thêm chẳng bớt; Bồ tát như vậy mau được vô thượng đạo, vì không thêm không bớt, không thể thủ đắc.

(Hết cuốn 74 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 75

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát dùng tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay dùng tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế tôn, tâm lúc đầu không đi đến tâm lúc sau, tâm lúc sau không ở nơi tâm lúc đầu. Như vậy, mỗi tâm tâm số pháp không cùng lúc làm sao thiện căn tăng trưởng? nếu thiện căn không tăng trưởng làm sao sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Ta sẽ nói thí dụ cho ông rõ, người trí nghe được thí dụ thời đối với nghĩa dễ hiểu. Nay Tu bồ đề, thí như thắp đèn, dùng ngọn lửa lúc đầu đốt tim đèn hay dùng ngọn lửa lúc sau đốt tim đèn? Tu bồ đề thưa: Chẳng phải ngọn lửa lúc đầu đốt cháy tim đèn, cũng chẳng phải lia ngọn lửa lúc đầu; chẳng phải ngọn lửa lúc sau đốt tim đèn, cũng chẳng phải lia ngọn lửa lúc sau.

Này Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Tim đèn cháy chẳng?

Bạch đức Thế Tôn, tim đèn thật cháy.

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát cũng như vậy, chẳng dùng tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lia tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chẳng dùng tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lia tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề! Trong đây Bồ tát từ khi mới phát tâm tu Bát nhã ba la mật đến khi đầy đủ mười địa thời được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, những gì là mười địa mà Bồ tát đầy đủ rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy: Bồ tát đầy đủ Càn huệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi Phật địa, Bồ tát địa, Phật địa. Đầy đủ mười địa ấy là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề, Bồ tát học mười địa ấy xong, chẳng phải tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng phải lia tâm lúc đầu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chẳng phải tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng phải lia tâm lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, pháp nhân duyên ấy rất sâu, chẳng phải tâm lúc đầu, chẳng phải lia tâm lúc đầu; chẳng phải tâm lúc sau, chẳng phải lia tâm

lúc sau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Nếu tâm diệt rồi, tâm ấy có sanh lại chăng?
- Thưa không. Bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Tâm sanh là tướng diệt chăng? - Là tướng diệt, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Cũng trụ như vậy chăng? - Cũng trụ như vậy, như "như" mà trụ.

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? - Nếu tâm ấy như "như" mà trụ sẽ là thực tế chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề ý ông nghĩ sao? "Như" ấy rất sâu chăng? - Rất sâu, rất sâu, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Chỉ "như" là tâm chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Là "như" là tâm chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? "Như" thấy "như" chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Nếu Bồ tát tu hành được như vậy là tu hành Bát nhã ba la mật thậm thâm chăng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát tu hành được như vậy là tu hành Bát nhã ba la mật thậm thâm.

Tu bồ đề ý ông nghĩ sao? Bồ tát tu hành như vậy là ở chỗ nào tu hành? - Tu bồ đề thưa: nếu Bồ tát tu hành được như vậy là không có chỗ tu hành. Vì sao? Vì nếu Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật an trú trong các pháp "như", thời không khởi niệm như vậy, không có chỗ khởi niệm, không có người khởi niệm.

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát tu hành như vậy là ở chỗ nào tu hành? - Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát tu hành như vậy là ở trong đệ nhất nghĩa tu hành, vì hai tướng không thể có được.

Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Đó là tướng hư hoại của Bồ tát chăng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn!

Phật bảo Tu bồ đề: Sao gọi là tướng chẳng hư hoại? - Tu bồ đề thưa: Bồ tát tu Bát nhã ba la mật không nghĩ rằng ta sẽ phá hoại tướng các pháp. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát tu Bát nhã ba la mật chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật, thời không được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác. Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát do sức phương tiện nên đối với các pháp không chấp thủ tướng, cũng không phá hoại tướng nó, vì sao? Vì Bồ tát biết hết thấy pháp tự tướng không. Bồ tát an trú trong tự tướng không ấy vì chúng sanh nên vào ba tam muội, dùng ba tam muội để thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

Bạch đức thế Tôn! Làm sao Bồ tát vào ba tam muội mà thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

Phật dạy: Bồ tát an trú ba tam muội ấy thấy chúng sanh ở trong pháp tác khởi tu hành. Bồ tát dùng sức phương tiện dạy khiến được pháp không tác khởi; thấy chúng sanh ở trong ngã tướng tu hành, Bồ tát dùng sức phương tiện dạy khiến tu hành "không"; thấy chúng sanh ở trong hết thấy tướng tu hành, Bồ tát dùng sức phương tiện dạy khiến tu hành vô tướng. Như vậy, Tu bồ đề, Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, vào ba tam muội, dùng ba tam muội để thành tựu tuệ giác cho chúng sanh.

LUẬN: Tu bồ đề hỏi Phật: Dùng tâm ban đầu được Vô thượng đạo hay dùng tâm sau được.

Hỏi: Có gì Tu bồ đề nạn hỏi việc ấy?

Đáp: Ở đoạn trên kia Tu bồ đề nghe nói các pháp chẳng thêm, chẳng bớt, tâm sanh nghi: Nếu các pháp chẳng thêm, chẳng bớt thời làm sao được Vô thượng đạo.

* Lại nữa, nếu do như thật tu hành đúng đắn được vô thượng đạo, thời chỉ có Phật được như vậy, còn Bồ tát chưa dứt hết phiền não, vô minh, làm sao có thể như thật tu hành đúng đắn?

* Lại nữa, ở trong đây Tu bồ đề tự nói lý do nạn hỏi, đó là tâm lúc đầu không đến tâm lúc sau, tâm lúc sau không ở nơi tâm lúc đầu, làm sao tăng trưởng được thiện căn để được vô thượng đạo? Vì nhân duyên như vậy nên hỏi rằng, dùng tâm lúc đầu được hay tâm lúc sau được? Phật lấy pháp nhân duyên sâu xa trả lời rằng: Không dùng tâm lúc đầu được, cũng không lìa tâm lúc đầu được, vì có sao? Nếu chỉ dùng tâm lúc đầu được, không dùng tâm lúc sau được ấy thời Bồ

tát mới phát tâm, lẽ đáng liền là Phật. Nếu không có tâm lúc đầu làm sao có tâm thứ hai, thứ ba? Tâm thứ hai thứ ba lấy tâm lúc đầu làm nhân duyên căn bản. Cũng không chỉ có tâm lúc sau, cũng không lia tâm lúc sau nghĩa là tâm lúc sau cũng không lia tâm lúc đầu, nếu không có tâm lúc đầu thì không có tâm lúc sau. Tâm lúc đầu tập hợp vô lượng công đức, đến tâm lúc sau thời đầy đủ, vì đầy đủ nên có thể dứt hết phiền não và tập khí, được vô thượng đạo.

Ở trong đây, Tu bồ đề tự nói nhân duyên gạn hỏi: Tâm tâm số pháp lúc đầu và lúc sau không hiện có cùng lúc, không hiện có cùng lúc thời tâm quá khứ đã diệt, không hòa hợp được, nếu không hòa hợp thời thiện căn không nhóm, thiện căn không nhóm, thời làm sao thành vô thượng đạo?

Phật lấy thí dụ hiện tiền để đáp: nhu tim đèn chẳng phải riêng ngọn lửa lúc đầu đốt cháy, cũng chẳng phải lia ngọn lửa lúc đầu; chẳng phải riêng ngọn lửa lúc sau đốt cháy, cũng chẳng lia ngọn lửa lúc sau mà đốt cháy tim đèn. Phật nói với Tu bồ đề: mắt ông thấy tim đèn đốt cháy, chẳng phải ngọn lửa lúc đầu, chẳng phải ngọn lửa lúc sau mà tim đèn đốt cháy, ta dùng mắt Phật thấy Bồ tát được vô thượng đạo chẳng do tâm lúc đầu được, cũng chẳng lia tâm lúc đầu; chẳng do tâm lúc sau được, cũng chẳng lia tâm lúc sau mà được vô thượng đạo. Đèn thí dụ cho Bồ tát đạo, tim đèn thí dụ cho phiền não vô minh, ngọn lửa thí dụ cho trí tuệ tương ứng Sơ địa cho đến trí tuệ tương ứng với Kim cang tam muội, đốt cháy tim đèn vô minh phiền não. Cũng chẳng phải ngọn lửa trí tuệ của tâm lúc đầu, cũng chẳng phải ngọn lửa trí tuệ của tâm lúc sau mà tim đèn vô minh phiền não bị đốt cháy hết, được thành vô thượng đạo. Trong đây Phật lại giải thích nhân duyên được thành vô thượng đạo, là Bồ tát từ khi mới phát tâm trở đi, tu Bát nhã ba la mật đầy đủ Sơ địa đến Thập địa, mười địa ấy đều hỗ trợ thành vô thượng đạo.

Mười Địa:

1. Càn huệ địa có hai: 1. là Thanh văn. 2. Là Bồ tát. hàng Thanh văn chỉ vì cầu Niết bàn nên siêng năng tinh tấn, trì giới thanh tịnh, kham chịu tu hành hoặc quán Phật tam muội, hoặc quán bất tịnh, hoặc tu từ bi, hoặc quán vô thường v.v... phân biệt nhóm các pháp thiện, bỏ pháp bất thiện, tuy có trí tuệ mà không được nước thiền định thời không thể đắc đạo nên gọi là *Càn huệ địa*. Còn Bồ tát thời từ khi mới phát tâm cho đến khi chưa được thuận nhẫn là Càn huệ địa.

2. *Tánh địa* là hàng Thanh văn tu từ noãn pháp cho đến thế gian đệ nhất pháp; còn hàng Bồ tát được thuận nhẫn, ưa đắm thật tướng các pháp, không sanh tà kiến, được nước thiền định.

3. *Bát nhơn địa* là tu từ khổ pháp nhẫn cho đến đạo tử nhẫn (hoặc gọi đạo loại nhẫn - ND); mười lăm tâm ấy đối với hàng Bồ tát là vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị.

4. *Kiến địa* là được thánh quả ban đầu, là quả Tu đà hoàn, còn đối với Bồ tát là địa vị chẳng thoái chuyển.

5. *Bạt địa* hoặc là Tu đà hoàn, hoặc là Tư đà hàm, đoạn được sáu phần phiền não trong chín phần não tư hoặc của cõi Dục; còn đối với Bồ tát là đã vượt quá địa vị chẳng thoái chuyển cho đến chưa thành Phật, dứt các phiền não và các tập khí khác.

6. *Ly dục địa* là lìa các phiền não tham dục của cõi Dục, ấy gọi là A na hàm; còn đối với Bồ tát, vì lìa nhân duyên của năm dục, nên được năm thần thông.

7. *Dĩ tác địa* là hàng Thanh văn được tận trí, vô sanh trí, được A la hán; còn đối với Bồ tát là thành tựu Phật địa.

8. *Bích chi Phật địa* là đời trước gieo trồng nhân duyên về Bích chi Phật đạo, đời này được chút ít nhân duyên xuất gia cũng quán lý nhân duyên sâu xa mà thành đạo gọi là Bích chi Phật.

9. *Bồ tát địa* là từ Càn huệ địa trở đi cho đến ly dục địa. Lại nữa, Bồ tát địa là từ Hoan hỷ địa cho tới Pháp vân địa. Có người nói từ khi mới phát tâm trở đi cho đến Kim cang tam muội là Bồ tát địa.

10. *Phật địa* là đối với các Phật pháp như trí Nhất thiết chủng v.v... Bồ tát ở trong tự địa (là ở trong địa vị của chính mình -N.D) được đầy đủ; đối với mỗi mỗi địa quán đầy đủ, hai việc ấy đủ nên gọi là đầy đủ.

Hỏi: Có sao không nói Bồ tát tương tự Bích chi Phật địa?

Đáp: Các địa khác không nói danh tự, chỉ Bích chi Phật địa nói danh tự là Bích chi Phật.

* Lại nữa, Bồ tát hay phân biệt biết chúng sanh có thể dùng nhân duyên Bích chi Phật để được độ, nên Bồ tát dùng trí tuệ thực hành việc Bích chi Phật. Như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Bồ tát Văn thù thi li trải 72 ức lần làm Bích chi

Phật. Bồ tát cũng như vậy. Đầy đủ chín địa, tu tập Phật pháp tuy chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, tuy chưa đầy đủ, do tu tập gần Phật nên gọi là đầy đủ. Vì vậy, nói mười địa đầy đủ nên được vô thượng đạo.

Các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp, nên chẳng phải tâm lúc đầu, cũng chẳng lìa tâm lúc đầu; chẳng phải tâm lúc sau, cũng chẳng lìa tâm lúc sau mà được vô thượng đạo. Tu bồ đề tôn trọng pháp ấy nên tán thán rằng: Bạch đức Thế Tôn, pháp nhân duyên ấy rất sâu nghĩa là tâm quá khứ không diệt, không trụ mà có thể tăng trưởng được thành vô thượng đạo. Việc ấy rất sâu xa hy hữu, khó có thể tin hiểu, tâm ấy là trụ hay là diệt ư?

Phật hỏi ngược lại Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Kinh nói: "Nếu tâm diệt rồi có sanh lại chăng?" là các pháp tuy rất ráo không, chẳng sanh, chẳng diệt; nhưng vì chúng sanh dùng sáu căn thấy pháp có sanh có diệt nên Phật hỏi tâm diệt rồi có sanh lại chăng? Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch đức Thế Tôn. Vì sao? Vì tâm diệt rồi làm sao sanh trở lại. Nếu tâm diệt rồi sanh trở lại thời rơi vào chấp thường. Kinh nói: "Nếu tâm sanh là tướng diệt chăng?" Là ở trên hỏi tâm quá khứ xong, nay hỏi tướng của tâm hiện tại sẽ diệt chăng? Thế nên đáp là tướng diệt, vì sao? Vì sanh diệt là tướng đối đãi, có sanh ắt có diệt, nên trước không mà nay có, có rồi lại hoàn không.

Kinh nói: "Tướng tâm diệt là diệt chăng?" Là hoặc tướng tâm diệt là diệt ư hay còn có diệt ư? Đáp: Thưa không, bạch đức Thế Tôn, vì sao? Vì nếu tướng tâm diệt tức là diệt thời một tâm có hai lúc: Lúc sanh và lúc diệt. Nói vô thường là nói tâm tồn tại không quá một niệm, như trong kinh A tỳ đàm nói: Có pháp sanh, có pháp chẳng sanh; có pháp sắp sanh, có pháp không sắp sanh; có pháp diệt, có pháp không diệt; có pháp sắp diệt, có pháp không sắp diệt. Pháp sanh hiện tại ở trong một tâm có hai: 1. Là sanh. 2. Là sắp diệt. Sanh chẳng phải tướng sắp diệt, tướng sắp diệt chẳng phải sanh; việc ấy không đúng, cho nên Tu bồ đề đáp, không. Kinh nói: "Sẽ trụ như vậy chăng?". Là nếu tướng diệt chẳng phải tức là diệt, thời có lẽ thường trụ chăng? Nếu thường trụ tức tướng không diệt.

Phật gạn qua gạn lại như vậy, Tu bồ đề lý cùng nên nghĩ rằng: Ta nếu nói tướng diệt tức là diệt, thời một tâm rơi vào trong hai lúc; nếu nói chẳng diệt thì sự thật là tướng diệt làm sao nói rằng chẳng diệt. Vì hai lẽ trên đều có lỗi nên Tu bồ đề tự đem trí tuệ đã được chứng đắc mà đáp; Bạch đức Thế Tôn, trụ như vậy, như "như" trụ.

Kinh nói: "Nếu tâm ấy như "như" trụ, thời sẽ là thực tế chăng?". Là nếu nói tâm tương đồng với "như" mà trụ, thì "như" tức là thực tế. Nếu như vậy tâm có thể tức là thực tế chăng? - Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch đức Thế Tôn! Vì sao? Vì Tu bồ đề đã lâu tôn trọng thực tế, nhưng tâm là pháp hư dối, sức trí tuệ của hàng Tiểu thừa ít, không thể quán tâm tức là thật tế, thế nên Tu bồ đề đáp không.

Hỏi: Nếu Tu bồ đề đã nói tâm như "như", có sao tâm không được là thực tế?

Đáp: "Như" là thật tướng hết thảy pháp, thật tướng của tâm cũng là "như". Ý Tu bồ đề muốn nói những điều do sáu căn của phàm phu thấy được, hư dối, điên đảo cho nên có lỗi, nay nói tâm tướng "như" như thật không có lỗi, nên nói như như mà trụ. Lại thật tế tức là Niết bàn, nên không thể tức thời lấy tâm làm Niết bàn, cho nên đáp không.

* Lại nữa, vì thật tế không có tướng nên không được nói tâm tức là thật tế. Kinh nói "Như" ấy thậm thâm chăng?" là vì Tu bồ đề nói tâm như "như" mà trụ, lại nói tâm không được là thật tế, nên Phật hỏi "như" ấy thậm thâm chăng? Tu bồ đề không thể biết khắp nên đáp thậm thâm.

Kinh nói: "Phật hỏi: Chỉ như là tâm chăng?" - Tu bồ đề đáp: Thưa không, bạch đức Thế Tôn! vì sao? Vì "như" là một tướng, chẳng phải hai tướng. Tâm do nhân duyên ức tướng phân biệt sanh nên là hai tướng: "Như" không có biết gì còn tâm có biết; lại "như" rất ráo thanh tịnh nên không có biết, còn tâm có điều giác tri. Là "như", tâm cũng như vậy, vì sao? Vì hết thảy pháp đều có "như", làm sao là "như" mà có tâm được.

Phật hỏi Tu bồ đề: "Như" có thể thấy "như" chăng?

Đáp: Trong "như" không có phân biệt là biết có thể biết, Bồ tát không an trú "như", pháp tánh, thật tế mà tu ngay Bồ tát đạo thâm sâu.

Phật hỏi Tu bồ đề: Nếu tu như vậy có thể tu Bát nhã ba la mật thậm thâm chăng? - Tu bồ đề tự quán xét hàng Tiểu thừa cạn mỏng, pháp Đại thừa sâu xa nên đáp rằng: Tu như vậy là tu Bát nhã ba la mật thậm thâm.

Bấy giờ, có Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhẫn nghe pháp ấy thời tâm cống cao, tự cho mình ra khỏi Tiểu thừa, sâu vào Đại thừa. Phật muốn phá tâm cống cao ấy nên hỏi Tu bồ đề: Bồ tát tu như vậy là ở chỗ nào tu? Tu bồ đề thưa: Tu như vậy là không có chỗ tu, vì sao? Vì Bồ tát an trụ trong "như" không có phân biệt. Bồ tát nghe nói không có chỗ tu, thời hoặc bị rơi vào chấp đoạn diệt, nên

Phật lại hỏi Tu bồ đề: Bồ tát tu Bát nhã là ở chỗ nào tu? Tu bồ đề thưa: Ở trong đệ nhất nghĩa tu. Tướng đệ nhất nghĩa là không có hai tướng.

Phật hỏi Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Nếu Bồ tát không ức niệm, tu đệ nhất nghĩa, sự tu ấy có thủ tướng chăng? - Tu bồ đề thưa: Thưa không. Bạch đức Thế Tôn!, Vì sao? Vì hết thấy pháp rốt ráo không, không có ức niệm tức là không tướng tu hành.

Phật hỏi Tu bồ đề: Bồ tát ấy phá hoại tướng mà được vô tướng chăng? Tu bồ đề thưa: Thưa không, vì tướng từ trước lại đây không có, chỉ trừ điên đảo nên không phá hoại tướng các pháp.

Phật hỏi Tu bồ đề: Nếu không phá hoại tướng các pháp làm sao tu hạnh vô tướng? Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát không nghĩ rằng ta sẽ phá tướng nên tu hành Bát nhã. Bồ tát chưa đầy đủ mười trí lực của Phật v.v..., do sức phương tiện nên không khởi tâm thấy có tướng, không khởi tâm thấy vô tướng, vì sao? Vì nếu chấp thủ tướng thì rơi vào chấp đoạn diệt, cũng mắc nhiều sai lầm. Thế nên không chấp thủ tướng có, không chấp thủ tướng không. Thủ tướng tức là hữu pháp, không thủ tướng tức là vô pháp; do lực phương tiện xa lìa hai bên có không ấy, thực hành trung đạo.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên là vì biết hết thấy pháp tự tánh không, nên không chấp có, không chấp không. Tự tướng không thì phá hết thấy pháp tướng, cũng tự phá tướng nó. Bồ tát an trú trong tự tướng không, khởi lên ba tam muội, làm lợi ích chúng sanh. Chúng sanh mỗi mỗi ước thọ thân ở trong sáu đường: Có người không nhiếp phục tâm, không thể tu phước, buông lung theo ý tạo nghiệp, hoặc đọa địa ngục, khi sắp chết gió lạnh bức thiết, thời mong muốn được lửa, bèn rơi vào ba đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu được làm người thì bần cùng hạ tiện. Có người nhiếp phục tâm, bẻ gãy lòng xan tham, tu hạnh bố thí, trì giới, người ấy được sinh vào chỗ giàu vui trong cõi người, cõi trời dục giới. Có người lìa cõi dục, trừ năm triền cái, như có năm căn tín, tấn, v.v... được năm thiên chi, thời sinh vào cõi sắc. Có người bỏ sắc tướng, diệt tướng đối đãi, không nghĩ đến tạp tướng, nên vào vô biên hư không xứ định v.v... Các việc làm như vậy đều là ước nguyện tà vạy. Vì sao? Vì lâu ngày đều sẽ bị phá hoại, đọa lạc. Thí như lấy dây buộc chim bay, dây hết, chim phải trở lại. Bồ tát do vô tác tam muội, dứt các nguyện ấy cho chúng sanh.

Lại, thân này đều không, chỉ có gân, xương, năm tạng, máu chảy, da bọc, đầy dẫy như nhớt, gió theo tâm lay động, tâm ấy sanh diệt không ngừng, như huyễn, như hóa, không có thật tướng nhất định. Chúng sanh thấy tướng đi lại, nói năng nên cho là có người, có ta, có của ta, khởi tâm điên đảo; chỉ vì ước tưởng phân biệt nên có sự sai lầm ấy. Bồ tát dùng Không tam muội dứt tâm chấp ta, của ta cho chúng sanh, khiến an trú trong "không".

Lại, chúng sanh thủ lấy tướng nam nữ, sắc thanh, hương vị, tốt xấu, dài ngắn; vì thủ tướng nên sinh các phiền não, chịu các ưu khổ; Bồ tát dùng Vô tướng tam muội dứt các tướng cho chúng sanh, khiến an trú trong Vô tướng.

Hỏi: Nếu giáo hóa cho chúng sanh khiến chúng được "Không" là đủ, thì cần gì đến Vô tướng, Vô tác tam muội?

Đáp: Căn cơ chúng sanh có lợi độn. Người lợi căn nghe nói "Không" liền ngộ Vô tướng, Vô tác; người độn căn nghe nói "Không" phá các pháp, liền chấp thủ tướng "Không"; thế nên tiếp nói Vô tướng; nếu người tuy biết Không, Vô tướng, nhưng trí tuệ ấy lại muốn tác nghiệp thọ thân; nhưng biết thân ấy pháp hữu vi có các hoạn nạn, thế nên không nên tác nghiệp thọ thân. Như Kinh nói: Ngoài thân Bồ tát, các thân khác không thể có được cái vui trong giây lát hưởng gì lâu dài; thế nên nói Vô tác. Vì nhân duyên ấy nên cần nói đầy đủ ba tam muội để giáo hóa chúng sanh.

GIẢI THÍCH: PHẨM MỘNG HÀNH THỨ 58

KINH: Bấy giờ Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ở trong mộng mà vào ba tam muội Không, Vô tướng, Vô tác thì có thể có ích đối với Bát nhã ba la mật chăng?

Tu bồ đề đáp; nếu Bồ tát ban ngày vào ba tam muội có ích ích đối với Bát nhã ba la mật, nên ban đêm ở trong mộng cũng sẽ có ích, vì sao? Vì ban ngày, ban đêm ở trong mộng không có khác nhau. nếu Bồ tát ban ngày tu Bát nhã ba la mật có ích, Bồ tát ấy ở trong mộng tu Bát nhã ba la mật cũng nên có ích.

Xá lợi phát hỏi: Bồ tát nếu ở trong mộng tạo nghiệp, nghiệp ấy có tích tụ thành không? Như Phật dạy: hết thảy pháp như mộng nên không tích tụ thành. Vì sao? Vì trong mộng không có pháp tích tụ thành, nếu khi thức nhớ tưởng phân biệt lại, nên tích tụ thành.

Tu bồ đề hỏi: Nếu người ở trong mộng sát sinh, khi thức rồi nhớ nghĩ, phân biệt, thủ lấy tướng sát sinh, ta giết như vậy khoái ư? Việc ấy thế nào?

Xá lợi phát đáp: Không có nhân duyên thời nghiệp không sinh, không có nhân duyên thời tư duy không sinh; có nhân duyên thời nghiệp sinh, có nhân duyên thời tư duy sinh.

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Không có nhân duyên nghiệp không sinh, không có nhân duyên tư duy không sinh; có nhân duyên nghiệp sinh, có nhân duyên tư duy sinh. Đối với pháp thấy, nghe, hay, biết có tâm sinh, chẳng từ trong pháp không thấy, không nghe, hay biết tâm sinh; tâm ấy có sạch có nhơ. Vì thế nên có nhân duyên nghiệp sinh, chẳng từ không có nhân duyên nghiệp sinh; có nhân duyên tư duy sinh, chẳng từ không có nhân duyên tư duy sinh.

Xá lợi phát hỏi: Như Phật dạy hết thảy các nghiệp, các tư duy xa lìa tự tướng, làm sao nói có nhân duyên nên nghiệp sinh, không có nhân duyên nghiệp không sinh; có nhân duyên nên tư duy sinh, không có nhân duyên tư duy không sinh?

Tu bồ đề đáp: Vì chấp thủ tướng nên có nhân duyên nghiệp sinh, chẳng từ không có nhân duyên nghiệp sinh. Vì chấp thủ tướng nên có nhân duyên tư duy sinh, chẳng từ không có nhân duyên tư duy sinh.

Xá lợi phát hỏi: Nếu Bồ tát ở trong mộng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, tu trí tuệ; đem phước đức thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thật hồi hướng chăng?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát Di lạc đang ở trước mặt được Phật thọ ký chẳng thối chuyển sẽ làm Phật, nên hỏi Di lạc, Di lạc sẽ đáp.

Xá lợi phát hỏi Bồ tát Di lạc rằng: Tu bồ đề nói Bồ tát Di lạc hiện ở trước mặt được Phật thọ ký chẳng thối chuyển sẽ làm Phật, Di lạc sẽ đáp.

Di lạc Bồ tát nói với xá lợi phát: Sẽ lấy danh Di lạc đáp chăng? hoặc lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức đáp chăng? hoặc lấy sắc không đáp chăng? hoặc lấy thọ, tưởng, hành, thức không đáp chăng? Sắc không thể đáp; thọ, tưởng, hành, thức không thể đáp. Sắc không không thể đáp; thọ, tưởng, hành, thức không không thể đáp. Ta không thấy pháp ấy có thể đáp, không thấy người hay đáp; ta không thấy người được thọ ký, cũng không thấy pháp có thể thọ ký, cũng không thấy nơi thọ ký, hết thảy pháp ấy đều không hai, không khác.

Xá lợi phát nói với Di lạc Bồ tát: Như lời nhân giả nói, như thế là được pháp tác chứng chăng?

Di lạc đáp: Như lời tôi vừa nói, như thế chẳng chứng.

Bấy giờ Xá lợi phát suy nghĩ: Bồ tát Di lạc trí tuệ rất sâu; lâu ngày tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, tu trí tuệ, vì theo nghĩa vô sở đắc nên có thể nói như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Xá lợi phát: Ý ông nghĩ sao? Ông dùng pháp ấy được A la hán, có thấy pháp ấy chăng? - Xá lợi phát thưa: Không thấy.

Này Xá lợi phát! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không nghĩ rằng tu pháp ấy sẽ được thọ ký; tu pháp ấy sẽ được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật không nghĩ ta hoặc được hoặc chẳng được, mà tự biết thực được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Xá lợi phát vì có gì đem việc trong mộng gạn hỏi Bồ tát về tam muội?

Đáp: Vì việc trong mộng hư dối như cuồng như điên, chẳng phải thật, còn ba tam muội là pháp thật. Lại, các chỗ khác nói ở trong mộng cũng có ba thứ: thiện, bất thiện và vô ký. Nếu Bồ tát lấy thiện tâm tu ba tam muội thời được phước đức. Nhưng mộng là việc cuồng si không thể ở trong đó tu thật pháp được quả báo; nếu có thật pháp thời không gọi là mộng. Vì thế nên hỏi: Nếu Bồ tát ở trong mộng tu ba tam muội có tăng trưởng Bát nhã ba la mật và phước đức, nhóm các thiện căn gần Phật đạo chăng?

Ý Tu bồ đề là, nếu nói tăng trưởng thời mộng là hư dối, còn Bát nhã là thật pháp, làm sao tăng trưởng được? Nếu nói không có tăng trưởng thời trong mộng có thiện, làm sao không tăng trưởng? Không được đáp rằng, có tăng trưởng, không tăng trưởng? Thế nên Tu bồ đề xa lìa câu nạn vấn về hai bên ấy, nên đem thực tướng các pháp để đáp: Còn phá hành nghiệp tạo trong ban ngày hướng gì tạo trong mộng rằng: Bồ tát nếu trong ban ngày tu Bát nhã ba la mật có ích, thời trong ban đêm tu cũng có ích. Nhưng vì trong ban ngày tu còn không có ích, hướng gì tu trong mộng! Vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không phân biệt có tướng ngày đêm.

Xá lợi phát nghe Tu bồ đề nói đã biết Bát nhã không thêm, không bớt, không còn gạn hỏi gì nữa. Nay lại nhân việc khác hỏi việc trong mộng: Này Tu bồ đề, nếu trong mộng tạo nghiệp, nghiệp ấy có tích tụ thành, nghiệp ấy thật có tích tụ thời nghiệp ấy có thành quả báo chăng? Nghiệp ấy nếu có thật, thời Phật thường nói hết thấy pháp không, như mộng, không thể tích tụ thành được, vì sao? Vì tâm mộng, vi tế, yếu ớt, không thể tích tụ thành nghiệp. Trong ban ngày tâm vi tế,

yếu ớt còn không thể tích tụ thành, hướng gì trong mộng! Nếu khi thức phân biệt trong mộng đã sinh tâm thiện, bất thiện là đã có thể tích tụ thành.

Tu bồ đề hỏi: Như người trong mộng giết người, khi thức dậy phân biệt rằng ta giết, thế là khoái chãng? Nghiệp ấy thế nào, có tích tụ thành chãng?

Xá lợi phát đáp: Hết thấy nghiệp trong ngày hoặc đêm đều từ nhân duyên sinh, không có nhân duyên thời không sinh.

Tu bồ đề chấp nhận lời ấy: Như vậy, nghiệp có nhân duyên thời sinh, không có nhân duyên thời không sinh, tu duy có nhân duyên thời sinh, không có nhân duyên thời không sinh. Nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp; Tư duy chỉ là ý nghiệp. Tư là nghiệp thật, còn thân, khẩu nghiệp vì do Tư nên gọi là nghiệp. Ba nghiệp ấy nhân nơi bốn thứ là, hoặc thấy hoặc nghe, hoặc hiểu hoặc biết, nhân bốn thứ ấy tâm sinh, tâm ấy theo nhân duyên sinh hoặc tịnh hoặc bất tịnh; tội nghiệp là bất tịnh, phước duyên là tịnh. Thế nên, nếu ở trong mộng thấy gì đều nhân việc thấy, nghe, hay, biết trước đó. Trong mộng tạo thiện, ác, vì sự ngu ngủ che tâm, không được tự tại, không có thể lực nên không thể tích tụ thành quả báo. Nếu nghiệp ấy khi thức dậy đem tâm thiện ác hòa hợp nên có thể giúp thành quả báo. Ý Tu bồ đề là, trong mộng tạo nghiệp thật có tích tụ thành, vì sao? Vì có nhân duyên nên mới sanh khởi, nên tâm trong ban ngày với tâm trong mộng không khác nhau, vì có sao? Vì đều nhân nơi bốn thứ thấy nghe hay biết làm sinh khởi.

Xá lợi phát lầy Không tánh để gạn Tu bồ đề: Như Phật nói hết thấy các nghiệp xa lìa tự tướng, ông làm sao nói chắc các nghiệp nhân duyên sinh, không có nhân duyên không sinh?

Tu bồ đề đáp: Các pháp tuy "không", xa lìa tự tướng, nhưng phạm phu chấp thủ tướng, có nhân duyên nên nghiệp sinh; nếu không chấp thủ tướng, không có nhân duyên thời nghiệp không sinh. Thế nên biết, hết thấy nghiệp đều từ nhân duyên chấp thủ tướng nên có, trong ban ngày và trong mộng không khác nhau.

Xá lợi phát lại hỏi: Nếu Bồ tát ở trong mộng tu sáu Ba la mật rồi hồi hướng Vô thượng đạo là thật hồi hướng chãng? Nếu trong mộng và trong ban ngày không khác nhau, thời ở trong mộng hồi hướng sẽ phải là thật? Lại, nếu trong ban ngày có tâm chấp trước thủ tướng, thời không gọi là hồi hướng, hướng gì khi ngu ngủ che tâm? Tu bồ đề cho hai vấn nạn ấy sau xa, khó đáp, nên nói với Xá lợi phát nên hỏi Di lặc.

Hỏi: Có gì chỉ nói Không mà chẳng đáp?

Đáp: Hai đệ tử ấy vì lợi ích cho Bồ tát, nên phân biệt thức với mộng, hoặc đồng, hoặc khác. Vì Phật thường nói hết thầy pháp như mộng, vậy nếu trong ban ngày hành đạo thì trong mộng cũng có thể hành đạo. Di lặc thấy hai người đều có chỗ chấp, không thể thông suốt nên Di lặc không đáp.

Lại có người nói Di lặc lấy Không để đáp. Xá lợi phát hỏi Di lặc: Như "Không" được nói. lấy đó làm chứng đắc chăng? Ý Xá lợi phát là nếu lấy "không" làm chứng đắc tức muốn sinh nạn vấn, sao làm chứng đắc được? Nếu không chứng đắc, như vậy tự ông chẳng được, chẳng biết làm sao nói được. Ý Di lặc là : Ông lấy Niết bàn làm chứng đắc, ta cho Niết bàn cũng không, vì vô sở đắc nên chẳng chứng đắc.

Có người nói: Vì Di lặc chưa đầy đủ Phật pháp nên nói không làm chứng đắc. Pháp của Bồ tát là nên biết không, vô tướng, vô tác, chẳng nên chứng đắc.

Bấy giờ Xá lợi phát nghĩ rằng: Bồ tát Di lặc có trí rất sâu, nói được như vậy, biết được tướng Niết bàn mà không thủ chứng, ấy gọi là rất sâu. Trong đây Xá lợi phát tự nói nhân duyên: Vì Di lặc lâu ngày tu sáu Ba la mật nên có trí rất sâu. Ý Xá lợi phát là, Di lặc kế tiếp sẽ làm Phật, nên có thể đáp mà không đáp. Vì vậy Phật trở lại hỏi Xá lợi phát: Ý ông nghĩ sao? Ông thấy dùng pháp ấy được A la hán chăng? Xá lợi phát thưa: Không thấy, vì sao? Vì pháp ấy không, vô tướng, vô tác thì làm sao thấy được? Nếu thấy được tức là có tướng, mắt thịt, mắt trời phân biệt thủ tướng nên không thể thấy; mắt tuệ không có phân biệt thủ tướng nên cũng chẳng thấy, vì vậy đáp chẳng thấy.

Phật dạy: Bồ tát cũng như vậy, khi được vô sanh nhẫn, không nói rằng ta nhờ thấy pháp ấy mà được thọ ký sẽ được Vô thượng đạo. Tuy không khởi lên cái thấy ấy cũng chẳng sinh nghi: Ta chẳng được Vô thượng đạo. Như ông tuy chẳng thấy pháp cũng chẳng nghi ta thành A la hán hay chẳng thành A la hán.

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Có Bồ tát khi tu Thí ba la mật, gặp người đói rét, lạnh lẽo, áo chần rách rưới, Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu bố thí cũng như khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có những việc như vậy; trái lại áo chần, ăn uống, dụng cụ nuôi sống sẽ như cõi trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Thí ba la mật, có thể đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu Bồ đề! Khi tu Giới ba la mật, thấy chúng sanh sát sinh cho đến tà kiến, nhiều bệnh, chết yếu, nhan sắc chẳng đẹp, không có uy đức, nghèo thiếu tài vật, sinh vào nhà hạ tiện, hình thù què quặt, xấu xí; Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Giới ba la mật cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy. Nay Tu Bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Giới ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu Bồ đề, Bồ tát khi tu Nhẫn ba mật, thấy chúng sanh giận dữ, mắng nhiếc lẫn nhau, dùng dao, gậy, ngói, đá tàn hại, cướp đoạt mạng sống của nhau, Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Nhẫn ba la mật cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy, trái lại xem nhau như cha mẹ, như anh em, như chị em, như thiện tri thức, đều hành từ bi. nay Tu Bồ đề, tu như vậy có thể đầy đủ Nhẫn ba la mật, gần đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát khi tu Tấn ba la mật, thấy chúng sinh biếng nhác, không siêng tinh tấn, xa bỏ ba thừa Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thừa; Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Tấn ba la mật cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy, trái lại hết thảy chúng sinh đều siêng tu tinh tấn, đối với ba thừa đều được độ thoát. Nay Tu Bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Tấn ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát khi tu Thiền ba la mật, thấy chúng sinh bị năm triền cái che lấp, đó là tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi làm mất sơ thiền cho tới đệ tứ thiền; mất từ, bi, hỷ, xả; mất hư không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi phi tưởng xứ; Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Thiền ba la mật cũng như khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc như vậy. Nay Tu Bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Thiền ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật, thấy chúng sinh ngu si, mất chánh kiến thuộc thế gian và xuất thế gian, hoặc nói không có nghiệp, không có nhân duyên của nghiệp, hoặc nói ngã là thường, hoặc nói ngã là đoạn diệt; hoặc nói không có gì; Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu Bát nhã ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có các việc

như vậy. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ Bát nhã ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh ở vào ba nhóm: một là nhóm chánh định; hai là nhóm tà định; ba là nhóm bất định, Bồ tát nên nguyện rằng: tùy theo thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta được thành Phật, khiến chúng sinh ở cõi nước ta không có nhóm tà định cho đến không có tên ấy. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, cho đến gần trí nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta thành Phật, khiến trong cõi nước ta cho đến không có cái tên ba đường ác. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy cõi nước thuần là đất không có vàng bạc, châu báu, Bồ tát nên nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến trong cõi nước ta lấy cát vàng rải đất. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có điều luyến đắm, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có điều luyến đắm. Nay Tu bồ đề, Bồ tát khi tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy các hạng chúng sinh Sát đế lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà la, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh ở trong cõi nước ta không có tên gọi về bốn giai cấp đó. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy, có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có kém, vừa, hơn; sinh vào nhà kém, vừa, hơn, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có điều hơn kém như vậy. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh sắc tướng mỗi mỗi sai biệt, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có sắc tướng mỗi mỗi sai biệt, trái lại hết thảy chúng sinh đều đoan chính, tinh khiết, thành tựu sắc đẹp. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật thấy chúng sinh có sáu đường sai biệt, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi sáu đường là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thần, trời, người, trái lại hết thảy chúng sinh đều đồng một nghiệp, tu bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, chóng đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có bốn loại sinh: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có ba loại sinh, trái lại đều bình đẳng một loại hóa sinh. Nay Tu bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh không có năm thần thông, nên phát nguyện rằng: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến chúng sinh trong cõi nước ta, hết thảy đều được năm thần thông cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có hoạn nạn về đại tiện, tiểu tiện, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh

trong cõi nước ta đều lấy việc vui pháp làm thức ăn, không có hoạn nạn về đại tiện, tiểu tiện, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh không có ánh sáng, nên phát nguyện: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta đều có ánh sáng, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy có sự tính đếm ngày, tháng, năm, thời tiết, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến trong cõi nước ta không có tên gọi về ngày, tháng, năm cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh thọ mạng ngắn ngủi, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta kiếp số, thọ mạng vô lượng, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh không có tướng tốt, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta đều thành tựu 32 tướng cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh xa lìa các thiện căn, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta thành tựu các thiện căn, dùng phước đức ấy có thể cúng dường chư Phật cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có ba độc, bốn bệnh, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có bốn bệnh: rét, sốt, bệnh gió, ba loại tạp bệnh và ba bệnh độc, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh theo tam thừa, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi Nhị thừa, chỉ toàn Đại thừa cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, thấy chúng sinh có tăng thượng mạn, nên phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật khiến chúng sinh trong cõi nước ta không có tên gọi tăng thượng mạn, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật cần phải phát nguyện: Nếu ta có ánh sáng, sống lâu có hạn lượng, tăng chúng có giới hạn, thời sẽ phát nguyện rằng: Ta tu sáu Ba la mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng

sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến ta có ánh sáng, sống lâu không hạn lượng, tăng chúng không giới hạn, cho đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, nên phát nguyện rằng: Nếu cõi nước ta có hạn lượng thời sẽ phát nguyện: Tùy theo bấy nhiêu thời gian ta tu sáu Ba la mật, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; cũng như khi ta thành Phật, khiến cõi nước ta như Hằng hà sa cõi Phật. Nay Tu Bồ đề, Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

* Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát khi tu sáu Ba la mật, nên nghĩ rằng: Tuy trong đường dài sinh tử, chúng sinh có nhiều căn tính, bấy giờ ta nên nhớ nghĩ chơn chính như vậy: Biên giới sinh tử như hư không; biên giới căn tính của chúng sinh cũng như hư không, trong đó thật tế không có sinh tử qua lại, cũng không có người giải thoát. Bồ tát tu như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, đến gần trí Nhất thiết chủng.

LUẬN: Hỏi: Vì thứ lớp gì mà nói Bồ tát thấy chúng sinh đói khát lạnh lẽo ...?

Đáp: Bồ tát vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật, được thọ ký vô sinh pháp nhẫn, không còn có việc gì khác, chỉ có một việc là làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Nay nói nhân duyên nghiêm tịnh cõi Phật là khi thấy tướng cõi nước bất tịnh, thời nguyện cõi nước ta không có các việc như vậy, nên thứ lớp nói việc ấy. Bồ tát khi tu Thí Ba la mật, nếu thấy chúng sinh đói khát, áo chần rách rưới liền nghĩ rằng: Ta chưa thành tựu phước đức và trí tuệ nên không thể cấp đủ sự cần dùng cho chúng sinh; nếu ta chỉ tu tâm từ bi thời đối với chúng sinh không có lợi ích, lúc bấy giờ ta sẽ tu hành mạnh mẽ ba thứ phước đức, trụ trong ba thứ phước đức ấy có thể làm cho chúng sinh bản cùng được sung túc, đó là phước đức được làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Thiên vương, hoặc làm Thánh nhân có thần thông, thời có thể dẫn dắt chúng sinh, phá lòng xan tham của họ, khiến tu bố thí, nên sau khi thành Phật, trong cõi nước không có kẻ nghèo cùng, trái lại tâm muốn gì đều có được, như các vật có được của cõi trời thứ sáu ở cõi Dục. Như vậy, Bồ tát lúc bấy giờ chưa nhóm công đức bố thí, nên quả báo được sung mãn hết thấy, vì có sao? Vì hết thấy pháp hữu vi đều thuộc nhân duyên sinh; nhân duyên tu thiện đầy đủ nên có thể tùy ý được quả báo.

* Lại nữa, chúng sinh vì nhân duyên phá việc trì giới nên thọ mạng ngắn, nhiều bệnh, không có uy đức. Bồ tát nguyện rằng: Ta tự đầy đủ trì giới, cũng dạy chúng sinh trì giới. Các nguyện nhỏ nhặt khác cũng như vậy cứ theo nghĩa phân

biệt. Nghĩa của lời nguyện tối hậu chẳng rõ ràng nên nay lược nói: Bồ tát khởi nguyện như trên, sinh tâm mỗi một nhằm chán nghĩ rằng: Theo Phật đạo phải tu hành công đức trải vô lượng, vô biên, vô số kiếp rồi sau này mới được. Nhưng số năm của một kiếp không thể đếm được, nên Phật dùng thí dụ chỉ dạy, hướng gì vô lượng vô biên vô số kiếp sống chết, chịu các khổ não. Chúng sinh cũng vô lượng vô biên, không thể dùng thí dụ, toán số biết được; chỉ chúng sinh số như vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới còn khó độ, huống gì là chúng sinh số như vi trần trong mười phương vô lượng thế giới mà có thể độ được. Vì việc ấy nên tâm sinh thối chuyển; ấy gọi là nhớ nghĩ tà. Thế nên Phật dạy: Bồ tát phải chánh ức niệm rằng, đường sinh tử tuy dài, nhưng việc ấy đều không, như hư không, như thấy trong mộng, chẳng phải thật dài, không nên sinh tâm nhằm chán. Lại, đời vị lai là cảnh sở duyên của một niệm, cũng chẳng phải dài.

* Lại nữa, Bồ tát có vô lượng lực phước đức và trí tuệ, nên có thể vượt qua vô lượng kiếp. Do các nhân duyên như vậy, không nên sinh tâm nhằm chán. Trong đây, Phật nói nhân duyên lớn, đó là sinh tử như hư không, chúng sinh cũng như hư không, chúng sinh tuy nhiều nhưng cũng không nhất định thật có chúng sinh, như chúng sinh vô biên, vô lượng, trí tuệ Phật cũng vô biên vô lượng nên Phật độ sinh cũng chẳng khó; thế nên Bồ tát không nên sinh tâm mệt mỏi, nhằm chán.

GIẢI THÍCH: PHẨM HÀ THIỆN THỨ 59

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi phẩm: Hằng già đề bà)

Kinh Đại Bát Nhã phần 2 ghi: Phẩm Căn Già Thiên Thứ 57)

KINH: Bấy giờ có một người nữ tên Hằng già đề bà ngồi ở giữa hội chúng. Người nữ ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, trạch áo vai bên hữu, gối bên hữu quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, con sẽ tu sáu Ba la mật, sẽ làm tất cả hạnh thủ đắc cõi Phật thanh tịnh như trong Bát nhã ba la mật nói. Khi ấy người nữ lấy hoa vàng bạc và hoa sinh dưới nước, trên khô, các dụng cụ trang nghiêm để cúng dường; dệt chỉ vàng thành tám thảm vải căng lên trên Phật. Căng lên xong, ở giữa hư không phía trên Phật, hóa thành đài báu, có bốn cây trụ nghiêm trang đẹp đẽ. Người nữ đó liền đem công đức ấy chia cho chúng sanh, cũng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết thâm tâm của người nữ ấy, tức thời mỉm cười. Như pháp của chư Phật, các thứ ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng... đều từ trong miệng Phật phát ra, chiếu khắp mười phương vô lượng vô biên cõi Phật, rồi trở lại nhiều quanh Phật ba vòng và vào trên đỉnh đầu của Phật.

Khi ấy A nan từ chỗ ngồi đứng dậy, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật rằng: Thế Tôn có nhân duyên gì mà mỉm cười? Vì pháp của chư Phật chẳng vì không có nhân duyên mà cười.

Phật bảo A nan: Đó là vì cô Hằng gia đề bà trong vô số kiếp vị lai sẽ thành Phật, kiếp gọi là Tinh tú, Phật tên là Kim hoa. Nay A nan, người nữ ấy khi bỏ thân nữ, thọ thân nam, sẽ sinh vào cõi nước A tỳ la vệ của Phật A súc, ở đó tịnh tu phạm hạnh. Nay A nan, Bồ tát ở cõi nước kia cũng có hiệu Kim hoa, Bồ tát Kim hoa ấy sau khi mệnh chung ở nước kia lại sinh đến cõi Phật ở phương khác. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, không rời chư Phật; ví như Chuyển luân Thánh vương từ một nhà đến một nhà, từ sinh đến chết, chân không đạp đất. Nay A nan, Bồ tát Kim hoa cũng như vậy, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chưa từng không thấy Phật.

Khi ấy A nan nghĩ rằng: Bồ tát Kim hoa sau khi làm Phật, các hội Bồ tát sẽ như Phật hội?

Phật biết ý A nan nghĩ, bảo A nan rằng: Như vậy, như vậy! Lúc Phật Kim hoa hội các Bồ tát sẽ như Phật hội, tăng chúng của Phật Kim hoa vô lượng vô biên, không thể đếm, không thể đếm bao nhiêu trăm, ngàn, vạn, ức, na do tha. Nay A nan, lúc Bồ tát Kim hoa làm Phật, cõi nước kia không có các điều xấu ác như trên đã nói.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, người nữ ấy từ chỗ nào trồng gốc đức, gieo căn lành?

Phật bảo: Người nữ ấy từ chỗ Phật Nhiên Đăng gieo căn lành, mới bắt đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem công đức ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng lấy hoa vàng rải lên trên Phật Nhiên Đăng cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. nay A nan, như ta lúc bấy giờ lấy năm cành hoa rải lên trên Phật Nhiên Đăng cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giá, Phật Nhiên Đăng biết ta thành tựu thiện căn, thọ ký cho ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người nữ nghe ta được thọ ký, phát tâm rằng: Đương lai tôi cũng như Bồ tát được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay A nan, nên biết người nữ ấy bắt đầu phát tâm ở chỗ Phật Nhiên Đăng.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, người nữ ấy lâu đời tập tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Người nữ ấy lâu đời tập tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Hỏi: Như vậy, cả đại chúng đều nghe nói tu hạnh làm nghiêm tịnh cõi nước, có gì chỉ một người nữ phát nguyện thủ đắc cõi nước thanh tịnh?

Đáp: Có nhiều người thủ đắc cõi nước thanh tịnh nhưng không nói ra. Tính người nữ khinh suất, háo thắng, vì tập khí nhiều đời nên không nói ra.

* Lại nữa, có người nói người nữ có được phần đắc đạo, các người khác không có. Phật pháp không vậy, tùy theo duyên nghiệp của chúng sinh; thí như thuốc hay trị lành các bệnh, không chọn sang hèn. Tuy có người nữ trí cạn mà có nghiệp duyên đời trước nên được thọ ký, sinh tâm muốn nói, nên Phật cho phép nói.

* Lại nữa, nếu Phật im lặng thọ ký cho người khác sinh nghi: Vì nhân duyên gì Phật chỉ thọ ký cho người nữ ấy? Thế nên nhân lời người nữ nói mà Phật thọ ký cho.

Hỏi: Có gì tên là Hằng già đề bà?

Đáp: Tất cả đều có tên gọi để mà biết, cần gì tìm hiểu nó.

Có người nói người nữ ấy do cha mẹ cúng dường thần Hằng già nên đặt tên Hằng già đề bà. Hằng già là tên sông; Đề bà nghĩa Trời. Người nữ ấy có nhân duyên phước đức sinh vào nhà giàu, nghe giảng Phật pháp, tin vui, nên dùng hoa báu, vàng bạc, chỉ vàng dệt thành áo thượng hạ và đồ anh lạc trang nghiêm nơi thân mình dùng để cúng dường Phật. Phật đáp lại bằng cách thọ ký cho và vì xem thấy sở hành đời trước của người nữ ấy nên mỉm cười. Vì nhân duyên nhỏ mà phát khởi đại sự nên Phật mỉm cười.

Hỏi: Phước đức người nữ ấy phải lâu lắm mới chuyển đổi thân nữ, có gì vừa ở nơi cõi Phật A súc liền chuyển đổi thân nữ?

Đáp: Năm món dục lạc của thế gian khó dứt, chính người nữ đắm say năm dục lạc rất nhiều, nên tuy đời đời tu phước đức mà không thể được thân nam tử. Nay được thọ ký, các phiền não chẻ mỏng, nên ở nơi nước Phật A súc liền được thân nam. Có người nói: Người nữ này trước vì bị nhiều người khinh là nữ, nên phát nguyện thọ thân nữ được thọ ký. Có các nhân duyên như vậy, không chuyển đổi thân nữ mà vẫn được thọ ký.

* Lại nữa, Kinh nói: thân người nữ có năm chướng ngại, chứ không nói không được thọ ký, thế nên không nên gạn hỏi.

A nan nghe nói người nữ ấy trong vô lượng kiếp từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, rộng tu công đức, tương lai sẽ được cõi Phật thanh tịnh. Bồ tát ở trong cõi ấy đều có 32 tướng, 80 vẻ đẹp, ánh sáng vô lượng, thế nên A nan tán thán cho là việc chưa từng có, có thể được cõi nước thanh tịnh như vậy, giống như hội Phật. Phật chấp nhận lời ấy. A nan nghi người nữ ấy hiếm có: Nghe pháp ít mà được quả báo lớn. Thế nên A nan hỏi người nữ ấy từ chỗ nào trồng căn đức? Phật bảo: Lúc đức Phật Định Quang thọ ký cho ta, người nữ ấy cầm hoa vàng rải lên Phật và phát nguyện: người này (*Bồ tát Thích ca Văn - ND*) sau khi thành Phật cũng sẽ thọ ký cho ta như vậy. Từ các thiện căn ấy.

(Hết cuốn 75 theo bản Hán)

--oOo--